



BỨC XÚC KHÔNG LÀM TA VÔ CÁN

ĐẶNG HOÀNG GIANG



táisáchhay



nàh nam



**NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN**

BỨC XÚC KHÔNG LÀM TA VÔ CAN

Tác giả: Đặng Hoàng Giang

Biên tập Ebook: <http://www.taisachhay.com>

Ebook thực hiện dành cho những bạn chưa có điều kiện mua sách.

Nếu bạn có khả năng hãy mua sách gốc để ủng hộ tác giả, người dịch và Nhà Xuất Bản

NỘI DUNG

BỨC XÚC KHÔNG LÀM TA VÔ CAN	2
Lời nói đầu.....	7
Vẻ đẹp của người đứng một mình	9
Họ phá phách vô phương hướng và vô nghĩa	10
Lại chuyện bia, thịt chó và ấn đền Trần.....	14
3 tỉ lít bia.....	15
5 triệu con chó.....	16
500.000 ấn đền Trần	17
“Sống chung với lũ” và chủ nghĩa anh hùng thường nhật.....	19
Người nghèo không có lỗi	24
Bức xúc không làm ta vô can.....	29
Cơ thể giả,.....	33
Bi kịch của sự hào nhoáng.....	41
Vẻ đẹp của người đứng một mình	49
Rồi tất cả sẽ trở thành Đồ Sơn.....	55
Quốc gia có tỉ phú đô la, nên vui hay buồn?.....	57
Chênh lệch giàu nghèo quá mức có hại cho tăng trưởng kinh tế.....	61
Chênh lệch giàu nghèo quá mức ăn mòn hệ thống chính trị	62
Chênh lệch giàu nghèo quá mức phá hủy gắn kết xã hội.....	63
“Những người khốn khổ” ở Tiên Lãng	65
Tử tù sinh con:	69
Đừng “làm giàu trước, dọn dẹp thiệt hại sau”!	73

Văn hóa không phải lý do khiến quốc gia thất bại	78
Rồi tất cả sẽ trở thành Đờ Sơn.....	83
Từ thiện câu like.....	90
Sự khốn cùng của tư duy triệu phú	98
Tôn thờ sách là mê tín dị đoan.....	104
Ngó Mỹ,	105
lựa chọn nào cho ta?	105
Những “hiểm họa” bất ngờ khi gửi con đi du học.....	113
1. Sao nhãng học hành	114
2. Lệch lạc trong suy nghĩ.....	114
3. Học một ngành vô dụng.....	115
4. Không chịu lập gia đình	116
5. Không nghe lời bố mẹ.....	116
Bàn về triển lãm bom tấn:.....	118
Tìm lại cơ thể.....	124
Tôn thờ sách là mê tín dị đoan.....	130
Khi Louis XIV về làng.....	137
Quảng gánh lo đi.....	144
Thay cho	150
Bi thương ngược dòng chảy thành sông.....	154
Vẻ đẹp của người chạy marathon về chót	157
Cái tát hữu hình của bàn tay vô hình	160
Thị trường không đếm xỉa tới môi trường.....	162
Thị trường lãng quên người nghèo	163

Thị trường làm tha hóa truyền thông và báo chí.....	163
Thị trường cản trở sáng tạo.....	164
Thị trường coi tất cả là hàng hóa.....	164
Sự trỗi dậy của tư duy phong kiến và bảo thủ.....	166



Tặng An Chi Mai

LỜI NÓI ĐẦU

Descartes, triết gia Pháp thế kỷ 17, nổi tiếng với lời khẳng định: “Tôi tư duy do đó tôi tồn tại”. Đương nhiên tư duy và suy nghĩ đơn thuần là hai việc khác nhau. Trong một ngày chúng ta thật sự tư duy, động não, suy nghĩ tập trung bao nhiêu giờ hay thậm chí bao nhiêu phút? Cái gì kích thích chúng ta tư duy? Đó có thể là một cuốn sách, như *Bức xúc không làm ta vô can* - tuyển tập các bài viết của tác giả Đặng Hoàng Giang - chẳng hạn.

Các bài trong cuốn sách được chia thành ba chương. Chương I có chủ đề về quan hệ giữa cá nhân và đám đông trong xã hội hiện đại. Chương II bàn về một số vấn đề phát triển như môi trường, công lý và phân biệt giàu nghèo. Các bài trong Chương III bàn tới một số hiện tượng xã hội và trào lưu văn hóa đương đại. Với lăng kính đa chiều, tư duy tự do phản biện, cách tiếp cận vững chắc của một nhà chuyên môn, tác giả đã mổ xẻ xuyên qua các lớp lang văn hóa, xã hội, đời thường mà hầu hết tất cả chúng ta đều biết để tìm đến thực chất, ý nghĩa đích thực của hiện tượng. Đây thật sự là tác phẩm của một nhà phê bình xã hội (như chúng ta hiểu về cụm từ “nhà phê bình nghệ thuật”, “nhà phê bình văn học”) mà hiện nay Việt Nam còn thiếu. Và khi xã hội đang trong vòng xoáy của một sự chuyển dịch dồn dập, lộn xộn như tại Việt Nam thì rất cần những cá nhân có công cụ sắc bén để giúp giải mã những trào lưu xã hội và hiện tượng văn hóa đang xuất hiện hằng ngày quanh chúng ta. Tôi đặc biệt tâm đắc với lựa chọn chủ đề của Chương I về tâm lý đám đông, một chủ đề đến nay vẫn chưa được mổ xẻ kịp thời và đủ sâu và trúng tại Việt Nam.

Tuy nhiên tác giả không chỉ dừng lại ở sự quan sát tỉnh táo và diễn giải lạnh lùng của một nhà khoa học thuần túy. Các bài trong tuyển tập còn toát ra lòng nhân ái của một người gần gũi với số phận mọi người và mỗi người, đặc biệt những tầng lớp, những con người kém may mắn, thua thiệt trong xã hội.

Tôi không hoàn toàn chia sẻ quan điểm và phân tích của tác giả Đặng Hoàng Giang đối với mọi đề tài trong cuốn sách. Nếu như tôi hoàn toàn đồng tình với quan điểm trong bài *Ngó Mỹ, dòm Nhật, hóng Do Thái: lựa chọn nào cho ta?*, bài *Văn hóa không phải là lý do khiến quốc gia thất bại*, hay bài *Những người khốn khổ ở Tiên Lãng* chẳng hạn, thì trái lại tôi khó thông với lời nhắn nhủ “để công chúng là người quyết định cuối cùng số phận của các sản phẩm văn hóa và nghệ thuật” trong bài *Sự trỗi dậy của tư duy phong kiến và bảo thủ*. Vì theo cách tiếp cận của tác giả trong nhiều bài khác, số đông “công chúng” có thể bị chi phối, định hướng bởi những tổ chức đặt lợi ích thương mại lên trên hết, khai thác sự thèm khát hào nhoáng, danh vọng của một bộ phận đáng kể trong công chúng, từ đó không thật sự làm chủ lựa chọn của mình.

Phải chăng độc giả cuốn sách này chỉ bó hẹp trong giới học thuật và hoạt động xã hội chuyên nghiệp? Tôi không nghĩ như vậy và kêu gọi mọi người, bất kể già trẻ, nam nữ, dù thuộc tầng lớp hoặc nghề nghiệp nào, cũng hãy đến với cuốn sách. Không hề khô khan, không hề nhàm chán, cuốn sách kết hợp một cách sống động và hấp dẫn hơi thở của cuộc sống với tia sáng của học thuật. Và tôi hết sức thích thú với cách tác giả lồng ghép khéo léo sự hóm hỉnh và châm biếm sắc sảo nhưng tinh tế⁽¹⁾ vào việc phê bình xã hội của mình, khiến tác phẩm đến được với nhiều độc giả hơn.

TÔN NỮ THỊ NINH

VỀ ĐẸP CỦA NGƯỜI ĐỨNG MỘT MÌNH

Vẻ đẹp của người chạy marathon về chót

Họ phá phách vô phương hướng và vô nghĩa

Lại chuyện bia, thịt chó và ấn đền Trần

“Sống chung với lũ” và chủ nghĩa anh hùng thường nhật

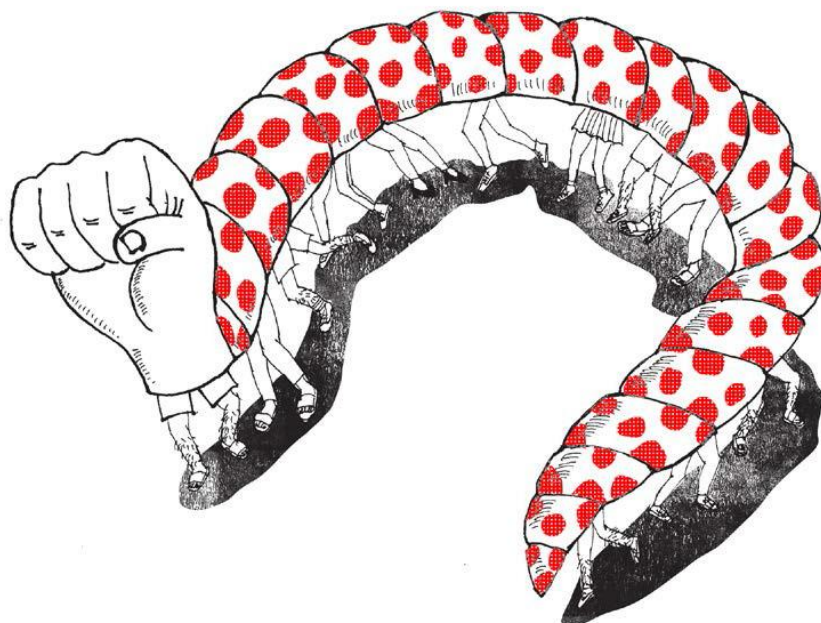
Người nghèo không có lỗi

Bức xúc không làm ta vô can

Cơ thể giả, khát vọng thật

Bi kịch của sự hào nhoáng

Vẻ đẹp của người đứng một mình



HỌ PHÁ PHÁCH VÔ PHƯƠNG HƯỚNG VÀ VÔ NGHĨA

Vì sao những người dân Đồng Nai vốn bình thường hiền lành, thân ái với nhau, lại trong tích tắc trở nên khác hẳn, hăm hở lao vào núi bia đổ, lễ mễ khuôn ra mấy bịch, rồi háo hức quay lại làm đọt nữa. Điều gì làm cho những thanh niên Nghệ An, cuối tuần vừa đi chơi với bạn gái, bỗng hăng lên lao vào “đánh hôi” kẻ trộm chó như đi trẩy hội. Lý do nào khiến những công nhân xây dựng ở Thái Nguyên, hằng ngày chăm chỉ mang cặp lồng cơm đi làm, bỗng trở nên hung hãn và đập phá chính ngay công việc đem lại miếng cơm manh áo cho mình? Sẽ hơi hợt nếu ta chỉ đưa ra những bình luận chung chung về sự suy đồi của đạo đức, về sự xuống cấp của xã hội, về niềm tin bị đánh mất, về người Việt thiếu văn hóa, vân vân và vân vân. Để có thể hiểu được những hiện tượng này và truy tìm nguyên nhân, chúng ta cần phải nhìn sâu hơn vào tâm lý đám đông và xem nó vận hành như thế nào.

Một đám đông có những yếu tố đặc biệt. Thứ nhất, trong đám đông, các thành viên của nó vô danh. Khác với lúc đứng riêng rẽ một mình, cái vô danh trong đám đông đem lại cho người ta một sự an toàn và cảm giác được bảo vệ nhất định. Thứ hai, đám đông gây phấn khích. Những người đã từng ở trong một sân vận động khổng lồ đều biết cảm giác đó khác với cảm giác có được khi xem trận bóng trước màn hình ti vi. Số đông cộng hưởng và tạo ra một năng lượng đặc biệt, một sự hưng phấn có sức lây lan lớn. Lúc đó, cô gái nhút nhát nhất cũng có thể văng tục ngon ơ và cho ngón tay vào mồm, cùng huýt sáo la ó trọng tài.

Đám đông cũng đem lại cho các cá nhân trong nó một cảm giác về quyền lực. Trong đám đông, những người vốn thấp cổ bé họng bỗng có cảm giác mình mạnh mẽ. Chúng ta hẳn còn nhớ một người đàn ông Đồng Nai vừa bê bia vừa trừng mắt quát người tài xế xe tải: “Báo công an đi, ông thách đấy!”

Và cuối cùng, đám đông rùng rùng chuyển động và trăm người như một cùng làm một hành vi nào đấy, khi họ được một sự kiện bất ngờ châm ngòi. Giả sử như hàng trăm thùng bia ở Đồng Nai kia được xếp ngay ngắn ven đường, thì dù chỉ có một người trông coi thôi, chắc cũng không ai nghĩ tới chuyện xông vào lấy. Bia đổ tung tóe ra đường tạo ra một tình huống lạ, một điều bất thường, kết hợp với sự vô danh, phần chấn lây lan, cảm giác quyền lực và an toàn, làm giảm đáng kể ý thức trách nhiệm của mỗi người về hành vi của mình, biến một bà mẹ mẫu mực thành một người hót hải gòm bia mặc dù trong nhà không có ai uống, để tới lúc tỉnh cơn say mới hối hận về hành động của mình. Trong đám đông, con người dễ đánh mất bản thân.

Tuy nhiên, chen chúc nhau để lượm mấy lon bia trên mặt đường, hay để bẻ mấy cành hoa trong một hội chợ vẫn khác xa với việc xông vào đánh đấm tới chết một kẻ trộm chó, hay châm lửa đốt rụi hàng chục cái xe máy. Điều gì khiến đám đông trở thành một sức mạnh phá hủy - nhiều khi phá hủy chính môi trường sống của bản thân họ? Những sự kiện trên có điểm gì chung với những lần các cổ động viên bóng đá ở Anh bỗng nhiên hỗn chiến và giật tung ghế của sân vận động, với làn sóng đập phá và hôi của ở London năm 2011 làm toàn thế giới kinh ngạc, hay với sáu ngày bạo lực và cướp bóc ở Los Angeles năm 1992 làm 53 người tử vong?

Điểm chung của Nghệ An 2014 (thanh niên nông thôn), Samsung Thái Nguyên 2014 (công nhân xây dựng), London 2011 (thanh niên nhập cư) và Los Angeles 1992 (thanh niên da đen) là: đám đông này là đám đông của những người ngoài lề, những người thấp bé trong xã hội, thu nhập thấp hoặc thất nghiệp, và không có cơ hội. Họ mang sẵn trong mình một sự căm kỉnh và chán nản. Họ bức bối với bản thân, với cuộc đời mình, với những thứ xung quanh. Khi họ nhập vào một đám đông, như Gustave Le Bon nhận xét trong *Tâm lý học đám đông* (bản dịch tiếng Việt của Nhà xuất bản Tri thức năm 2006), họ đánh mất tính cá nhân, tính độc lập, khả năng đánh giá và phán xét đạo đức, họ bị cuốn vào ảnh hưởng phi lý của tập thể xung quanh. Do đó, đám đông có thể làm những hành động phá hủy và bạo lực mà mỗi cá nhân, nếu đứng riêng biệt, sẽ không bao giờ nghĩ là họ có thể làm. Chỉ cần một sự kiện nhỏ xảy ra: một công nhân bị bảo vệ đánh vào đầu, một con chó bị trộm.

Thực chất, sự hung hãn của người nghèo, của những người ở đáy xã hội, tới từ cảm giác bất lực, ngoài lề, không làm chủ được cuộc đời mình. Họ thấy mình như kẻ lạ trên chính đất nước của mình, bị bỏ rơi, bị lãng quên. Họ thấy mình kém cỏi, vô giá trị. Cũng vì thế, khi đã ngấm cái say của một đám đông nổi loạn thì họ hân hoan như đang tham dự một cuộc vui điên dại. Một tờ báo đã rất chính xác khi chạy tít cho vụ Nghệ An “Đánh trộm chó đông như đi hội”. Ai xem những video quay cảnh bạo loạn ở nhà máy Samsung hẳn cũng nhận ra không khí vui vẻ, phấn khích, các bình luận xôn xao, tiếng huýt sáo, reo hò, tiếng cười sảng khoái, như ở một buổi biểu diễn văn nghệ quần chúng mà ai cũng được tham gia góp vui. Ít nhất, trong khoảnh khắc đó, họ có cảm giác mình là người thắng, người mạnh, rằng cuộc sống thú vị, sôi động, làm họ

quên đi cái mòn mỏi hằng ngày của mình. Đám đông cho họ một bản sắc, cho họ một nơi để thuộc về.

Đám đông “mới” của ngày nay khác đám đông “cũ” của năm 1945. Đám đông cũ, qua quá trình được “vận động” tham gia cách mạng, đã phát triển cho mình một ý thức hệ. Sau 30 năm kinh tế thị trường, công nhân và người nghèo bây giờ đã mất đi ý thức về bản thân như một giai cấp. Họ đơn giản bị kẹt trong cái bẫy nghèo truyền xuống từ thế hệ trước để lại. Họ là sản phẩm của văn hóa nghèo khổ, những người, mà như Oscar Lewis đã định nghĩa trong *Văn hóa của nghèo khổ* năm 1998, “có rất ít ý thức về lịch sử. Họ là những người bên lề, chỉ biết tới những vật lộn của bản thân, chỉ biết được hoàn cảnh của địa phương họ, thế giới hẹp của họ, cách sống riêng của họ. Thông thường, họ không có kiến thức, tầm nhìn hay ý thức hệ để nhận ra điểm tương đồng giữa những vấn đề của họ và vấn đề của những người giống họ trên thế giới. Nói một cách khác, họ không có ý thức giai cấp, mặc dù họ rất nhạy cảm với sự phân biệt về đẳng cấp.” Chúng ta, những người đã quen với các đại tự sự cách mạng, ngạc nhiên nhận ra rằng những đám đông nổi loạn bây giờ không có quan điểm xã hội hay thông điệp chính trị gì. Những công nhân đập phá ở Thái Nguyên không đưa ra một đòi hỏi cụ thể gì cho doanh nghiệp hay công đoàn; những người dân đánh trộm chó ở Nghệ An không có yêu cầu gì với công an hay chính quyền địa phương. Họ phá phách một cách vô phương hướng và vô nghĩa. Chính vì vậy, sự hung hãn bùng phát thường bất ngờ với các nhà bình luận xã hội và các nhà chức trách, lúc đó họ mới bối rối đi tìm lý do và lời giải thích.

Lời giải thích đơn giản nhất có lẽ đến từ Martin Luther King: “Không có gì nguy hiểm hơn là xây dựng một xã hội mà trong đó

một nhóm lớn có cảm giác họ không được can dự, rằng họ không có gì để mất. Nếu người ta có quyền lợi trong xã hội, người ta sẽ bảo vệ xã hội, nhưng nếu không, họ sẽ vô thức muốn phá hủy nó.”

Chúng ta hãy dành cho đám đông những người nghèo đô thị, những thanh niên nông thôn, những công nhân ở các khu công nghiệp, một phần tử tế của miếng bánh, một cảm giác xã hội là của họ, phục vụ họ. Một cảm giác thực sự chứ không phải chỉ trên các khẩu hiệu và văn kiện.

Nếu không, họ sẽ không để cho những người khác yên.

Tháng Giêng 2014



LẠI CHUYỆN BIA, THỊT CHÓ VÀ ẦN ĐÈN TRẦN

Từ bao giờ người Việt có thói quen lấy khoái cảm từ việc tự xỉ vả bản thân? Mấy hôm nay, người ta chuyền tay nhau các con số 3 tỉ lít bia, 5 triệu con chó, và 500.000 ấn đền Trần được tiêu thụ trong một năm như những minh chứng hùng hồn cho sự bệ rạc và xuống dốc của người Việt. Chúng ta đang tự mô tả mình như một cộng đồng chỉ quẩn quanh dọc ba cạnh của hình tam giác mà ba đỉnh là quán bia, đền chùa và quán thịt chó (trong đó cạnh nối quán bia và quán thịt chó là được lưu thông nhiều nhất).

Tôi muốn kêu gọi: chúng ta hãy bình tĩnh. Chúng ta có thể không thông minh như người Do Thái, không chăm chỉ như người Nhật Bản, hay không xinh đẹp như (đàn ông) Ả Rập, nhưng chúng ta đâu có đến nỗi nào. Đề nghị tất cả ngồi xuống, chúng ta sẽ lần lượt làm rõ từng chuyện.

3 TỈ LÍT BIA

Theo con số của các nhà sản xuất bia thì người Việt tiêu thụ 3 tỉ lít bia một năm, hay bình quân 33 lít trên một đầu người. Vậy là mỗi tuần, mỗi người uống chừng 0,6 lít bia. Tôi không cho rằng đây là con số gây sốc. Tất nhiên, có người có thể lý luận là phải bỏ ra ngoài phép tính này trẻ em, người già, phụ nữ, vân vân. Nhưng kể cả như vậy, suy ra, mỗi người đàn ông Việt cũng chỉ uống cỡ 1,2 lít bia, hay là hơn hai cốc vại một chút, một tuần. Một con số khiêm tốn. Bạn không tin ư? Xin thưa, tửu lượng này tương đương với mức độ của Ý (là những người mà ta biết là ngoài bia ra còn uống khá nhiều rượu vang). Mà Ý lại chỉ bằng một nửa Brazil. Mà Brazil lại chỉ bằng hai phần ba Úc. Nói cách khác, người Úc uống bia nhiều gấp 3 lần người Việt.

Quán quân thế giới là những người Tiệp Khắc anh em, năm 2012 họ tiêu thụ 160 lít bia mỗi người, thêm bớt mấy cốc không thành

vấn đề. Lại có một số người lý luận là thể tích của người châu Âu to hơn nên họ có thể uống nhiều hơn trước khi bị lú lẫn. Nhưng ngược lại, ta phải nhớ là ở xứ lạnh không ra mồ hôi như Tiệp Khắc thì 160 lít của họ sẽ gần với 180-200 lít hơn, còn 33 lít ở ta thì thực ra chỉ còn 20 lít vì mùa hè nó túa ra theo lỗ chân lông hết, vả lại bia hơi vỉa hè thì làm sao mà đo được lượng cồn với Pilsner Urquell. Có thể tranh luận nhiều hơn, nhưng tóm lại, chúng ta không có gì phải băn khoăn ở đây.

5 TRIỆU CON CHÓ

Bây giờ sang chuyện 5 triệu con chó bị đưa lên bàn ăn hằng năm ở Việt Nam (theo nguồn tin của tờ báo Anh *The Guardian*). Vấn đề này cần phân tích công phu hơn một chút. Người ta ăn chó ở Cameroon, Ghana, Nigeria, và không những ở những nước “lạc hậu” này, mà còn ở Canada (với điều kiện con chó phải bị giết trước sự có mặt của một thanh tra liên bang), Thái Lan, Nhật Bản, và tất nhiên, ở Hàn Quốc. Chúng ta hãy dừng lại ở đất nước này. Mỗi năm người Hàn xếp lên đĩa khoảng 8.500 tấn thịt chó. Giả định rằng mỗi con chó nặng trên dưới 10 kg, số lượng thịt này sẽ tương đương với khoảng 850.000 con chó. Công nhận là chưa thấm thía gì, nhưng ta phải lưu ý dân số Hàn Quốc chỉ có 50 triệu. Như vậy, nếu dân số tương đương với Việt Nam, lượng chó đi vào bếp ở Hàn Quốc sẽ là hơn 1,5 triệu con. Vẫn còn thấp hơn nhiều so với con số 5 triệu của ta.

Nhưng, và bây giờ các bạn hãy bám chắc vào mép bàn hay thành ghế để khỏi ngã: mỗi năm, người ta dùng thêm 93.600 tấn, tức là hơn 9 triệu chú cẩu nữa, để sản xuất ra một loại nước lên men tên là *Gaesoju*, nôm na là rượu chó, mà người Hàn Quốc thì là rất tốt cho sức khỏe, đặc biệt để “điều hòa tiêu hóa”, và nhất là “sau phẫu

thuật”. Vị chi tổng cộng là 11 triệu con chó, cho cả ăn lẫn uống. Không rõ vì sao người Hàn lại bị phẫu thuật nhiều như vậy.

500.000 ẤN ĐỀN TRẦN

Khác với bên trên, trong chuyện ấn đền Trần thì chúng ta không có điều kiện làm các so sánh quốc tế với độ tin cậy cao. Tuy nhiên con số nửa triệu là khá ấn tượng, cộng với các loại ấn của các đền khác nhau trong cả nước, cũng như các lễ lạt chùa chiền khác nữa thì về mặt thống kê có thể nói trung bình gia đình nào cũng có người đầu năm đến nhang khói nhờ thánh thần phù hộ. Câu hỏi được nhiều người đặt ra ở đây là vì sao bây giờ người Việt lại nhờ cậy tới thần linh nhiều như vậy.

Theo các nhà xã hội học, người ta càng có nhu cầu bám vào các thể lực siêu nhiên khi cuộc sống của người ta càng bất bênh, bất an, ngoài vòng kiểm soát. Nói một cách khác, khi xã hội không có thượng tôn pháp luật, không đem lại cho người dân an sinh, cảm giác an toàn, chắc chắn, được che chở, bảo vệ, thì người ta phải nương tựa cửa thánh thần.

Chẳng ngoài vòng kiểm soát hay sao nếu như bạn không chắc là miếng đất có sổ đỏ của bạn, hay cái đầm cá bạn vẫn canh tác hàng chục năm nay, tới sáng mai liệu có còn thuộc về bạn, hay đã nằm trong dự án của một đại gia nào đó rồi. Rõ là bạn muốn khẩn bái để các thánh giúp bạn không bị trượt chân ngã đúng lúc đang ở trong đồn công an, đập gậy vào đùi cui mà thiệt mạng chứ. Để các thần trao cho đứa bé sơ sinh trong gia đình bạn sức đề kháng chống cự lại với vắc xin bệnh viện được bảo quản đúng quy trình chứ. Để bà Chúa Thượng ngàn cho năm nay mưa thuận gió hòa để cái đập thủy điện lơ lửng bên trên đầu bạn không xả lũ đúng quy trình chứ.

Những cái “quy trình” mà lúc nào cũng đúng, nó cứ lừng lững tiến như xe lu, cán bẹp mọi thân phận không may dính phải nó, người ta biết nhờ vào ai mà tránh nếu như không vái tứ phương.

Nhưng còn một cái bấp bênh cuối cùng nữa, đó là không rõ các thánh thần có còn tai mà nghe tiếng cầu khẩn của dân hay không. Đứng trước hàng chục nghìn dân đen nhốn nháo, quần áo nhếch nhác, chen chúc nhau trước cửa đền Trần là mấy hàng quan chức, trang nghiêm trong những bộ com lê đen trịnh trọng, như đang ở một cuộc họp trung ương. Họ trò chuyện và hứa hẹn gì với đức Thánh Trần, sẽ chẳng ai biết được. Nhưng gì thì gì, ở chỗ linh thiêng này cũng như nơi trần tục, quan phải xong thì mới tới lượt dân.

Cho nên các bạn ơi, đừng có chê bai hay chế nhạo người dân mà tội nghiệp họ. Cuối cùng, chỉ còn mỗi quán thịt chó và quán bia là những nơi mà người dân có thể vui vẻ bên nhau và trú ẩn chốc lát trước một cuộc sống đầy bất trắc.

Tháng Hai 2014



“SỐNG CHUNG VỚI LỮ” VÀ CHỦ NGHĨA ANH HÙNG THƯỜNG NHẬT

Câu chuyện của một người bạn tôi, ta tạm gọi là Hồng, trưởng bộ môn ở một trường đại học lớn, chắc hẳn cũng xảy ra trong vô vàn cơ quan và công ty nhà nước khác. Hằng năm, chị và các đồng nghiệp đều được “nhắc khéo” khi sắp tới ngày giỗ bà thân sinh của ông hiệu trưởng, và vào hôm đó, lãnh đạo các khoa và các bộ môn

lại nghỉ việc, cùng nhau thuê một chuyến xe về quê ông hiệu trưởng. Trung bình mỗi người đi ăn giỗ để vào phong bì một triệu, một khoản thu nhập xinh xắn mà không vất vả cho ông hiệu trưởng.

Những người về dự giỗ hôm đó có thực sự muốn chia sẻ với ông hiệu trưởng một ngày đáng nhớ, xúc động, trong không khí ấm cúng, với 300 người “gần gũi” của gia đình? Chắc chắn không. Ngược lại, ai cũng hiểu rằng đây là một kỹ thuật làm tiền thô thiển. Nhưng người ta tuân theo nó vì “ai cũng làm vậy cả”. Ma chay hiếu hỉ, rồi Trung thu, Tết, sinh nhật, ốm đau, mỗi lần là một dịp phong bì. Không ai muốn bị đánh giá là không trung thành, là phá bình. Đây chỉ là một vài trong số vô vàn tiểu tiết người ta làm để mong có được một cuộc sống yên ổn.

Tôi hình dung, trên chuyến xe hôm đó, người ta bông lơn pha trò, giống như các chuyến dã ngoại khác của trường, nhưng thỉnh thoảng vẫn thấy le lói sự lỗ bịch của tình huống. Lúc bước xuống xe, có thể người ta không khỏi cảm thấy một chút cay đắng, nhưng rồi gạt nhanh nó đi. Khi lần lượt bắt tay ông hiệu trưởng, thông điệp mà mỗi người phát ra sau nụ cười là: “Ông thấy chưa, tôi cư xử đúng như ông muốn nhé. Tôi tuân theo luật chơi đấy, nên ông hãy để yên cho tôi sống, và có món gì thì đừng có mà quên tôi.”

Điều chúng ta nhìn thấy ở đây là quyền lực độc tôn, quyền lực của một bộ máy mà ông hiệu trưởng là đại diện trực tiếp, bao trùm lên những người dưới ông như một vỏ bọc khổng lồ. Trong thâm tâm, người ta có thể lên án, nhưng bên ngoài họ im lặng, và làm những điều mà hệ thống yêu cầu. Họ sống trong một sự dối trá.

Người Việt mô tả tình huống này bằng một câu nói tài tình “Sống chung với lũ”. Đây là một câu cửa miệng - không chỉ những người dưới quyền ông hiệu trưởng dùng câu này, mà bản thân ông ấy và cả những vị bên trên ông cũng thế. Qua câu này, người ta muốn thể hiện, với người nghe và với bản thân, rằng họ là người đảng hoàng, tuy họ phải sống cùng cái xấu, nhưng họ khác nó, họ không phải cái xấu.

Tất nhiên, không ai muốn tự thú nhận sự khúm núm mất tự trọng của mình, và bên kia cũng hiểu vậy, nên cả hai tìm ra những hình thức trang trí cho mục đích thực chất đằng sau. Trá hình dưới những dịp lễ Tết, sinh nhật, ốm đau, hiếu hỉ, mục đích thực chất là để một bên luôn tái khẳng định quyền lực, và bên kia luôn tái khẳng định sự phục tùng, trong khi vẫn tự nhủ với nhau và với bản thân rằng nhân phẩm của họ vẫn nguyên vẹn.

Nhưng “sống chung với lũ” chỉ là một sự tự ru ngủ. Bởi khi người ta chấp nhận sống chung với cái dối trá, thậm chí cố gắng trục lợi từ nó, thì như Václav Havel, cố tổng thống Tiệp Khắc, viết trong tiểu luận mang tên *Quyền lực của những người không quyền lực*, “người ta xác nhận cái hệ thống, đáp ứng nó, làm ra nó. Người ta chính là cái hệ thống đó.”

Và khi có người cầm phong bì xuất hiện trước cửa nhà Hồng và đồng nghiệp để nhờ cậy, họ sẽ phải phản ứng thế nào? Nếu từ chối những vị khách này thì chẳng phải họ tự thú nhận những hành động họ làm với ông hiệu trưởng là đáng chê trách, đáng xấu hổ, là không chấp nhận được? Hơn nữa, không ai chỉ có thể cho mãi mà không nhận. Cho nên, họ phải coi đây là một hành động bình thường. Khi người ta chặc lưỡi nhận phong bì từ những người có ít quyền lực hơn mình, họ đã khép kín vòng tròn. Để ngủ ngon, họ

phải tin vào tính chính danh của các hành động của mình. Điều này, Václav Havel viết tiếp trong tiểu luận nói trên, “cho phép người ta đánh lừa lương tâm và che đậy trước thế giới và trước bản thân chỗ đứng thực của họ, cái cuộc sống thê thảm của họ. Nó là tấm voan để con người có thể giấu đi sự tồn tại thảm hại, sự tầm thường hóa, sự thích nghi của mình. Nó là một lời thanh minh mà ai cũng sử dụng, từ một nhân viên sợ mất việc tới một lãnh đạo cao cấp bám lấy quyền lực. Chức năng của nó là khiến người ta, những nạn nhân lẫn những trụ cột của hệ thống, ảo tưởng rằng hệ thống đang tồn tại hài hòa với trật tự của con người.”

Chuyến xe dự giỗ kia là một nhắc nhở cho mọi người về cái trật tự đó, nhắc nhở họ đang sống ở đâu, họ phải hành xử thế nào, nếu như họ không muốn bị loại ra ngoài, bị hất hủi. Hành xử đó cũng phải được thể hiện ở vô vàn chỗ khác: trong lớp học, trong các hội đồng nghiệm thu đề tài, khi viết các bài báo, khi họp bộ môn, khi xét thưởng và bổ nhiệm, ở các buổi văn nghệ và liên hoan... Cái vòng tròn khép kín kia chính là hệ mao mạch đưa cái giả dối thẩm thấu đến chân tơ kẽ tóc vũ trụ của Hồng và các đồng nghiệp của cô.

Và lúc đó, ai sẽ là người lên tiếng khi có bất công xảy ra? Ai sẽ phát biểu khi một giảng viên bị trù úm, một luận án bị hủy bỏ bất thường, một ghế trưởng khoa được mua bán ngang nhiên, một công trình đạo văn trắng trợn? Khi đã thận trọng, tính toán qua từng chuyến xe buýt, từng cái phong bì, để xây dựng và chăm chút cho sự an toàn của cái cuộc đời con con của mình, người ta có còn dám để lương tâm lên tiếng khi nó muốn lên tiếng?

“Đây là một thời kỳ mà cái xấu được thưởng công, và những điều tốt bị trừng phạt. Những kẻ hung hãn được ngợi ca, còn

người yếu mềm bị chà đạp. Trong thế giới điên đảo này, phần lớn mọi người bối rối. Sợ hãi làm họ mất phương hướng, mong muốn tự vệ làm họ mù lòa.” Những dòng trên là những gì nhà tâm lý học Eva Folgemann viết trong cuốn *Lương tâm và can đảm* về thời kỳ Phát xít Đức, và vẫn còn nguyên tính thời sự.

Nhưng không phải tất cả mọi người đều như vậy - thời đó cũng thế mà bây giờ cũng vậy. “Một số ít người vẫn giữ được con đường của mình. Một số ít vẫn dùng la bàn đạo đức riêng để định hướng.” Folgemann viết tiếp. Hồng và một vài người nữa trong trường đã không lên xe đi dự giỗ.

Giống như những người tố cáo một bệnh viện nhân bản xét nghiệm máu hay tráo thủy tinh thể, hay lên tiếng khi thấy lãnh đạo một trường nội trú cắt xén học bổng của học sinh, trong khi những người khác xung quanh im lặng, ở đây có một số cá nhân quyết định bước ra ngoài hệ thống, không tham gia “cuộc chơi”, và chấp nhận các thiệt thòi mà quyết định đó có thể đem lại. Giáo sư Philip Zimbardo gọi đó là những hành động anh hùng và những cá nhân đó là những “anh hùng thường nhật”. Trái với hình dung lãng mạn của chúng ta, anh hùng không chỉ là những siêu nhân xả thân cứu cả cộng đồng hay quốc gia trong một cuộc chiến tranh. Nhà điền kinh và hoạt động xã hội Mỹ, Arthur Ashe, viết, “chủ nghĩa anh hùng thực sự thường không rực rỡ và không kịch tính.” Những “anh hùng thường nhật” là những người giữ được “la bàn đạo đức” của mình trong một tình huống, có thể rất nhỏ, của cuộc sống. Theo Zimbardo, chủ nghĩa anh hùng khác với các hoạt động nhân đạo từ thiện, tuy cả hai đều phục vụ những người khác. Nó đòi hỏi một thái độ chấp nhận hy sinh lớn hơn. Để không thỏa hiệp các nguyên tắc của mình, những anh hùng thường phải chấp

nhận các tổn thất lớn nhỏ: đánh đổi tiện nghi vật chất, bị cô lập, hắt hủi về mặt xã hội, hay bị khủng bố, gây áp lực về tinh thần.

Khái niệm “anh hùng thường nhật” thay đổi cách nhìn của chúng ta. Thay vì hình dung rằng phẩm chất “anh hùng” được thiên nhiên ban tặng cho một số cá nhân đặc biệt, chúng ta hiểu rằng nó không phi thường, mà gần gũi hơn rất nhiều. Thứ nữa, khi đặt chữ “anh hùng” cho một hành động nhỏ như hành động của Hồng, chúng ta cho nó một sự tôn vinh và khích lệ xứng đáng. Cuối cùng, “anh hùng thường nhật” mang trong nó hàm ý là ai trong chúng ta cũng có thể làm được điều tốt, thậm chí, thay vì thụ động chờ đợi một siêu nhân ra tay, ai cũng có nghĩa vụ trở thành anh hùng thường nhật ở một khía cạnh nào đó, trong một tình huống nào đó. Đó là cách duy nhất để đẩy lùi lũ.

Tháng Bảy 2015

NGƯỜI NGHÈO KHÔNG CÓ LỖI

Hẳn ai cũng từng nhìn thấy hình ảnh này đâu đó ở vùng núi: người dân ngủ lán lóc bên vệ đường, xe máy vút lông chông bên cạnh. Trước đó, họ đã ra chợ bán đi mấy bó củi hay con gà, rồi mua rượu uống say túy lúy. Nếu xuống làng của họ, sẽ thấy thêm nhà nào cũng uống, người nào cũng uống. Đây là những làng mà trợ cấp bao nhiêu cũng hết nhưng không làm ra được cái gì, tiền hỗ trợ cho trẻ con đi học thì bị người lớn lấy để mua điện thoại di động, dùng vài tuần rồi vút lán lóc. Đến thóc giống được phát cũng

“nảy mầm” thành rượu. Trẻ em thì lớn lên trong hoang dã, không ai đoái hoài. Nhìn những cảnh đó, khó mà kiềm chế được cảm giác bức bối. Hình dung lãng mạn về người nghèo của chúng ta vẫn là những bà mẹ tần tảo chợ búa, những người cha gầy gò cặm cuì kéo xe. Nhưng thực tế trần trụi là ở nhiều nơi, người nghèo sống một cuộc sống vật vờ, thậm chí ốm thì cũng đắp chiếu nằm đó chứ không thiết đi chữa bệnh.

Thời gian gần đây có thể nhận thấy có một sự sốt ruột từ phía chính quyền và dư luận xã hội với những người nghèo. “Anh chị mà còn nghèo,” họ lên tiếng, “thì là lỗi tại các anh chị, chứ còn của ai nữa.” Đầu tháng Ba, trong bài *Sống ăn bám* trên VnExpress, tác giả Hoàng Xuân mô tả sự lười biếng, buông xuôi nát rượu ở một làng quê Ninh Thuận, nơi người dân có “cái vẻ hiền lành gần như trì độn” làm tác giả “chỉ muốn hét to”. Người nghèo quen xin xỏ, dựa dẫm, được cấp cho con bò thì buộc cọc bỏ đói, có cơ hội thì “đào mỏ” tới cạn kiệt những hộ hàng khá giả hơn. Tâm lý ăn bám, hèn nhọc bệnh hoạn, tác giả kết luận, là lý do khiến nhiều người nghèo vẫn hoàn nghèo. Bài viết nhận được hưởng ứng của khá đông đảo bạn đọc và được share gần 1000 lần qua Facebook.

Giữa năm ngoái, trang mạng của đảng bộ Điện Biên dẫn ý kiến của nhiều vị lãnh đạo tỉnh: “Nguyên nhân *căn bản* cản trở mục tiêu giảm nghèo của địa phương là bệnh lười khá phổ biến trong tư tưởng người nghèo.” Với những người này, “có nỗ lực tuyên truyền, vận động, giúp đỡ bao nhiêu thì tất cả cũng trở thành vô nghĩa.” Một phát ngôn khá táo bạo với một tỉnh có tỉ lệ hộ nghèo chính thức là 38%.

Đầu năm nay, Đà Nẵng hết kiên nhẫn và tuyên bố “kiên quyết không thực hiện hỗ trợ chính sách đối với những hộ nghèo nhưng

lười lao động”. Đây là địa phương đầu tiên làm động tác mạnh tay này, và sẽ không ngạc nhiên khi trong thời gian tới quan điểm quản lý ấy được các địa phương khác noi theo.

Quan điểm “nạn nhân có lỗi” không chỉ có ở Việt Nam. Ở các nước Trung Âu, nhiều cộng đồng người nhập cư vẫn được coi là “nát rượu” và là “máy đẻ”, lợi dụng lòng hảo tâm của nhà nước. Dân Di gan thì khỏi nói, bị liệt luôn vào dạng mọi rợ, cộng thêm lưu manh vặt, tóm lại là vô phương cứu chữa. Ở Mỹ, nhiều người lớn tiếng là đã tới lúc người nghèo phải tắt ti vi đi và nhấc cái mông béo ú ra khỏi xô pha mà đi tìm việc, thay vì sống triền miên bằng trợ cấp xã hội.

Thực ra, đây là một quan niệm rơi rớt lại từ tư duy của cách đây hai thế kỷ. Ở London thời Victoria, tầng lớp giàu có cho rằng nghèo đói là do lười nhác, nghiện ngập, cờ bạc và chi tiêu vô tội vạ (giống hết những gì tác giả Hoàng Xuân kể về cái làng ở Ninh Thuận), và do đó, chính phủ không nên và không cần can thiệp. Samuel Smiles, tác giả có ảnh hưởng lớn của cuốn *Self-Help* nổi tiếng, xuất bản năm 1859, còn cảnh cáo là “bất cứ cố gắng nào của chính quyền nhằm giúp đỡ người nghèo sẽ chỉ làm họ thêm phung phí trong tiêu pha và không lao động chăm chỉ để cải thiện bản thân”. Ở điểm này, có vẻ ông Samuel Smiles và chính quyền Đà Nẵng có cùng suy nghĩ.

Suy nghĩ này tuy xuôi tai (và dễ nhận được sự đồng tình từ những người làm từ thiện mãi rồi nản), nhưng lại nhìn nhầm vấn đề. Điểm chung của người nghèo ở Việt Nam bây giờ và người bần cùng ở London cách đây 150 năm là: không phải lỗi sống của họ dẫn họ tới nghèo đói, mà nghèo đói đã tạo cho họ lối sống như vậy. Nói khác đi, cái nghèo cha truyền con nối đã biến họ thành

những con người có thái độ sống buông xuôi, những người mà một cán bộ địa phương ở Vân Canh, Bình Định, mô tả một cách rất chính xác là “ngày ngày cứ ra đường ngồi chống cằm rồi về... uống rượu”.

Người nghèo phải chịu một mức độ stress cao hơn rất nhiều, do bệnh tật, thiếu thốn, đói kém và rủi ro triền miên đem lại. Một cách tự nhiên, con người phản ứng với tình trạng stress này bằng hai cách: hoặc giận dữ, hung hăng, hoặc thụ động, buông xuôi; và nhiều khi họ chạy từ thái cực này sang thái cực khác. Theo các nghiên cứu về thần kinh, trong khi các cú stress ngắn hạn có tác dụng làm tăng sự tập trung và linh lợi, stress mãn tính gây hại tới “hồi hải mã” (hippocampus), một phần của não trước đảm nhiệm việc lưu giữ thông tin, ngôn ngữ, hình thành ký ức dài hạn và khả năng định hướng trong không gian.

Các quan sát lâu năm cũng cho thấy, ở trẻ em lớn lên trong nghèo khổ, vùng tiền não thùy (prefrontal cortex) - đây là vùng liên quan tới khả năng kiểm soát bản thân và điều phối cảm xúc - bị ảnh hưởng, tương tự như ở người trầm cảm. Điều này cũng giải thích cho vẻ mặt “hiền lành gần như trì độn” mà bài báo VnExpress quan sát được.

Các nghiên cứu về hành vi gần đây cũng chỉ ra là sự thiếu thốn và bất an làm giảm thiểu các tài nguyên liên quan tới nhận thức, hay là công suất não, dẫn tới những hành vi không hợp lý và các quyết định không hiệu quả. Năm ngoái, một loạt các thí nghiệm với người dân Mỹ của Đại học Princeton kết luận rằng nghèo khổ có hậu quả tương đương với mất đi 13 điểm của chỉ số IQ. Cái nghèo làm cho người ta thiếu những kỹ năng sống cơ bản, cũng

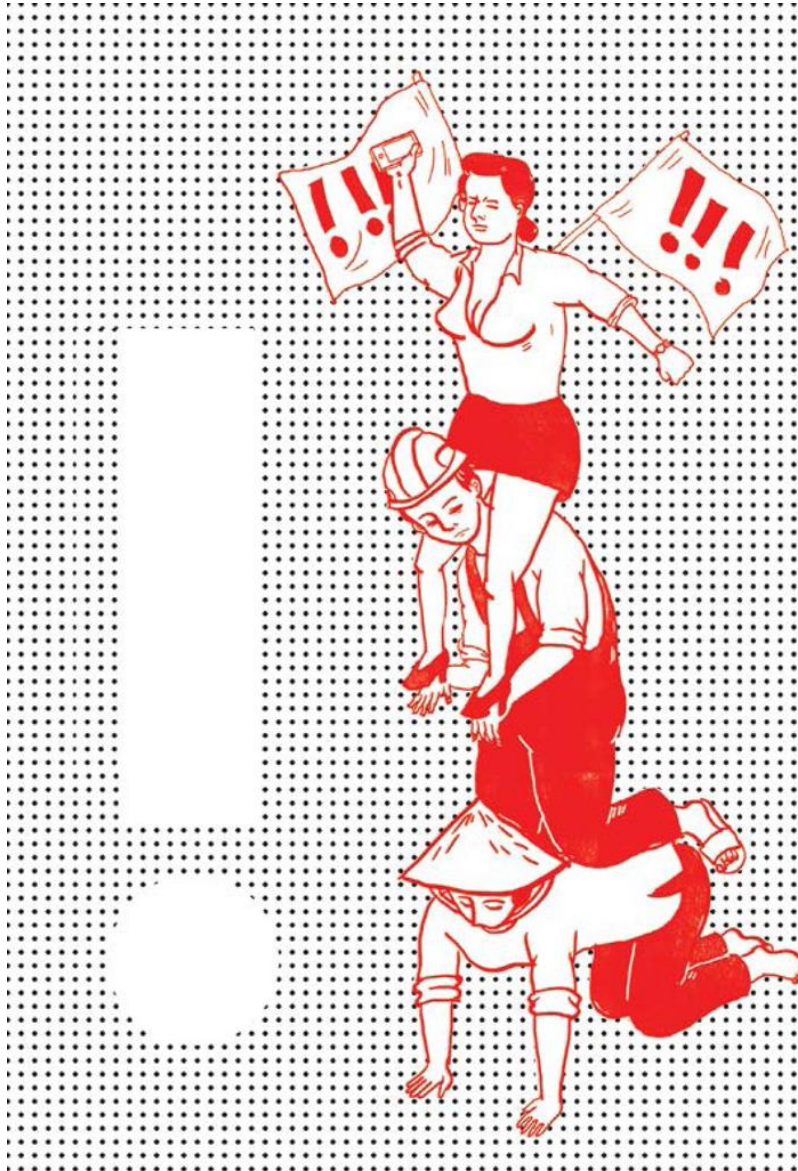
như năng lực nhận thức để có thể làm chủ bản thân và cuộc sống. “Mụ mẫm vì nghèo” là một cách diễn đạt khác.

Và như vậy, yêu cầu những người sinh ra và lớn lên trong một môi trường cùng cực, thậm chí qua nhiều thế hệ, là họ phải có nghị lực, quyết tâm, chăm chỉ, cần cù, suy nghĩ sáng tạo, quyết định hợp lý, tiết kiệm, sử dụng đồng tiền đúng chỗ, thì không khác gì yêu cầu dân văn phòng, những người vốn không quen sử dụng cơ thể của mình, phải có sự khéo léo, uyển chuyển, dẻo dai, động tác chính xác, cử chỉ nhিপ nhàng, duyên dáng như một vận động viên nhảy cầu.

Hãy hình dung bạn có một người em nghiện ngập, nhu nhược, lười biếng, và hay làm những việc khiến bạn muốn phát điên lên. Bạn phải làm gì? Chu cấp mãi thì không ổn, mà phải tay bỏ đi thì cũng không xong. Trước hết, bạn dừng lại các chê trách và lên án. Và sau đó, bạn tìm cách giúp người đó nhen nhóm lên sự tự tin, tạo thói quen bắt tay vào việc dù rất nhỏ, kiên nhẫn hướng dẫn, khích lệ để họ đạt được những bước tiến dù bé xiu, gây dựng cho họ niềm hy vọng về chính bản thân, một cảm giác họ không phải là phế thải.

Một cộng đồng nghèo cũng cần được đối xử như vậy. Nó khó hơn nhiều việc chỉ quyên góp tiền hay hỗ trợ thóc gạo, nhưng không có cách nào khác.

Tháng Tư 2014



BỨC XÚC KHÔNG LÀM TA VÔ CAN

Vào buổi sáng Chủ nhật đẹp trời tuần trước, trên đoạn quốc lộ 1A thuộc tỉnh Quảng Nam, một tài xế xe tải chở xoài vụng về tránh một xe máy cùng chiều, cua tay lái gấp, và làm xe lật nghiêng. Hơn chục tấn xoài đổ tràn ra đường. Người dân xung quanh xúm lại chia nhau bảo vệ hiện trường và giúp tài xế thu gom xoài nằm

vung vãi. Các báo đăng một tin ngắn về sự việc. Hôm sau, câu chuyện rơi vào quên lãng.

Điều này làm tôi suy nghĩ.

Tôi tin chắc rằng nếu như người dân lao vào hôi xoài, thì ngay lập tức dư luận sẽ dậy sóng, trên các mặt báo lại đầy những cảnh báo về đạo đức xã hội suy đồi, và người ta lại hổ thẹn lẫn cho nhau trước các bạn quốc tế. Vậy mà sao hôm đó các ống kính báo chí không chụp cận cảnh những người dân đang tươi tắn, nhể nhại mồ hôi khuôn xoài hộ tài xế, như họ đã từng zoom vào các khuôn mặt tươi tắn và nhể nhại mồ hôi hôi bia cách đây mấy tháng? Sao không có ai phỏng vấn anh tài xế thở phào nhẹ nhõm vì không phải đền hàng? Và mấy hôm sau, sao không có người dân nào căng băng rôn ven đường “Tôi tự hào là người Quảng Nam”?

Câu chuyện nhỏ này cho ta thấy là chúng ta, một cách vô thức, thờ ơ với các tin tốt, nhưng lại quan tâm đặc biệt tới các tin xấu. Hôm Chủ nhật kia, thậm chí ta còn gần như nghe được tiếng thở dài tiếc rẻ của các nhà bình luận trên mạng, vì vụ xoài đổ này đã không cho họ một cơ hội để khẳng định lại một lần nữa rằng chúng ta thật là những con người tồi tệ, sống trong một môi trường thật tồi tệ.

Tin tức về những “tệ nạn” hay “bất cập” trong xã hội cung cấp cho chúng ta những cái cớ để than phiền và kêu ca. Phàn nàn, bức dọc, cáu kỉnh, chê bai đang trở thành những trạng thái thường trực trong dư luận. Các trạng thái này được gói ghém một cách tài tình trong từ “bức xúc”. Không từ tiếng Việt nào lại có một sự nghiệp thăng tiến ngoạn mục như vậy. Từ chỗ vô danh cách đây bảy, tám năm, bây giờ, nếu gõ “bức xúc” vào Google, ta sẽ được 29

triệu kết quả, gấp gần mười lần “Ngọc Trinh”, một con số ấn tượng cho một từ có làn da xấu xí như vậy.

Vì sao chúng ta lại ưu tiên tin xấu, đăm đuổi với chúng, thay vì chú ý tới những điều tốt lành? Vì sao chúng ta muốn kêu ca, phàn nàn thay vì vui tươi chuyển tay nhau những tin vui, những câu chuyện đẹp? Hội chứng “bức xúc” mới nghe thoát tưởng vô lý, nhưng nó có những lý do tâm lý đằng sau.

Trước hết, khi lên tiếng phê bình hay than phiền về một điều gì đó, chúng ta chứng tỏ cho người khác và cho bản thân là chúng ta không thờ ơ, vô cảm, mà vẫn còn quan tâm, lo lắng. Hơn nữa, khi chê trách người khác, chúng ta cảm thấy ưu việt về mặt đạo đức, và tự hài lòng vì thấy mình tốt đẹp hơn. Càng có nhiều vụ cướp tiệm vàng, bác sĩ vứt xác bệnh nhân, bảo mẫu đánh trẻ, hôi của, bẻ hoa, chúng ta càng có nhiều cơ hội để tự nhủ là chúng ta không phải “họ”, chúng ta chỉ không may bị chung sống cùng “họ”, nhưng thực chất chúng ta ưu tú hơn “họ” nhiều.

Một điểm quan trọng nữa là khi bức xúc, chúng ta phát ra tín hiệu là chúng ta vô can và vô tội. Các chính trị gia đã nhận ra điều đó; các bạn có thấy gần đây các quan chức cũng bức xúc rất nhiều? *Đại biểu Quốc hội bức xúc trước tình trạng tham nhũng (Báo điện tử Chính phủ, 29/10/2013). Bộ trưởng Bộ Y tế bức xúc về đồng nghiệp (Tuổi trẻ, 4/11/2013). Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn bức xúc về thực phẩm độc (Báo Đầu tư, 2/1/2014).* Khi bày tỏ sự bức xúc, một cách khéo léo, chúng ta tuyên bố là mình không thể thuộc về bên “thủ phạm” được, mà mình đứng về phía bị thiệt thòi, mình cũng là nạn nhân.

Dần dần, chúng ta đắm ra nghiện những cái lắc đầu, những cái chép miệng, lúc thì ta phẫn nộ, khi thì chỉ cười buồn. Cảm giác

mình tốt đẹp, đầy sự quan tâm, cộng với sự vô can, không liên đới, không chịu trách nhiệm, là một cảm giác êm ái. Nó cũng giúp xoa dịu những bức rút lương tâm thi thoảng nổi lên, khi chúng ta lơ mờ cảm thấy mình không đủ dũng cảm để làm hết những gì có thể làm trước những sai trái trong xã hội. Những lúc đó, cách trấn an bản thân hiệu nghiệm là tỏ ra bức xúc một cách gay gắt.

Nhưng chúng ta không vô can. Cuộc sống của mỗi cá nhân chúng ta đang đặt trên nền của bao nhiêu bất công và phi lý. Những viên gạch xây nên ngôi nhà của ta được đóng bởi những đứa trẻ có tuổi thơ vất vả. Cái ti vi ta dùng được làm bởi những người công nhân di cư có một cuộc sống buồn tẻ và khốn khó, con cái họ bị khó dễ khi tới trường vì không có hộ khẩu.

Cho nên, lần tới, khi ngồi trong quán ăn ở một resort bên bờ biển, bạn cũng đừng bức xúc với mấy người phục vụ quê mùa đang lóng ngóng rót rượu vang vào cốc uống nước cam nữa. Hãy cúp mắt xuống, khiêm nhường, khi họ đứng trước mặt bạn. Bởi có thể gia đình họ đã bị đuổi ra khỏi nơi này, và ngôi làng mà họ đã sống ở đó nhiều đời đã bị xóa sổ để biến thành nơi bạn đang tới nghỉ. Có thể chúng ta không phải là những kẻ trực tiếp tạo ra bất công, nhưng cuộc sống của chúng ta đang phụ thuộc vào những kẻ đó, chúng ta ngồi cùng bàn tiệc với họ.

Ý thức về điều đó là việc tối thiểu mà ta có thể làm. Ngoài việc chúng ta chuyển tay nhau những câu chuyện đẹp, những tin tốt, để chúng nhận được sự công nhận và giá trị xứng đáng.

Tháng Tư 2014



CƠ THỂ GIẢ, KHÁT VỌNG THẬT

Phiên bản mới nhất của câu chuyện *Từ Lọ Lem thành công chúa* mang tên *Thay đổi cuộc sống - Change life*, một chương trình truyền hình thực tế do VTV2 phối hợp với kênh truyền hình Raum (Hàn Quốc) thực hiện. Với mục đích “từ thiện”, chương trình chọn 11 ứng viên trẻ và có ngoại hình xấu xí (10 người trong đó là nữ)

trong số 700 hồ sơ gửi về, và đưa họ sang Hàn Quốc phẫu thuật thẩm mỹ miễn phí với chi phí 50.000 USD một người trong thời gian ba tháng.

Báo chí và khán giả nghi ngờ với những “11 sự lật xác ngoạn mục”, “sự phù phép khó tin” và “sự thay đổi kỳ diệu”. Được trầm trồ nhất là trường hợp của cô gái Nam Định Vũ Thanh Quỳnh, bởi thậm chí chính cô cũng “không nhận ra mình nữa”. MC Minh Quân của chương trình xúc động: “Từ một người có hàm răng hô, mũi gãy, bị mọi người chê bai, bạn ấy đã trở thành một hot girl, được báo chí và nhiều người khác quan tâm... Hàng xóm hai bên cũng sang chia vui, gia đình còn nhận được sự hỗ trợ của những đơn vị xã hội khác vì nhà Quỳnh rất nghèo.”

“Có những bạn trước đây giận bố mẹ vì đã cho mình hình hài không may mắn, giờ hối hận và xin lỗi.” MC Phí Linh cũng không kìm được lòng mình. “Xúc động nhất” là trường hợp của Lê Thị Thúy, bố của Thúy “đã khóc vì hạnh phúc khi biết con mình được chương trình chọn, để rồi đột ngột ra đi trong lúc bạn xa nhà để phẫu thuật ở Hàn Quốc.”

Rất nhạy cảm với thị trường, mùa hè này một chương trình truyền hình thực tế khác mang tên *Phép màu sắc đẹp* sẽ được tung ra để cạnh tranh, với nội dung giống hệt. Doanh nhân Lý Nhã Kỳ ủng hộ nóng chương trình mới này 1 tỉ VND và phát biểu: “Một người phụ nữ đẹp vẫn muốn đi làm đẹp huống chi là những người phụ nữ kém may mắn.”

Nhiều người đánh giá những chương trình truyền hình thực tế này là “tiếng súng mở màn cho trào lưu phẫu thuật thẩm mỹ tại Việt Nam trong thời gian tới”. Chúng ta đang chứng kiến một sự chuyển dịch trong quan điểm của công chúng (*Thay đổi cuộc sống*

đã được đề cử giải VTV Awards 2015 chỉ sau hai tháng lên sóng). Phẫu thuật thẩm mỹ đang được diễn giải và quảng bá như một chìa khóa để giải phóng bản thân và chạm tới hạnh phúc. Bạn có một gã chồng dở hơi? Thay vì bỏ hẵn, bạn hãy đi nâng cấp khuôn mặt mình. Trang mạng của một thẩm mỹ viện kể lại một câu chuyện ở Hàn Quốc: “Cô Kim Eun Ah đã phải sống những tháng ngày tồi tệ cùng đau khổ khi bị chính người chồng mình yêu thương mắng nhiếc, chửi rủa chỉ vì vẻ ngoài không xinh đẹp. Cuối cùng, người phụ nữ này đã phải tìm đến phẫu thuật thẩm mỹ để thoát khỏi cuộc sống tăm tối đó.” May mắn thay, cô được nhận vào chương trình truyền hình *Let me in* (chính là cụ tổ của mấy chương trình Việt). “72 ngày sau khi được phẫu thuật, cô đã biến thành một phụ nữ xinh đẹp và quyến rũ. Lúc này, thái độ của người chồng bỗng thay đổi, ‘vợ giờ đẹp hơn rồi, tôi khó lòng mà nói ra được chữ chia tay.’”

Đặt nền móng cho sự chuyển dịch quan điểm này là sự thay đổi của chuẩn đẹp phụ nữ trong xã hội. Trong hai thập kỷ qua, cùng với toàn cầu hóa, người ta đã tiếp thu chuẩn đẹp phụ nữ của phương Tây, bất chấp các đặc thù về nòi giống và chủng tộc. Chiều cao của các hoa hậu Việt đã tăng từ dưới 160 cm vào cuối thập kỷ 1980 tới 175-180 cm hiện nay, số đo vòng một tăng từ 80 cm lên 90 cm. “Khuôn trăng đầy đặn” của truyền thống đã nhường chỗ cho một khuôn mặt thon, mũi nhỏ, miệng rộng. Báo chí ca ngợi, “những tiêu chí đánh giá vẻ đẹp của người phụ nữ Việt đang dần được hoàn thiện, phù hợp với thời đại hội nhập.” Ông Dương Kỳ Anh, chủ tịch hội đồng giám khảo các cuộc thi Hoa hậu Việt Nam trong hai thập kỷ đầu tiên của nó, tự hào: “Khi tiêu chí đánh giá vẻ đẹp ngày càng tiệm cận với quốc tế thì nhan sắc Việt cũng dần tìm được vị trí của mình trên bản đồ sắc đẹp thế giới.”

Nghe giống như ông mô tả một cuộc chạy đua về GDP.

Osho đã trở nên lạc hậu vô cùng khi viết “Phương Đông có một khái niệm khác về vẻ đẹp phụ nữ.” Giờ đây, cái đẹp được chỉ định bởi Dove, Lancôme và Nivea. Người Việt đã thôi không nói “đẹp như tiên” nữa mà chuyển sang nói “xinh như Tây”. Tiên thì không ai nhìn thấy, nhưng khuôn mặt L’Oréal thì xuất hiện ở tất cả các bến xe buýt.

Sự dịch chuyển chuẩn đẹp này tạo ra một khoảng vênh lớn giữa cái đẹp lý tưởng hiện được ca ngợi trên truyền thông và quảng cáo, và hình dạng trung bình của phụ nữ Việt. Cái “bình thường” đã trở thành cái “xấu”. Song song, cơ thể của phụ nữ Việt đã bước ra ngoài không gian công cộng. Chúng không còn bị giấu giếm nữa, mà được trưng ra để xã hội soi xét, đánh giá và tiêu thụ.

Cả hai quá trình trên, cộng với mức sống gia tăng, là động lực thúc đẩy sự tăng trưởng chóng mặt của công nghiệp phẫu thuật thẩm mỹ ở Việt Nam, thể hiện qua mật độ các cơ sở làm đẹp tại các thành phố lớn. Chỉ cần tìm hiểu sơ, người quan tâm sẽ thấy mình đứng trước một menu dài vô tận của những cơ hội gọt đẽo, nhào nặn cơ thể mình: nâng mũi bọc sụn, thu nhỏ đầu mũi, thu gọn cánh mũi. Bấm mắt bồ câu, bấm mí Hàn quốc, nâng mí mắt, nâng chân mày, tạo khoe mắt. Gọt mặt trái xoan, độn cằm, chẻ cằm. Căng da mặt, tiêm botox, làm đầy rãnh nhăn, tạo má lúm đồng tiền. Nâng gò má, hạ gò má, cấy mỡ má hóp, làm đầy thái dương, chữa cười hở lợi, bơm môi, làm mỏng môi. Đặt túi ngực, treo ngực xệ, thu gọn ngực, thu nhỏ quầng vú, thu nhỏ núm vú. Hút mỡ cơ học, hút mỡ siêu âm, tạo bong bóng chân không trong tế bào mỡ, đông lạnh hủy mỡ, cắt da thừa. Bơm mỡ, treo mỡ,

nâng mông bằng mỡ tự thân. Thu nhỏ bắp chân, làm hồng vùng kín, cắt mép, thu hẹp âm đạo.

Trong nghề, người ta ưa dùng các chữ cái. Bộ ngực hoàn hảo thì là chữ Y mềm mại (tạo bởi khe ngực và mép trên của hai bầu ngực), khuôn mặt lý tưởng thì thon hình chữ V, mũi thì chữ S (nhìn nghiêng hếch như một cái bệ trượt tuyết), đầu mũi thì chữ A (tạo bởi đỉnh mũi và hai cánh mũi, đi kèm với lỗ mũi hình hạt chanh). Kết quả tổng thể là một khuôn mặt nữ sinh ngây thơ với hai con mắt khổng lồ và bộ ngực đầy, trông như mới bước ra từ một truyện tranh.

Những người can đảm hơn có thể đi kéo dài chân. Cẳng chân bị bẻ gãy, rồi được lắp cố định một thiết bị có tác dụng kéo dẫn xương, các dây thần kinh và mạch máu, mỗi ngày kéo dài 0.75 mm. Theo các bác sĩ, “không nên quá vội vã, nếu không có thể dẫn tới chi dưới bị hoại tử, phải cắt hoặc vĩnh viễn bại liệt.” Thời gian điều trị là một năm, chiều cao đạt thêm có thể tới 6-8 cm, và sự đau đớn là vô biên. Dịch vụ này đang ngày càng thịnh hành ở Việt Nam và đặc biệt là Trung Quốc.

Ít đau đớn hơn, nhưng không kém cầu kỳ, là một số biện pháp làm đẹp khác: dưỡng da bằng mặt nạ vàng 24 karat, bằng nhau thai cừu, bằng kem chế từ tinh trùng đàn ông, dưỡng tóc bằng tinh trùng bò đực, uống hormone thay thế để làm ấm âm đạo, hay cấy ghép hormone để tránh tích mỡ dưới da và chặn luôn kinh nguyệt (cực kỳ thịnh hành ở Brazil).

Một trong những chủ đề được quan tâm nhất là nâng ngực. Trên Webtretho, mạng xã hội hàng đầu của các bà mẹ trẻ, nó thu hút hàng nghìn, hàng nghìn ý kiến, từ thế hệ “các mẹ” này sang thế hệ “các mẹ” khác, trường tồn, vĩnh cửu, mãi mãi thời sự. Họ thường

là trung lưu, và đến với phẫu thuật vào thời điểm sau khi đã có đứa con thứ hai. Diễn ngôn đặc trưng đi kèm là “đã đến lúc phải chăm sóc cho bản thân, mình phục vụ chồng con mãi rồi”. Họ theo đuổi một “dự án cơ thể”, kỳ vọng kết hợp yêu cầu của truyền thống (vai trò làm mẹ, làm vợ) và yêu cầu của thời hiện đại (trẻ và đẹp theo “đúng chuẩn”). Bản thân dự án này lại nằm trong một cuộc đua lớn hơn, một “dự án cuộc đời”. Mục tiêu tóm tắt của cuộc đua là: có một ông xã chí thú làm ăn, hai đứa con ngoan, căn hộ chung cư Ecopark, xe Camry đỗ dưới hầm, và hai cái vú ra tẩm ra món.

Với nhiều người, một cơ thể “đàng hoàng” là cái thiếu cuối cùng để đạt được cuộc sống viên mãn, đầy đủ. Chồng, con, xe hơi, vẫn chưa trọn vẹn nếu bộ ngực là hai cái công tắc. Lý do số một để người phụ nữ tìm tới phẫu thuật thẩm mỹ là “để tự tin hơn”. Giá trị của bản thân được gắn với vòng ngực. Cơ thể không những nuôi dưỡng ta, nó còn thể hiện vị thế xã hội (social status). 3.000 đô la Mỹ cho mỗi phẫu thuật thẩm mỹ ngực hay tạo hình bụng, 4.000 đô la Mỹ cho chi phí phẫu thuật vùng mông - “đẹp” là một thước đo của thành công vật chất.

Thông điệp của *Thay đổi cuộc đời*, và đằng sau nó, của cả ngành công nghiệp phẫu thuật thẩm mỹ là hạnh phúc, may mắn, sự sung túc, tình bạn, tình yêu, sự yêu thương của những người quanh bạn, sự nở hoa của con người bạn, tất cả, tất cả sẽ đến với bạn nếu bạn có một khuôn mặt hợp chuẩn, cho dù nó là một cái mặt nạ bằng thịt.

“Một phụ nữ hiện đại thật may mắn khi có được một cơ thể cho phép cô chuyển động, chạy, múa, có khoái cảm tình dục, với một bộ ngực khỏe mạnh, một cuộc đời dài gấp đôi cuộc đời của một

người cách đây hai thế kỷ, đủ dài để cô thể hiện cá tính trên khuôn mặt mình,” nhà nữ quyền Naomi Wolf viết. “Nhưng Thời đại Phẫu thuật thẩm mỹ phá hủy sự may mắn khôn cùng này của cô, nó bẻ nhỏ món quà cô được trao, một cơ thể đầy cảm nhận và sức sống, một khuôn mặt của riêng mình, thành những bộ phận phế phẩm. Nó khiến cô coi sự may mắn suốt đời mình là một sự nguyên rửa suốt đời.” Không phải vô cớ mà các mẹ trên Webtretho tự nhận mình là “vịt xấu xí”.

Ở đây cơ thể và tinh thần được tách rời nhau, cơ thể bị coi là cái gì có thể thay đổi, thay thế, thao túng. Họ dùng những từ miệt thị để mô tả các bộ phận cơ thể của chính mình mà họ căm ghét, “hai cái bánh giầy”, “núi mỡ”. Dưới cái mác “chăm sóc bản thân”, họ coi chúng như những vật thể lạ, không liên quan, cần phải dứt bỏ khỏi cuộc sống của mình. Bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ là vị cứu tinh giải phóng họ khỏi cái cơ thể thậm tệ đang giam cầm họ. Nhà phẫu thuật không còn là bác sĩ chữa bệnh nữa, mà trở thành người cung cấp dịch vụ, gọt đẽo một cơ thể khỏe mạnh với hứa hẹn đem tới hạnh phúc cho khách hàng. Giống bất cứ lĩnh vực kinh doanh nào khác, ngành công nghiệp giá trị 20 tỉ USD này (còn lớn hơn công nghiệp khiêu dâm) sẽ tìm mọi cách để nguồn khách hàng không chấm dứt.

Trong dự án lên đời, nâng cấp và cải tạo cơ thể này, phụ nữ không hẳn phục vụ trực tiếp cho chồng mình (người trong khá nhiều trường hợp phản đối kế hoạch của vợ), mà phục vụ cho một ánh mắt phán xét vô hình của một xã hội nam trị, hiện diện mọi lúc, mọi nơi. Đằng sau tham vọng mang tên “Cuộc đời hoàn hảo” là nỗi lo thường trực rằng mình sẽ bị hất ra ngoài, bị tụt hậu, bị đào thải. Trong một môi trường đầy cạnh tranh và bất an, phân biệt

đối xử dựa trên vẻ bề ngoài, xin vào vị trí văn thư cũng bị yêu cầu chiều cao trên trung bình, xin làm lễ tân bị yêu cầu cởi đồ để kiểm tra ba vòng, họ tự nguyện đến với phẫu thuật thẩm mỹ. Nó giống tình huống mẹ chồng và con dâu bí mật bàn nhau bỏ thai gái, hy vọng đứa tiếp theo sẽ là con trai. Nó giống như người bà ở châu Phi đẻ đứa cháu gái ra để người mẹ cắt âm vật của nó.

Khi người ta bỏ cái riêng, cái độc đáo của mình, để phục tùng uy quyền của chuẩn đẹp, ranh giới giữa cái “giả” và cái “thật”, giữa cái “thực” và cái “nhân tạo” bị xóa nhòa. Một website quảng cáo cho phẫu thuật thẩm mỹ lấy tên “Real Self” (“Cái tôi thật”). Một cô gái đã chỉnh sửa tất cả những gì có thể chỉnh sửa tuyên bố: “Tôi luôn trung thành với chính mình.” Các thí sinh thi hoa hậu của Hàn Quốc giống nhau tới mức trông họ như mấy chục chị em ruột. Nhiều thẩm mỹ viện Hàn Quốc phải cấp giấy chứng nhận cho khách hàng nước ngoài của mình để họ có thể xuất cảnh, vì họ không còn giống gì với ảnh hộ chiếu của mình nữa. “Con đây, Dím của mẹ đây!” Vũ Thanh Quỳnh đã phải kêu lên như vậy để người mẹ nghe giọng mà nhận ra mình.

Cuộc đua này không dễ dàng với người phụ nữ. Gọt hàm, nâng mũi, độn ngực là những can thiệp sâu sắc vào cái tôi, vào bản sắc cá nhân. Những người phụ nữ cảm giác rõ ràng điều đó, nhưng họ chấp nhận rủi ro sức khỏe và chi phí tâm lý. Họ lên bàn mổ như một sự dẫn thân, một động tác giải phóng bản thân khỏi sự kìm kẹp của tạo hóa. Ai dũng cảm thì mới hòng thành công. Diễn đàn về phẫu thuật ngực trên Webtretho mang cái tit thách thức “Làm thiên nga không dễ”. Một “mẹ” tâm sự vào đêm hôm trước: “Sáng mai mình lên thớt rồi, tâm trạng bây giờ rất, rất hỗn loạn. Một chút lo lắng, một chút chần chừ, một chút quyết tâm, một chút sung

sướng. Chúc các nàng đã và sẽ thành thiên nga mãi xinh đẹp, hạnh phúc.”

Câu chúc kia vang lên như một lời tuyệt vọng. Phẫu thuật thẩm mỹ không giúp phụ nữ trả lời câu hỏi làm thế nào để già đi trong tự trọng. Trong cuộc chạy đua với thời gian và truy tìm tuổi trẻ, người ta luôn là kẻ thua cuộc, dù có căng da, hút mỡ, bơm botox đến bao nhiêu lần. Các “thiên nga” không thể “mãi mãi xinh đẹp”. Phẫu thuật thẩm mỹ là một sự hủy hoại bản thân, xuất phát từ sự chối bỏ cơ thể mình, chạy trốn những năm tháng mình đã sống, phần đời mình đã trải qua. Nhưng từ chối con người mình cũng là từ chối khả năng thấu hiểu cuộc đời, bao gồm cả sự tổn thương, tính vô thường, và cái chết. Sự khước từ này biến cuộc sống tại đây và lúc này thành một địa ngục trần gian mà không dao kéo nào có thể giải thoát được.

Tháng Tư 2015

BI KỊCH CỦA SỰ HÀO NHOÁNG

“Nếu cả thế giới biết tới bạn, dù chỉ như một diễn viên sex, thì cũng vẫn tốt hơn là không ai biết tới bạn cả.”

Marilyn Monroe

Hãy tự thú nhận, chúng ta có thể không biết nhiều về tuổi thanh niên của cha mình, hay về những trắc trở trong gia đình người anh họ, và lâu rồi không tâm sự với đứa con trai, nhưng ta lại rất rành

về các cuộc tình của Hồ Ngọc Hà, chuyện Sơn Tùng M-TP gặp phiên bản giả của mình ra sao, và có ý kiến rõ ràng về trình độ tiếng Anh của Lý Nhã Kỳ. Họ, những người mẫu, ca sĩ, diễn viên, chân dài, đại gia, tưng trung là những ngôi sao, còn chiếm lĩnh tâm trí chúng ta nhiều hơn các thành viên trong gia đình ta, dù ta chưa gặp họ bao giờ, và họ không biết ta là ai. Họ là những “người xa lạ gần gũi”, theo chữ của Richard Schickel. Chúng ta đưa họ lên trung tâm sân khấu cuộc đời, dành cho họ không gian để thể hiện, và cất công đi tìm con người đằng sau bộ mặt công chúng của họ.

Dù không đứng đầu các thể chế chính trị hay kinh tế, các ngôi sao, và văn hóa ngôi sao xung quanh họ - bộ máy truyền thông, quảng cáo, thời trang, mỹ phẩm, âm nhạc, điện ảnh - nắm giữ một quyền lực lớn có thể thay hình đổi dạng xã hội. Angelina Jolie có khả năng làm người dân toàn cầu chú ý tới nạn đói ở châu Phi hơn nhiều lần Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc (mà tên ông ta là gì nhỉ?). Ở buổi lễ tưởng niệm các nạn nhân của tòa tháp đôi New York, được tổ chức vài tuần sau ngày 11/9, trong khoảnh khắc bi tráng và đau thương, người đứng đầu nghi lễ để vực dậy tinh thần của cả nước Mỹ không phải là một chính trị gia hay một lãnh tụ tôn giáo, mà là Oprah Winfrey, một ngôi sao truyền hình. Vài năm sau, khi tổng thống Bush lên truyền hình quốc gia công bố sự kiện trọng đại là quân đội Mỹ đã bắt sống Saddam Hussein, ông ta đã không cạnh tranh được với show truyền hình thực tế *The simple life* của Paris Hilton được phát cùng giờ, trên đó 18 ứng cử viên tranh nhau trở thành “người bạn tốt mãi mãi” của cô gái tóc vàng này.

Khi nào thì một cá nhân “chỉ” đơn thuần là nổi tiếng, và khi nào thì họ đã trở thành một ngôi sao, một celebrity? Một nhân vật của công chúng trở thành sao vào thời điểm truyền thông chuyển từ

việc tường thuật về vai trò và hoạt động xã hội của họ sang tường thuật về đời sống cá nhân của họ. Đó là lúc người ta bàn tán về cái biệt thự của một nhà khoa học hơn là về công trình của ông ta, về cuộc ly hôn của một vận động viên hơn là về chương trình tập luyện của anh.

Văn hóa ngôi sao nói gì với chúng ta về những thay đổi trong xã hội? Dường như nó đang kích hoạt một quá trình dân chủ hóa. Có vẻ như mâu thuẫn, nhưng trong khi chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn thì các khác biệt về giai cấp và xuất thân lại được cào bằng. Bắt đầu từ thế kỷ 19 ở châu Âu, theo nhà xã hội học Stephen Gundle, phong cách, cái đẹp, thời trang, sự xa xỉ và cả danh tiếng không còn là độc quyền của giới vua chúa và quý tộc nữa. Quá trình này dường như đạt được điểm kết ở cuối thế kỷ 20. David Beckham là con của một thợ làm đầu và một thợ đóng bếp. Vợ anh, ca sĩ Victoria của Spice Girls, là con của một nhân viên văn thư và một kỹ sư điện. Nhưng đám cưới của họ được tổ chức như một nghi lễ hoàng gia, và là một sự kiện toàn cầu. Ngay sau đó, một tờ báo Anh chạy một biếm họa vẽ David và Victoria đội vương miện, mặc áo choàng lông, vẫy thần dân từ trên ban công của một lâu đài, trong khi đó nữ hoàng Anh bé tí đứng ở một góc nói vào điện thoại “Bảo vệ đầu, chúng ta bị chiếm nhà!” David Marshall viết: “Các ngôi sao là hiện thân cho sự đặc thắng của đám đông.”

Ở Việt Nam vào đầu thế kỷ 21, “đẳng cấp” là cái gì có thể mua được, như các quảng cáo cho gỗ lát sàn, rượu và quần lót vẫn khẳng định. Lý Nhã Kỳ lớn lên trong một xóm nhỏ ở Bà Rịa - Vũng Tàu, Đàm Vĩnh Hưng làm nghề hót tóc khi còn nhỏ, và Ngọc Trinh bắt đầu sự nghiệp bằng một chân *Promotion Girl*, và vẫn nói “xì pa” thay cho spa. Những tiểu sử này là những bài ca cho chủ nghĩa

cá nhân, một điểm cơ bản trong ý thức hệ phương Tây, mà sự nổi tiếng được coi là đích đến.

Xuất phát từ bình dân, nhưng các ngôi sao đã trở thành tầng lớp elite mới. Họ xuất hiện khắp mọi nơi, các phát ngôn của họ được theo dõi sát sao, thuật lại nhiều lần và bình luận tỉ mỉ. Khi các hoa hậu đi thăm người ốm, họ đeo băng ren quanh ngực và đội vương miện, trang trọng như khi vua chúa đi thị sát ngày xưa.

Lệ Roi hay Bà Tung là những đại diện mới nhất của những người “nổi tiếng bình dân” này, và đặc điểm của họ là không nổi tiếng vì đã đạt được những thành tựu nào đó trong khoa học, nghệ thuật hay thể thao, vì dũng cảm trong chiến tranh hay là tấm gương đạo đức trong khủng hoảng xã hội. Họ nổi tiếng vì được nhiều người biết tới. Không cần tới yếu tố tài năng thiên bẩm cộng khổ luyện nhiều năm, chỉ cần đi qua cỗ máy truyền thông và giải trí để được đóng gói, dán nhãn, đánh bóng và quảng bá. Đôi khi, chỉ cần một vòng một ấn tượng và một bộ đồng phục y tá. Thậm chí, sự thiếu vắng tài năng có thể được sử dụng như một chiến lược. Cái “bất tài” của Lệ Roi làm anh nổi tiếng và cho phép anh bước vào làng show biz, mở công ty truyền thông, làm chủ chuỗi nhà hàng, vì nó được nhìn như một dấu hiệu của cái thật, cái thực.

Danh tiếng của các sao được xây dựng chủ yếu bởi những sắp đặt của truyền thông, những “sự kiện giả”, theo chữ của học giả Daniel Boorstin. Những “phi sự kiện” này không chủ đích đem lại một nội dung văn hóa hay xã hội nào, ngoài việc để người nổi tiếng xuất hiện, phục vụ cho một cuộc làm ăn thuần túy. Một “hot girl” mặc áo Manchester United lên K+ “bình luận” về bóng đá. Lệ Roi lên chương trình *Cuộc sống thường ngày* của VTV1 vào cuối năm 2014. Có thể nói đây là một cột mốc quan trọng của truyền

thông Việt Nam. Bộ máy này đã sẵn sàng nhập cuộc, và có lẽ nó đang ngày đêm cầu nguyện để có được một Kim Kardashian hay một Paris Hilton phiên bản Việt. Có nhiều ý kiến phản đối việc Lê Roi lên VTV1, nhưng tôi tiên đoán rằng sự kháng cự này sẽ không kéo dài được lâu. Giá trị của một ngôi sao không được đo bởi đóng góp của họ cho xã hội và cộng đồng, mà được đo bởi số lượng người theo dõi họ.

Từ nổi tiếng qua tai tiếng tới khét tiếng, với truyền thông, chúng có giá trị như nhau. Tội phạm cũng có thể trở thành celebrity “chính hiệu”. Người ta dành cho sát thủ Lê Văn Luyện nhiều mực in và sự chú ý như cho một ngôi sao ca nhạc - với công chúng, họ đều là một nhân tố bí ẩn. Ô danh cũng là danh. Ở phương Tây, nhiều tử tù nhận được vô số thư tình và lời cầu hôn. Tội phạm có thể trở thành ngôi sao, mà khi ngôi sao trở thành tội phạm thì còn thu hút view kinh khủng hơn nữa. Phiên tòa xử Michael Jackson năm 2005 làm cuộc sống công cộng toàn cầu tê liệt.

Vì sao các sao hấp dẫn? Họ là màn ảnh để công chúng chiếu lên đó các giấc mơ, các khao khát của mình. Với đàn ông Việt, Ngọc Trinh vừa là siêu người mẫu vừa như cô bé nhà bên, vừa là người tình búp bê vừa là công chúa hiện đại, vừa Á Đông vừa phá cách, vừa tự do vừa phục tùng, vừa rẻ tiền vừa dững cảm, vừa bóng bẩy vừa thật thà. Phụ nữ Việt nhìn Ngọc Trinh vừa ghen tị vừa lo ngại, vừa kinh ngạc vừa tò mò, vừa ngưỡng mộ vừa khinh thị. Nhưng dù yêu hay ghét, người ta không thể rời mắt khỏi nhất cử nhất động của cô.

Theo Stephen Gundle, sức hút của các ngôi sao tới từ chỗ họ thể hiện những phẩm chất mâu thuẫn: một sự lịch lãm không đứng đắn, một thái độ ca sang gần gũi, một cảm giác elite dân chủ.

Mang trong mình những mâu thuẫn này, họ như một lời hứa cho một xã hội đầy ắp cơ hội, trong đó mọi người sẽ được chuyển hóa thành những phiên bản hay hơn, hấp dẫn hơn, giàu có hơn của chính bản thân mình.

Các ngôi sao khoác trên mình *glamour*. Không có một khái niệm Việt tương đương, nó là tổng hợp của hào nhoáng, rực rỡ, lộng lẫy, lôi cuốn và hoành tráng. Với triết lý gì không quan trọng, nước sơn quyết định tất cả, nó khơi dậy khao khát. Hình ảnh của các sao là cầu nối dẫn người ta tới một thế giới long lanh, phiêu lưu, phấn khích và hồi hộp, không buồn chán, bụi bặm và mòn mỏi như cuộc đời thực. Đầu tư tình cảm vào mối quan hệ một chiều với các sao, các *fan* dường như nhờ họ sống cho mình, sống hộ mình.

Các sao cũng là những biểu tượng văn hóa, là loa phát của những trào lưu mới, là địa hạt cũ mới giao tranh. Phát ngôn “Không có tiền thì cạp đất mà ăn” của Ngọc Trinh, cái hôn khóa môi nhà sư của Đàm Vĩnh Hưng, Bà Tưng không mặc áo lót, tất cả là thách thức với những kiến lập cũ, là cố gắng đập vỡ truyền thống và chuẩn mực cũ. Chúng cung cấp chất liệu cho những lời đàm tiếu để nuôi dưỡng quyền lực văn hóa của các sao. Theo Graeme Turner, những câu chuyện “buôn dưa lê” là một quá trình xã hội quan trọng để người ta tranh cãi, đánh giá và thay đổi căn tính và chuẩn mực xã hội. Thông qua chúng, các ngôi sao tác động vào quá trình hình thành bản sắc cá nhân của các thành viên trong đám đông.

Trong thời đại mà các thánh thần như Bà Chúa Kho được đối xử như sao, thì các sao cũng trở thành thánh thần. Khán giả lên sân khấu vỗ tay lay Mỹ Linh. Một *fan* thổ lộ với Ngọc Trinh: “Em nguyện làm một con chó của chị cũng được.” Các bảo tàng sắp

Madame Tussaud được lập ra để thỏa mãn nhu cầu gần gũi thần tượng của những người mộ đạo. Chris Rojek cho rằng khoảng trống gây ra bởi sự suy tàn của tôn giáo được lấp đầy một phần bởi văn hóa ngôi sao. Sau Chúa, các ngôi sao đã trở thành một trong những trụ cột chính đem lại cảm giác thuộc về, cảm giác gắn bó cho các thành viên của một xã hội thể tục. Không phải lý tưởng hay niềm tin, mà chính mối quan tâm tới kiểu ngử giàng chân của Kỳ Duyên mới là điểm chung, có thể là duy nhất, giữa người giàu và người nghèo, trí thức và nông dân trong xã hội..

Mỗi ngôi sao có hai con người, con người riêng tư và con người công cộng, và giữa chúng thường có một khoảng cách khổng lồ. Bộ mặt công cộng của các ngôi sao không thuộc về họ, mà được cấu thành với sự tham gia của công chúng. Mặt khác, công chúng lại khước từ quyền được là con người riêng tư của các sao, trong khi vẫn tìm tới các chi tiết đời tư của họ như một cố gắng thu hẹp khoảng cách giữa mình và thần tượng.

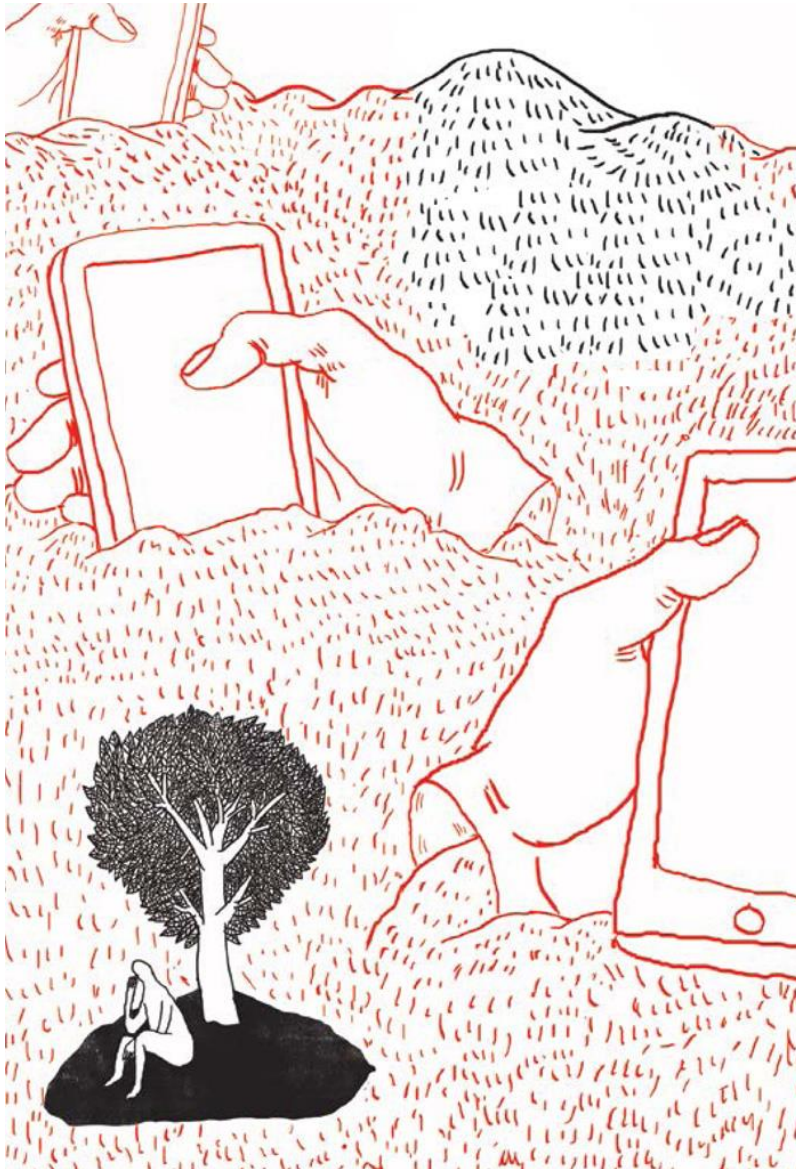
Công chúng vô thức hiểu được rằng mình sở hữu các ngôi sao, không có công chúng thì không có sao. Chính vì thế đám đông có thể thất vọng và nổi giận khi phát hiện ra ngôi sao không sống đúng với kỳ vọng của mình. Trong con mắt các “mẹ bर्म sữa”, Hồ Ngọc Hà đã phản bội. Họ không cho phép cô tụt xuống khỏi cái bệ mà họ đã đặt cô lên.

Danh vọng luôn quyến rũ, như ánh sáng quyến rũ thiêu thân. Nổi danh cho con người ảo giác rằng họ bất tử. “Danh tiếng cầm tù thánh thần và con người,” sử gia Hy Lạp Heraclitus viết. Ba ngày trước khi nghệ sĩ Andy Warhol chết, ông ta còn hỏi tiếp tân để được khẳng định là không có ai nổi tiếng khác đang nằm cùng viện.

Trong cuốn *Những kẻ nghiện danh*, tác giả Jake Halpern kể một diễn viên già đang sống trong một trại dưỡng lão của Hollywood kể lại: “Sự nổi tiếng giống như một người tình. Anh cố gắng bỏ đi, nhưng người tình luôn nói: ‘Hãy quay lại đi, hãy thử một lần nữa.’ Anh thề thốt sẽ dứt áo ra đi, nhưng sự cám dỗ của người tình luôn ở đó.”

Hơn ai hết, các ngôi sao hiểu rằng họ cũng chỉ là vật tế lễ cho thị trường. Nếu họ được coi là thần thánh thì tôn giáo mà họ đại diện là chủ nghĩa tiêu dùng, và bản thân họ là những mặt hàng có hạn sử dụng. Giống như sao băng, họ tàn lụi cũng nhanh chóng như khi lên ngôi. Ngọc Trinh thể hiện bi kịch này rõ nhất qua tâm sự: “Tôi chỉ sợ mình xấu đi.” Thị trường luôn tái tạo các ngôi sao để thổi gió vào ngọn lửa khao khát tuổi trẻ, sắc đẹp và sự hào nhoáng của đám đông. Và đám đông sẽ vô tư quên họ đi khi họ già, yếu, cô đơn và hết thiêng như những đạo cụ ảo thuật nằm dưới ánh nắng ban ngày.

Tháng Sáu 2015



VỀ ĐẸP CỦA NGƯỜI ĐỨNG MỘT MÌNH

“Chúa Trời đứng một mình - nhưng Quỷ sứ thì trái lại, nó tìm tới hội đoàn, nó nhiều vô kể.”

Henry David Thoreau

“Mọi vấn đề của con người xuất phát từ chỗ họ không thể ngồi yên một mình trong phòng,” nhà toán học và triết học Pháp Blaise Pascal đã nói vậy vào giữa thế kỷ 17. Căn nguyên của các rắc rối,

theo ông, là chúng ta luôn tìm cách chạy trốn bản thân. Không muốn đối diện với chính mình, tâm trí con người luôn lùng sục điều kích thích tiếp theo, như một con khỉ không thể ngừng văng mình tới cành cây trước mặt. Từ cái vĩa hàng xóm tới xung đột giữa các quốc gia, nhiều điều tệ hại bắt nguồn từ lý do này.

Năm ngoái, câu nói của Pascal được khoa học xác nhận. Trong một thí nghiệm của trường Đại học Virginia, Mỹ, những người tham gia được yêu cầu ngồi một mình 15 phút trong một căn phòng trống trơn, không có gì cả, ngoài một cái nút. Nếu bấm nút, họ sẽ bị điện giật. Lẽ ra khoảng thời gian yên tĩnh này là cơ hội để người ta dừng lại, suy nghĩ, hồi tưởng, mơ màng. Nhưng với nhiều người, nó là một cực hình, đến nỗi họ tự nguyện bấm nút giật điện bản thân, chỉ để có cái gì đó để làm, mặc dù trước khi thí nghiệm bắt đầu, họ đã được thử mức độ giật, và ai cũng xác nhận là có được trả tiền cũng không muốn bị vậy.

Nếu sống ở đầu thế kỷ 21, chắc hẳn Pascal đã diễn tả khác đi một chút: “Mọi cái tệ hại của con người tới từ chỗ họ không thể rời smartphone để ngồi yên một mình.” Chưa bao giờ người ta lại dễ dàng chạy trốn bản thân như bây giờ. Không cần phải đợi về tới nhà để bật ti vi lên nữa, bất cứ lúc nào và ở đâu, chỉ cần một cái gõ lên màn hình điện thoại là người ta sẽ được cuốn ra cái biển âm thanh hỗn độn của mạng xã hội. Trong các quán cà phê, trên taxi, ở công viên, đâu đâu cũng là những con người toàn thân bất động, trừ một ngón tay cái đẩy lên đẩy xuống, mắt nhìn xuống, mặt vô hồn. Xác họ ở đó, nhưng hồn họ thì đang xô đẩy trong đám đông nhốn nháo trên mạng. Túc trực từ sáng tới tối, đám đông này lâu lâu, gầm gừ, lê lét từ tường nhà này tới tường nhà kia, từ trang tin

này tới diễn đàn nọ, giật status, like, share, còm, kết bạn, theo dõi, block. Trên mạng, con khỉ tâm trí có vô vàn cành cây để nhảy nhót.

Con người hiện đại không biết phải làm gì với chính mình, và nếu người ta sẵn sàng giật điện bản thân chỉ vì buồn chán, thì chúng ta có thể hình dung họ có thể làm những gì với người khác. Đám đông ưa thích hai trạng thái, một là dạy dỗ, chỉ bảo, ban phát lòng thương, hai là chê bai, giễu cợt, phẫn nộ. Lúc nào cũng đắc thắng, họ luôn tin rằng mình đúng, và thế giới cần phải biết tới các phát ngôn của mình. Không trực tiếp làm chết người như đánh trộm chó ở ngoài đời, họ truy lùng và dồn các nạn nhân của mình vào chân tường, cho tới khi những người này phải tự tử như cô bé bị lộ video clip, hay phải van xin như cậu thanh niên Hào Anh: “Đừng cho tôi thêm gì nữa. Xin mọi người cho tôi được sống tự nhiên.”

Năm 2012, một nghiên cứu của Đại học Chicago cho thấy cưỡng lại thèm khát truy cập mạng xã hội còn khó khăn hơn là khước từ thức ăn và tình dục. Sức hấp dẫn của mạng xã hội tới từ chỗ nó cho người ta một không gian để trình diễn. Ai cũng có công chúng. Câu của Andy Warhol: “Trong tương lai, mỗi người sẽ nổi tiếng 15 phút” có thể được bổ sung thêm: “Mỗi người sẽ nổi tiếng với 15 người”. Mỗi cái like, chia sẻ, bình luận tán thưởng, là thêm một mơn trớn cho cái tôi của người đăng tin, một lần nữa khẳng định giá trị, trí thông minh, sự hóm hỉnh của họ, dù đó chỉ là bức ảnh chụp bát bún thang buổi trưa.

Trên mạng xã hội, mỗi người là một ông bầu của chính mình trong công cuộc xây dựng một hình ảnh cá nhân. Chúng ta đã trở nên kỳ quặc mà không hề biết. Hãy hình dung cách đây mười năm, trong một buổi họp lớp, một người bỗng nhiên liên tiếp quảng ảnh

con cái, ảnh dã ngoại công ty, ảnh con mèo, ảnh bữa nhậu, ảnh lái ô tô, ảnh hai bàn chân mình, ảnh mình trong buồng tắm, lên bàn - chắc hẳn người đó sẽ nhận được những ánh mắt ái ngại. Trên Facebook, ái kỷ không những được khuyến khích, nó là mục tiêu chính.

Căn bệnh tâm lý mới nhất của xã hội hiện đại là bệnh “sợ bị bỏ lỡ”. Qua một đêm, sau một cuộc họp, thậm chí khi vừa làm tình xong, điều đầu tiên người ta làm là vồ lấy cái điện thoại. Biết đâu vừa có chuyện gì mới xảy ra, ta không thể vắng mặt. Mà những chuyện như vậy thì vô vãn: học giả thơm hoa hậu, người mẫu ngủ giăng chân, nguyên thủ quốc gia không cài áo vest, các án mạng ly kỳ nối đuôi nhau.

Chiếc smartphone đã trở thành một ô cửa nhỏ dẫn người ta thoát khỏi sự buồn chán của bản thân, và cái rung nhẹ báo tin có thông báo mới của nó bao giờ cũng đầy hứa hẹn. Nhưng càng kết nối, càng online, thì cái đám đông rộn ràng kia lại càng làm chúng ta cô đơn hơn. Chỗ này một cái like, chỗ kia một cái mặt cười, khắp nơi là những câu nói cụt lủn, phần lớn các tương tác trên mạng hời hợt và vội vã. Càng bận rộn để giao tiếp nhiều thì chúng ta lại càng không có gì để nói trong mỗi giao tiếp. Ngược với cảm giác đầy đặn, được bồi đắp khi chúng ta đứng trước thiên nhiên hay một tác phẩm nghệ thuật lớn, trên mạng xã hội ta bị xáo trộn, bứt rứt, và ghen tị với cuộc sống của người khác như một kẻ đói khát nhìn một bữa tiệc linh đình qua cửa sổ mà không thể bỏ đi. Đêm khuya, khi các chấm xanh trên danh sách friend dần dần tắt, người ta cuộn lên cuộn xuống cái newsfeed để hòng tìm được một status bị bỏ sót, một cứu rỗi kéo dài vài giây, một cái nhìn qua lỗ

khóa vào cuộc sống của một người xa lạ, để làm tê liệt cảm giác trống rỗng.

Mê man với nhau trên mạng, chúng ta đang có nguy cơ đánh mất khả năng kết nối với những cái lớn hơn trong cuộc sống, khả năng cảm nhận thế giới. Thay vì bình tâm ngắm một hoàng hôn lộng lẫy, chúng ta điên cuồng tìm những cái lạ khác nhau để chụp mấy chục cái ảnh, rồi bận rộn tìm một cái “đạt” nhất để post lên, bắn khoản nghĩ một lời tựa hấp dẫn. Thay vì sống trong thế giới thật, người ta bị ám ảnh bởi thế giới ảo. Không có hình tượng nào thể hiện điều này rõ hơn hình ảnh một bà mẹ trẻ vừa cho con bú vừa lướt web. Việc post ảnh đứa bé sơ sinh lên mạng trở nên quan trọng hơn việc ngắm nhìn nó bú mẹ và cảm thấy được kết nối với vũ trụ.

Trong tiểu thuyết *The Circle*, tác giả Dave Eggers vẽ ra một xã hội mà mọi chi tiết, dù nhỏ nhất, của cuộc sống con người đều được chia sẻ trên mạng, và mọi người phấn đấu để trở thành các công dân mạng tích cực nhất. Họ thức cả đêm để like, bình luận, post, tweet, càng hăng hái thì càng được nhiều điểm, nhiều “bạn”, nhiều lời khen. Thực tế không quá xa xôi với câu chuyện viễn tưởng này. Đứng trước bức Mona Lisa ở bảo tàng Louvre, Paris, tất cả các du khách đều nhìn kiệt tác này qua màn hình điện thoại của mình. Dường như họ chỉ có thể trải nghiệm thế giới thông qua một lớp màng điện tử. Cái gì không được ghi vào bộ nhớ điện thoại, cái đó không tồn tại.

Người ta đánh đổi mọi riêng tư thầm kín để chạy theo một quá trình tự trình diễn vô tận, không có thời điểm hạ màn, với mục tiêu tạo tối đa sự chú ý của người khác. Sự chú ý là ôxy, và mỗi cái post là một cố gắng để người ta ngoi lên mặt nước chốc lát, để rồi

lại bị làn sóng mới của newsfeed tràn qua nhấn chìm. Mỗi lần ngoi lên là một lần chống lại cảm giác bị bỏ rơi, bị nằm ngoài cuộc. Ý nghĩa và sự thành công của một ngày nghỉ, của một chuyến đi, rộng hơn là của cả cuộc đời, được đo bởi số lượng like.

Đã tới lúc chúng ta cần tách ra khỏi đám đông, khước từ chuyên chế của nó. Người ta chỉ có thể lắng nghe tiếng nói bên trong mình nếu bỏ được ra ngoài sự ồn ào xung quanh. Chúng ta cần đứng riêng để tìm ra mình, để bảo vệ tư duy độc lập và nuôi dưỡng ý thức trách nhiệm. Triết gia Soren Kierkegaard coi đám đông là tập hợp những người lẫn tránh sự nhọc nhằn của quá trình phát triển bản thân. Ma lực của đám đông đã được nhắc tới từ rất sớm. “Không đi theo đám đông để làm điều xấu” là một câu trong Kinh Thánh. Không chỉ đơn giản là “Không làm điều xấu”, mà cụ thể là “Không đi theo đám đông để làm điều xấu”. Trong một loạt các thí nghiệm nổi tiếng của Solomon Asch cách đây 60 năm, người tham gia thí nghiệm ngồi cùng với một số người khác (thực chất là những người đồng mưu với Asch). Mọi người trong nhóm được yêu cầu so sánh độ dài của một số đường thẳng - một bài tập cho trẻ con. Tuy nhiên, nếu những người đồng mưu nhất loạt cùng chọn một câu trả lời rõ ràng là sai, thì trong tới 30% trường hợp, người tham gia thí nghiệm sẽ từ bỏ đánh giá cá nhân của mình để vào hùa với đám đông. Trạng thái một mình là cần thiết để phát triển bản sắc và nuôi dưỡng sự sáng tạo. Ralph Waldo Emerson, nhà thơ lớn người Mỹ ở thế kỷ 19, viết: “Người gây cảm hứng và dẫn đường cần tách khỏi những người khác, để không phải sống, thở, đọc và viết hằng ngày dưới gông cùm những ý kiến của họ.”

Đứng một mình không dễ. Không những nó có thể làm ta không được ưa thích, khi một mình, nhà văn Đan Mạch Dorthe Nors viết,

chúng ta phải đối diện với cảm xúc của ta, quá khứ của ta, cuộc đời của ta, những vấp vấp, sai lầm của ta, ta sẽ cảm thấy mình nhỏ bé. Cần lòng dũng cảm để không lẩn tránh chúng. Đối lại, điều ta nhận được là một sự vững vàng mà không phải bám víu vào sự tung hô của người khác. Một mình nhưng không cô đơn. Triết gia thế kỷ 19 Henry David Thoreau viết: “Tôi không cô đơn hơn một cây mao nhĩ hay bồ công anh trên một đồng cỏ, hay một lá đậu, hay một cây chua me đất, hay một con mòng, hay một con ong nghệ. Tôi không cô đơn hơn ngôi sao Bắc đẩu, hay một ngọn gió Nam, hay một cơn mưa tháng Tư, hay băng tan tháng Giêng.”

Cuối cùng, một mình không có nghĩa là phải tách khỏi người khác một cách vật lý. Một mình là một quan điểm sống, một trạng thái tinh thần độc lập, nó không được đo bởi khoảng cách vật lý giữa một cá nhân và những người xung quanh. Các ẩn sĩ hiện đại không cần thiết phải lên núi. Họ vẫn ở trong xã hội, yên lặng, quan sát và tìm hiểu thế giới. Họ tự do trước các cơn sóng của đám đông để có thể quan tâm tới cộng đồng một cách sâu sắc hơn, đóng góp cho cộng đồng một cách hiểu biết hơn. Vẻ đẹp của người đứng một mình là vẻ đẹp tự tại, với một niềm vui tự thân. Một niềm vui mà như nhà tu hành David Steindl-Rast diễn tả, không phụ thuộc vào những điều đang xảy ra.

Tháng Bảy 2015

RỒI TẤT CẢ SẼ TRỞ THÀNH ĐỒ SƠN

Cái tát hữu hình của bàn tay vô hình
Quốc gia có tỉ phú đô la, nên vui hay buồn?
“Những người khốn khổ” ở Tiên Lãng
Tử tù sinh con: quyền hay đặc ân?
Đừng “làm giàu trước, dọn dẹp thiệt hại sau”!
Văn hóa không phải lý do khiến quốc gia thất bại
Rồi tất cả sẽ trở thành Đồ Sơn
Từ thiện câu like
Sự khốn cùng của tư duy triệu phú



QUỐC GIA CÓ TỈ PHÚ ĐÔ LA, NÊN VUI HAY BUỒN?

Đầu tháng Ba vừa rồi, báo chí đăng tin ông Phạm Nhật Vượng, chủ tịch tập đoàn Vingroup, tiếp tục được tạp chí quốc tế *Forbes* “vinh danh” trong danh sách tỉ phú đô la toàn cầu. Năm 2013, ông Vượng, lần đầu tiên, và là người Việt duy nhất, lọt vào danh sách này, và năm nay, ông vẫn vững vàng bảo vệ vị trí của mình, tuy

rằng chỉ khiêm nhường nằm trong nhóm phần ba cuối bảng của 1645 người giàu có nhất hành tinh.

Chữ “vinh danh” mà báo chí dùng, cũng như các comment trên mạng về “người con ưu tú” làm “rạng danh đất nước” cho thấy có một niềm tự hào không nhỏ của người Việt về việc này. Có thể hiểu được lý do của niềm tự hào ấy. Nhiều người hẳn vẫn còn bị ám ảnh bởi khẩu hiệu *Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu* của những năm 1980s bao cấp. Trong khi theo đuổi viễn tưởng về một xã hội bình đẳng, thỏa mãn mọi ham muốn và nhu cầu của con người, trên thực tế người ta đã tạo ra một xã hội mà trong đó, giáo sư, nông dân, bác sĩ, công nhân, và nghệ sĩ đều nghèo như nhau.

Xuất thân từ tỉnh nghèo Hà Tĩnh, và đi học ngành địa chất không liên quan gì tới kinh doanh, con đường của ông Vượng từ mì tôm tới bất động sản là chất liệu cho giấc mơ mới của người Việt, một minh chứng cho việc người ta được phép giàu và có thể giàu. Sau nhiều năm xấu hổ vì bị coi là nghèo, hèn và kém cỏi, làm lòng tự trọng bị xây xước nghiêm trọng, người ta muốn tìm những dấu hiệu để an ủi bản thân về giá trị của mình: một cúp vô địch bóng đá khu vực (đã có), một hoa hậu tầm quốc tế (chưa có), hay một tỉ phú đô la (cuối cùng cũng có).

Nhưng chúng ta hãy tự hỏi thực ra có gì để tự hào trong chuyện này? Trung Quốc có tới 152 tỉ phú, xếp thứ hai trong danh sách về con số tuyệt đối, chỉ sau Mỹ. Nga cũng đóng góp 111 tỉ phú, một tỉ lệ trên đầu người cao hơn nhiều nước Tây Âu phát triển khác. Có thực sự hai quốc gia này là những nước trọng người tài, có thượng tôn pháp luật, hệ thống quản trị quốc gia minh bạch và sạch sẽ, tức là những nền tảng cơ bản để người dân có thể làm giàu một cách chính đáng? Nigeria có 4 tỉ phú, Ai Cập có 8, Kazakhstan có 5.

Đây là những mô hình chúng ta muốn noi theo? Liệu số lượng tỉ phú có thể làm thước đo thành công cho sự phát triển của một quốc gia? Tôi không nghĩ vậy.

Nếu có một điều mà câu chuyện tỉ phú này có thể nói với chúng ta thì đó là ngày nay sự phân hóa giàu nghèo đã lên tới mức bất an. Nhưng trước khi đi tiếp, chúng ta hãy dừng lại một chút để chuẩn bị tinh thần. 1 tỉ là một con số trừu tượng, có thể hình dung ra nó như thế nào? Người ta có thể làm gì với 1 tỉ đô la?

Thu nhập trung bình của người Việt hiện nay là gần 2.000 USD một năm. Nhưng ta không lấy con số này, mà hãy lấy hẳn một người ở thành phố lớn, được học hành, đào tạo tốt, và có thu nhập cao gấp 10 lần mức trung bình của toàn quốc, tức là 20.000 USD một năm (bằng tới hai phần ba mức thu nhập trung bình của người Mỹ). Và cứ cho là con người giỏi giang và may mắn ấy có thể tiết kiệm được toàn bộ số tiền này, mà không phải tiêu xài gì cả. Vậy anh ta sẽ phải làm việc trong bao nhiêu năm để tích lũy được 1 tỉ USD? Câu trả lời là 50.000 năm. Hay là hơn 1.200 thế hệ, nếu mỗi thế hệ có 40 năm để lao động.

Đây là một ví dụ nữa, sau khi bạn đã phục hồi khỏi cơn choáng. Hình dung ra một khách sạn xa xỉ, chúng ta vẫn nghĩ tới mức giá vài trăm đô la một đêm. Ít người biết rằng ở những nơi như Burj Al Arab, khách sạn có hình cánh buồm ở Dubai, thu nhập 20.000 USD mỗi năm của người nói trên chỉ đủ để trả tiền phòng cho một đêm. Thế còn với 1 tỉ USD, bạn có thể ngủ bao nhiêu đêm ở đây? 144 năm và mấy tháng lẻ.

Chênh lệch giàu nghèo đã trở thành một hiện tượng toàn cầu. Trên thực tế, trong nhóm những quốc gia có chênh lệch khủng

khấp nhất có đủ các loại: giàu như Mỹ, thu nhập trung bình như Brazil, hay khốn khổ như Zimbabwe.

Ở Mỹ, năm 2011, gần một nửa dân số không có tài sản gì cả (tức là họ có mức nợ cao hơn sở hữu của cái của mình), trong khi đó, 1% những người giàu nhất sở hữu trên 35% tổng tài sản của quốc gia này. Ở Việt Nam, nếu lấy số liệu của công ty Wealth-X/UBS làm cơ sở thì năm 2013, 195 người siêu giàu (“siêu giàu” được công ty này định nghĩa là có trên 30 triệu USD) sở hữu tổng cộng 20 tỷ USD, bằng hơn nửa GDP của toàn bộ TP. Hồ Chí Minh, và bằng 12% tổng sản lượng quốc gia.

Đầu năm nay, Oxfam, một tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nhân đạo và phát triển của Anh, công bố một con số gây sốc: 85 cá nhân giàu nhất thế giới, nghĩa là một nhóm người nhét vừa đủ vào một xe buýt hai tầng, có tài sản bằng tài sản của một nửa dân số toàn cầu.

Cũng theo Oxfam, riêng phần *gia tăng* của cải trong năm qua của 100 tỉ phú giàu nhất thế giới đã đủ để xóa sổ sự nghèo đói trên toàn bộ hành tinh này tới bốn lần.

Trước tình hình này, *Báo cáo rủi ro toàn cầu* của Diễn đàn Kinh tế Thế giới Davos năm 2013 đã đưa bất bình đẳng trong thu nhập vào danh sách những rủi ro toàn cầu nguy cấp nhất. Theo một khảo sát của Gallup, hai phần ba người dân Mỹ bất bình về tình trạng phân bố của cải hiện nay ở nước họ. Trong một diễn văn đầu năm nay, tổng thống Obama cho rằng chênh lệch thu nhập còn đe dọa nền kinh tế Mỹ hơn cả vấn đề thâm hụt ngân sách. Mùa hè năm ngoái, *The Guardian*, một tờ báo lớn của Anh, tổ chức một tọa đàm trực tuyến với các chuyên gia kinh tế và phát triển hàng đầu

và chạy tít *Chúng ta có nên tìm cách xóa bỏ giàu có quá mức thay vì xóa bỏ nghèo đói cùng cực?*

Nhưng vì sao giàu có quá mức (khái niệm tiếng Anh được dùng hiện nay là “extreme wealth”), kể cả khi nó được tạo ra một cách hợp pháp, lại trở thành mối nguy trong con mắt các nhà lãnh đạo chính trị và kinh tế quốc tế, những người chắc chắn không đi theo chủ nghĩa Marx? Xã hội sẽ phải trả giá gì cho tình trạng phân hóa giàu nghèo cực đoan?

Không ai phủ nhận việc chênh lệch giàu nghèo ở một mức nhất định nào đó trong xã hội là tự nhiên, thậm chí là cần thiết. Tự nhiên, vì tài năng, sức khỏe, sự chăm chỉ và may mắn được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên trong xã hội. Cần thiết, bởi nó là động lực thúc đẩy và ban thưởng cho những người sáng tạo, chăm chỉ và chấp nhận rủi ro. Nông dân trong các hợp tác xã thời bao cấp không ra đồng bởi họ thấy có cố gắng cũng chẳng được gì hơn người khác.

Tuy nhiên, sự chênh lệch giàu nghèo quá mức, được thể hiện qua các ví dụ ở trên, đang bắt xã hội phải trả những giá đắt.

CHÊNH LỆCH GIÀU NGHÈO QUÁ MỨC CÓ HẠI CHO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Phân hóa giàu nghèo quá mức dẫn tới một nền kinh tế kém hiệu quả. Khi nguồn vốn và tài nguyên chỉ tập trung ở một nhóm nhỏ, sức mua trong xã hội, và qua đó, tăng trưởng kinh tế, bị kìm hãm. Thêm nữa, phần tăng trưởng đã ít ỏi này lại chủ yếu chảy vào túi những người vốn đã giàu, tiếp tục vòng xoáy tròn ốc phân hóa. Ngược lại, nếu tiền được chia đều hơn trong xã hội, khả năng chi

tiêu của xã hội sẽ được nâng lên, dẫn tới tăng trưởng và làm giảm phân hóa giàu nghèo.

Gần đây nhất, các nhà kinh tế học Berg và Ostry chỉ ra rằng thể chế chính trị, tự do thương mại và bình đẳng trong thu nhập là ba yếu tố quan trọng nhất có thể kéo dài các giai đoạn tăng trưởng của một nền kinh tế (một giai đoạn tăng trưởng thường nằm kẹp giữa hai giai đoạn trì trệ). Theo các tác giả, phân hóa thu nhập cao sẽ khuếch đại các nguy cơ khủng hoảng tài chính, xua đuổi các nhà đầu tư, và gây khó khăn cho chính phủ khi cần đưa ra các chính sách đối phó với các cú sốc kinh tế.

CHÊNH LỆCH GIÀU NGHÈO QUÁ MỨC ĂN MÒN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Tiền bạc là sức mạnh. Tiền bạc tập trung đem lại quyền lực tập trung cho các nhóm lợi ích. Phân hóa giàu nghèo quá mức sẽ ăn mòn tính dân chủ và xâm hại tới hệ thống quản trị nhà nước, bởi khi đó tiếng nói của một số đông dân chúng bị ra rìa.

Đặc trưng của các nhóm lợi ích là tìm kiếm đặc lợi (“rent seeking”), một hành vi khéo léo, nằm trong bóng tối, nhằm “vặt lông con ngỗng để làm sao có được nhiều lông nhất, trong khi làm ngỗng kêu ít nhất”. Các ví dụ kinh điển của nghệ thuật vặt lông ngỗng này là tác động chính sách để chính phủ bảo vệ độc quyền, bán sản phẩm và dịch vụ cho chính phủ và công chúng với mức giá cao, tiếp cận được nguồn lực công như đất đai hay khoáng sản với giá thấp hơn thị trường. Tìm kiếm đặc lợi không chỉ hay xảy ra ở các quốc gia nhiều tham nhũng và không có thượng tôn pháp luật, mà cả ở các nước phát triển, như đã được nêu trong cuốn *Cái giá của sự bất bình đẳng* của Joseph Stiglitz, nhà kinh tế học được giải thưởng Nobel năm 2001.

CHÊNH LỆCH GIÀU NGHÈO QUÁ MỨC PHÁ HỦY GẮN KẾT XÃ HỘI

Hai tác giả Wilkinson và Pickett đã so sánh giữa các quốc gia phát triển, cũng như giữa 50 bang của Mỹ, để chỉ ra rằng các vấn đề xã hội hiện đại như bệnh tật, tội phạm, đời sống cộng đồng rời rạc, thiếu niên mang thai v.v... xảy ra nhiều hơn ở những nơi có mức bất bình đẳng cao hơn. Điều đó cũng giải thích vì sao so với các quốc gia phát triển khác thì Mỹ có tuổi thọ trung bình thấp hơn và nhiều nhà tù hơn. Theo Robert Putnam, sự gia tăng bất bình đẳng trong năm thập kỷ qua là một trong những lý do chính phá hủy vốn xã hội, sự gắn kết và tính cộng đồng trong xã hội Mỹ ngày nay.

Phân hóa giàu nghèo tạo ra cảm giác bất công. Chỉ cần nhìn vào xuất thân của các sinh viên Trung Quốc đang theo học ở các trường đại học hàng đầu của Mỹ thì có thể thấy giới nào đang có lợi thế trong cuộc đua xã hội, để rồi thế hệ qua thế hệ, ngày càng đào sâu cái hố phân cách.

Nhưng ngay cả người giàu cũng không được sống yên ổn trong một xã hội phân hóa cực đoan. Bất công là nguồn gốc của bạo lực. Ở Nam Phi, các biệt thự đều có dây thép gai vây kín chung quanh, trở thành những nhà tù cao cấp. Ở Trung Quốc, dịch vụ đào tạo vệ sĩ cho những gia đình giàu có đang bùng nổ. Ở Mỹ và các nước phương Tây, phong trào *Chúng ta là 99%* và *Occupy* cho thấy đám đông đang thực sự nổi giận.

Trước những vấn đề này, các quốc gia đã bắt đầu hành động. Cuối 2013, tòa án tối cao Pháp thông qua mức thuế 75% cho tất cả các thu nhập vượt 1 triệu Euro một năm. EU ban hành một điều luật giới hạn mức thưởng ở các ngân hàng chỉ được tối đa bằng

hai lần mức lương. Đầu năm 2013, 68% người dân Thụy Sĩ bỏ phiếu cho phép các cổ đông có quyền hạn chế mức lương và thưởng của lãnh đạo công ty. Tổ chức nhân đạo Oxfam của Anh kêu gọi chấm dứt “nạn” giàu có quá mức vào năm 2025 - trong một thế giới với nguồn lực hữu hạn, nghèo đói chỉ có thể được giải quyết nếu chênh lệch giàu nghèo cực đoan được chấm dứt.

Sau gần 80 năm, phát biểu của tổng thống Roosevelt vào năm 1936 vẫn còn nguyên tính thời sự: “Sự bình đẳng chính trị mà chúng ta giành được đã vô nghĩa trước sự bất bình đẳng kinh tế. Một nhóm nhỏ gần như hoàn toàn nắm trong tay việc kiểm soát tài sản của người khác, tiền của người khác, sức lao động của người khác - cuộc sống của người khác. Với nhiều người trong chúng ta, cuộc sống không còn tự do nữa, sự giải phóng không còn thực sự nữa, người dân không còn có thể mưu cầu hạnh phúc.”

Và vì vậy, thay cho tự hào vì đã có tỉ phú đô la, chúng ta hãy cố gắng để có thể tự hào về mức tăng tuổi thọ trung bình hay số lượng trẻ em tới trường.

Trước khi Việt Nam có thể cải thiện các thể chế của mình và diệt trừ tham nhũng để đem lại công bằng và cơ hội cho số đông, về phần mình, ông Phạm Nhật Vượng và những đại gia Việt Nam khác có thể suy nghĩ để học tập Bill Gates hay Warren Buffet trong việc trao tặng của cải. Bởi vì kể cả ngày nào cũng ngủ ở khách sạn Burj Al Arab thì tới mấy đời cũng chẳng thể nào tiêu hết tài sản. Mặt khác, để tới lúc phải chằng dây thép gai dẫn điện quanh dinh thự, và thuê hàng đại đội vệ sĩ đưa con đi học, thì lúc đó đêm đêm ngủ trên cái giường, dẫu 7 tỉ hay 70 tỉ, cũng chẳng sung sướng gì.

Tháng Ba 2014



“NHỮNG NGƯỜI KHÔN KHỔ” Ở TIÊN LÃNG

Jean Valjean, nhân vật chính trong bộ tiểu thuyết *Những người khốn khổ* của Victor Hugo, nhận án tù năm năm vì ăn cắp một ổ bánh mì cho mấy đứa cháu.

Dường như chúng ta cần một Victor Hugo mới để viết *Những người khốn khổ* của Việt Nam năm 2014.

Vào một buổi sáng đầu tuần tháng Chín năm ngoái, ba thanh thiếu niên Thành, Hùng, Thịnh đèo nhau trên một chiếc xe máy ra đường liên huyện của Tiên Lãng, Hải Phòng, để trêu gẹo con gái. Trên đường, nhóm này rủ thêm Lộc, đang cuốn bộ đi học, lên xe, thành din bốn cầu. Cả bốn đều là các thanh thiếu niên nhà nông, đứa lớn nhất 18 tuổi, đứa nhỏ nhất 16.

Đó là giờ học sinh tới trường. Nạn nhân đầu tiên của bộ tứ nghịch ngợm là một nữ sinh. Thành áp sát vào xe đạp của cô này rồi giật chiếc mũ vải cô đang đội trên đầu. Đi thêm một đoạn, Thành lại giật một chiếc nón lá để ở giỏ xe đạp của một nữ sinh khác.

Tới đây thì các nguồn tin không thống nhất. Theo lời kể của các thủ phạm với báo chí, ngay sau đó, có hai người mặc thường phục đi xe máy vọt lên, xưng là công an, dùng dùi cui và còng số tám khổng lồ, bắt Thành đưa đi cùng chiếc xe máy, còn Hùng, Lộc, Thịnh đi bộ về. Chiều hôm sau, Hùng và Lộc bị công an xã bắt. Sáng hôm sau nữa, Thịnh bị công an huyện giữ để phục vụ điều tra.

Tuy nhiên, theo phiên bản bản án sơ thẩm của Tòa án Nhân dân huyện Tiên Lãng thì bốn ngày sau cái ngày thứ Hai định mệnh đó, cả bốn thủ phạm tự dẫn thân tới công an huyện để đầu thú và giao nộp vật chứng là mũ và nón.

Tuy không nhất quán trong việc các “tội phạm” được các chiến sĩ công an nhanh chóng truy bắt hay tự ra đầu thú, nhưng các nguồn tin đều thống nhất về giá trị của hai tang chứng trong vụ cướp giật liên hoàn. “Một mũ vải màu trắng đã qua sử dụng có giá 30 nghìn đồng; một nón lá cọ, màu vàng nhạt, quai nón màu hồng đã qua sử dụng có giá 30 nghìn đồng”, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận.

Với sự khẩn trương mẩu mực, chỉ mười ngày sau khi xảy ra vụ việc, công an huyện Tiên Lãng khởi tố. Thành bị bắt tạm giam từ đó tới nay, Lộc được tại ngoại sau thời gian tạm giữ, Hùng và Thịnh cũng được tại ngoại sau ba tháng tạm giam.

Vị thẩm phán của tòa sơ thẩm Tiên Lãng hẳn phải làm cho Javert, tay thanh tra sắt đá và trung thành với pháp luật, người đã dành 19 năm để đưa Jean Valjean ra vành móng ngựa, kính nể. Đầu tháng Tư vừa rồi, tòa buộc tội bốn bị cáo đã “dùng thủ đoạn nguy hiểm, nhanh chóng tiếp cận, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát”, và “gây tác động nặng nề tới xã hội.”

Chữ “nhanh chóng” được dùng tới ba lần trong một câu của bản án, giúp người ta thấy sự quyết liệt và uyển chuyển của một chiếc xe máy chở bốn thanh niên, thâm hiểm chực tìm cơ hội để nhảy bổ vào đám nữ sinh áo trắng đang thông dong đạp xe tới trường. Ngoài ra, các thủ phạm còn “chia nhau sử dụng” các vật phẩm cướp được, bản án cũng cho biết. Tôi cố gắng hình dung: hai đứa dùng chung cái mũ vải nữ, còn hai đứa kia thay nhau đội cái nón lá? Liệu chúng có cãi nhau và tranh giành xem đứa nào được đội mũ màu trắng và đứa nào phải dùng cái nón vàng nhạt có quai màu hồng? Bỏ phiếu dân chủ hay cậu lớn tuổi nhất sẽ ra quyết định? Thế còn “tác động nặng nề tới xã hội”? Cứ theo đánh giá của tòa thì hẳn là sau vụ này cả mấy xã của huyện run sợ, các nữ sinh không dám đội mũ khi ra đường, hoặc chỉ dám đội mũ khi có bạn trai đi kèm, bản thân hai nạn nhân thì chắc bị dư chấn của sợ hãi kéo dài, cộng đồng hoang mang, bất an.

Và thế là, để có “tác dụng tích cực trong đấu tranh phòng chống tội phạm”, tòa tuyên án Thành 36 tháng tù, Thịnh 22 tháng tù, Hùng và Lộc cùng 18 tháng tù, tổng cộng 94 tháng tù giam. Quả nhiên, “tác động nặng nề tới xã hội” đã xảy ra, nhưng lại là do chính bản án đem lại: người dân xôn xao, ngơ ngác, báo chí vào cuộc, hai nữ sinh mất mũ viết đơn xin giảm tội cho các thủ phạm, giải thích rằng “đây chỉ là trò trêu đùa nam nữ, không phải cướp

giật”, chính quyền địa phương, hiệu trưởng và giáo viên chủ nhiệm lên tiếng xác nhận nhân thân tốt và tư cách của bốn cậu.

Nhưng cỗ xe công lý có con đường đi riêng của mình, nó nhìn thấy tội phạm ở chỗ mà xã hội không nhìn thấy.

Việt Nam không có tư pháp vị thành niên, và cái đáng sợ của hệ thống thể hiện ở chỗ nó coi những người vi phạm trẻ tuổi như người lớn. (Chắc ai cũng đồng ý một người đàn ông trung niên giết mũ trêu ghẹo một nữ sinh là một câu chuyện khác hẳn). Ở các nước phát triển, tư pháp vị thành niên hoạt động dựa trên ba mục tiêu chính: ngăn ngừa tái vi phạm, giảm thiểu tối đa ảnh hưởng xấu tới tương lai của người phạm luật, và hỗ trợ người vi phạm tái hòa nhập cộng đồng.

Trong những trường hợp như trường hợp này, án treo, phạt hành chính, hay lao động công ích là những hình thức quá đủ để ngăn ngừa thanh thiếu niên không tái phạm. Đi ngược lại các mục tiêu nêu trên, sự trừng phạt hung dữ của tòa làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc học hành, tìm kiếm công ăn việc làm, dự định gia nhập quân ngũ (trong trường hợp của Thành), và tương lai nói chung của bốn đứa trẻ, và có nguy cơ biến chúng từ những cá thể đang sống yên ổn trong cộng đồng của mình thành những kẻ bị đóng dấu là “vào tù ra tội”.

Ra tù, Jean Valjean trở thành lưu manh chính hiệu. May mắn cho anh, anh được cải hóa sau khi gặp một linh mục, người đã bảo vệ anh bằng cách nói với cảnh sát là cái chân nện bằng bạc anh ăn cắp của nhà thờ là được tặng. Không rõ khả năng nào thì cao hơn: khả năng bốn đứa trẻ Tiên Lãng cũng gặp may như Jean Valjean, hay khả năng án tù biến chúng trở thành các Chí Phèo mới?

Nhưng, câu hỏi này cũng sẽ không nằm trong mối quan tâm của cỗ xe công lý.

Tháng Năm 2014

TỬ TÙ SINH CON: QUYỀN HAY ĐẶC ÂN?

Nhà tù được thiết kế, xây dựng và vận hành để phục vụ bốn mục đích. Mục đích ngăn ngừa - phạm nhân bị giam trong tù sẽ không có cơ hội tiếp tục làm những hành động trái pháp luật. Mục đích trừng phạt, những người tin vào công lý trừng phạt (retributive justice) cho rằng tội ác phải bị trừng trị. Tù nhân phải nhận hình phạt vì đã gây ra tổn thất cho xã hội, và mức độ trừng phạt phải tương ứng với mức độ tội ác gây ra. Đi liền với trừng phạt là mục đích phòng ngừa: nhà nước cầm tù một cá nhân phạm tội để răn đe những người khác dừng tay trước những hành động tương tự. Và cuối cùng, nhà tù có mục đích cải huấn, thời gian trong tù được sử dụng để chuyển biến tù nhân thành một con người tôn trọng pháp luật và có ích cho cộng đồng. Cũng cùng một án tù, nhưng mục tiêu đằng sau có thể khác nhau. Một người gây án mạng bị tù chung thân vì hệ thống quyền lực cho rằng anh ta là mối đe dọa tiềm tàng cho xã hội, và do đó cần phải bị cách ly vĩnh viễn với cộng đồng. Cũng án chung thân, nhưng cho tội tham nhũng, sẽ không phải vì nguy cơ tái phạm, mà có mục đích trừng phạt và “làm gương”.

Tử hình là mức án thể hiện quyền lực cao nhất của nhà nước với một cá nhân trong lãnh thổ của nó, là hình thức răn đe và trừng phạt ở mức độ cao nhất. Tuy nhiên, không phải cái chết nào cũng giống cái chết nào. Ở đây, điều quan trọng là cái chết phải được thực hiện bởi bàn tay của quyền lực nhà nước, vào thời điểm mà nó quyết định. Chính vì vậy, bộ máy trại giam làm mọi thứ để bảo đảm tử tù không thể tự sát. Nếu họ tự kết liễu đời mình, nhà nước sẽ mất đi cơ hội trừng phạt. Và cũng vì thế, người ta có thể chấp nhận chi phí, dù rất lớn, để chữa bệnh cho người bị án tử hình, giữ họ trong trạng thái khỏe mạnh, để chờ tới ngày thi hành án.

Một đặc trưng cơ bản của sự giam cầm là tù nhân bị hạn chế các quyền dân sự. Họ bị tước quyền tự do di chuyển, quyền sống với gia đình, quyền tiếp cận các cơ hội đào tạo và việc làm theo mong muốn của bản thân. Tuy nhiên, tử tù khác với “cuộc sống trần trụi” (“bare life”), khái niệm được triết gia Giorgio Agamben dùng cho những người sống trong trại tập trung của Phát xít Đức, hay người dân Campuchia trong thời kỳ Pol Pot, những người hoàn toàn nằm ngoài vòng pháp luật, có thể bị kết liễu cuộc đời mà những người giết họ không bị kết tội “giết người”. Người chịu án tử hình vẫn là một chủ thể nằm trong không gian được trị vì bởi luật pháp và có một số quyền nhất định. Quyền được chữa bệnh, như đã nói bên trên, hay quyền không bị tra tấn và ngược đãi. Ở nhiều nước trên thế giới tử tù được phép kết hôn. Ở Mỹ, có hàng chục website giúp các tử tù tìm bạn, và đã dẫn tới hàng trăm hôn nhân. Ở Việt Nam, Luật Hôn nhân và Gia đình không cấm phạm nhân kết hôn, tuy nhiên rào cản nằm ở khó khăn kỹ thuật khi triển khai, bởi quy định pháp lý hiện nay yêu cầu hai người phải cùng có mặt ở cơ quan đăng ký.

Một câu hỏi khác, cũng liên quan tới quyền của tù nhân, và đang được dư luận quan tâm là tử tù có được phép lưu giữ tinh trùng và mô phôi tinh hoàn để có con qua đường thụ tinh nhân tạo hay không? Câu hỏi này không chỉ có ý nghĩa với những tử tù, mà còn với những tù nhân lãnh án lâu năm, án chung thân, hay tù nhân đang bị bệnh nặng. Và nó dẫn tới một câu hỏi rộng hơn, nền tảng hơn: Tù nhân, bất kể đang chịu án giam có thời hạn hay án tử hình, có quyền duy trì nòi giống hay không?

Có hai luồng lập luận khác nhau. Luồng lập luận thứ nhất cho rằng để trừng phạt, trong thời gian chịu án (nghĩa là vĩnh viễn với những án chung thân và tử hình), tù nhân bị tước quyền được có con, dù qua bất cứ hình thức nào. Không thể trở thành một người bố, đó là cái giá họ phải trả cho tội phạm của mình. Luồng lập luận đối nghịch cho rằng việc tước đoạt quyền có con của tù nhân gần như là một sự trừng phạt mang tính “chu di tam tộc”, cho dù là gián tiếp, và đi ngược với tư duy nhân đạo của xã hội hiện đại. Xã hội không có nghĩa vụ giúp tù nhân (hay bất cứ ai khác) sinh con để cái, nhưng cũng không được tước đi quyền này của họ, nếu như nó không ảnh hưởng tới sự vận hành và những yêu cầu an ninh của một nhà tù.

Trên thực tế, nhiều nước, trong đó có Việt Nam, cho phép tù nhân gặp vợ hay chồng mình trong một không gian riêng tư (ở Việt Nam gọi là “phòng hạnh phúc”) để họ có thể sinh hoạt vợ chồng, một biện pháp được thừa nhận là có tác động rất tốt cho tâm lý phạm nhân, cho sự gắn bó trong gia đình và giúp họ tái hòa nhập cộng đồng. Đây là một con đường tự nhiên để tù nhân có thể trở thành bố. Tuy nhiên, vì lý do an ninh, tử tù không được có những cuộc viếng thăm “hạnh phúc” này (nguy cơ xảy ra bạo lực

hay tự sát ở tử tù được cho là cao hơn nhiều, do vậy họ luôn phải nằm dưới sự giám sát của quản tù). Tuy nhiên, với sự phát triển của y học, tiếp xúc vật lý giữa vợ và chồng không còn cần thiết nữa cho mong muốn có con, và tại sao các tù nhân, dù là tử tù hay không, không được gửi tinh trùng của mình ra ngoài, nếu điều này không ảnh hưởng tới an ninh của nhà tù, và các chi phí sẽ do gia đình phạm nhân gánh chịu?

Đây không phải là một câu hỏi mang tính lý thuyết, nó đã xảy ra nhiều lần trên thực tế. Ví dụ, năm 1999, William Gerber, một tù nhân thụ án chung thân ở California, Mỹ, đã kiện ra tòa vì nhà tù không cho phép anh gửi tinh trùng cho vợ. Một tòa án đã xử Gerber thắng cuộc, với lý do: “Không có bức tường nào ngăn cách giữa người tù và Hiến pháp, do đó, anh ta vẫn được giữ những quyền trong Hiến pháp phù hợp với vị thế tù nhân và không đi ngược các mục đích của hệ thống trừng giới.” Tuy nhiên, sau đó, Tòa án Tối cao Mỹ đã bác lại, cho rằng quyền được duy trì nòi giống như nêu trong Hiến pháp không được áp dụng cho những người ở đằng sau chấn song sắt nhà tù. Quan điểm ở đây là những cá nhân phạm tội nặng phải từ bỏ nhiều quyền mà người dân tôn trọng pháp luật được hưởng - rõ ràng là một quan điểm của công lý trừng phạt.

Mỹ chưa bao giờ được biết tới như một quốc gia có hệ thống trừng giới tiến bộ. Việt Nam có thể chứng tỏ mình nhân đạo hơn, qua việc cho phép tù nhân được có con qua đường thụ tinh nhân tạo. Tước đoạt các quyền con người của tù nhân quá mức độ cần thiết chỉ góp phần tạo ra những con người vừa hung hãn vừa tuyệt vọng, và làm mất đi chức năng cải huấn của biện pháp cầm tù. Xa hơn một bước, Việt Nam nên xem xét lại chính sách tử hình của

mình. Cho tới nay, các nghiên cứu xã hội không thể chỉ ra được tác động ngăn ngừa tội phạm của biện pháp tử hình. Giết một mạng sống như một hành động trừng trị để “bảo toàn công lý” là một ý tưởng không còn phù hợp với một nhà nước hiện đại. Thay vào đó, án chung thân là một biện pháp nhân văn hơn, ít bạo lực và ít tàn khốc hơn, và thực hiện tốt hơn bốn mục đích của hệ thống trừng giới như đã nêu ở đầu bài.

Tháng Giêng 2014



ĐỪNG “LÀM GIÀU TRƯỚC, DỌN DẸP THIỆT HẠI SAU”!

Việt Nam có mức độ phát triển như thế nào, khi so với Hàn Quốc chẳng hạn? Với câu hỏi này, phản xạ đầu tiên của chúng ta là đi tìm thu nhập bình quân đầu người để so sánh. GDP trên đầu người của Hàn Quốc hiện nay là 26.000 USD, gấp 14 lần Việt Nam. (Nếu

kinh tế tăng trưởng đều đặn 8% một năm, thì sau 38 năm Việt Nam sẽ đuổi kịp Hàn Quốc bây giờ).

Thật là một phép tính nhanh gọn và tiện lợi, và đó cũng là lý do vì sao một con số thống kê khô khan như GDP lại nổi tiếng rộng rãi hơn bất cứ một ngôi sao màn bạc nào. Được giới thiệu năm 1932 bởi nhà kinh tế học Simon Kuznets, nó nhanh chóng có một sự nghiệp ngoạn mục. Năm 1944, nó trở thành chuẩn mực quốc tế để đo lường một nền kinh tế. Năm 1978, bảng thống kê quốc tế đầu tiên, với số liệu từ hơn 100 nước, cho phép người ta so sánh các quốc gia với nhau, như chúng ta vừa làm giữa Hàn Quốc và Việt Nam. Năm 1999, Bộ Công thương Hoa kỳ tuyên bố GDP là một trong những phát minh vĩ đại nhất của thế kỷ 20. Tới nay, nó vẫn là chỉ số đầu tiên và quan trọng nhất được dùng để đánh giá xem chính phủ một đất nước làm ăn thế nào.

Và đây cũng là nguồn căn của vấn đề. Theo Ngân hàng Thế giới, GDP bình quân đầu người của Việt Nam năm 2013 tăng gấp rưỡi so với 2009. Nhưng bạn có thấy cuộc sống của mình tốt đẹp lên nhiều như vậy hay không? Tôi cá là không. Trong năm năm qua, có thể bạn đổi được cái xe máy, thay bộ xa lông cũ, mua một cái iPad, và cho gia đình đi chơi Singapore. Thế nhưng, so với năm năm trước, hằng ngày bạn bị hít khói lâu hơn trong cái biển xe tắc đường lúc tan tầm, cây xanh và hồ nước trong thành phố ngày một ít đi, mở báo ra thì toàn rác và kền kền rửa xác, phong bì biểu sếp thì ngày càng phải dày lên, có việc tới cửa quan thì bị quát, ra đường thì phải khéo léo để tránh bị dùi cui của công an phang.

Như ta đã thấy, GDP không phản ánh được đầy đủ chất lượng cuộc sống, hay “mức độ phát triển”. Những vấn đề như bất bình đẳng, ô nhiễm môi trường, bạo lực xã hội, bất công v.v... không

xuất hiện trong đó. Người ta tính rằng, nếu tính đến những hủy hoại môi trường ở Trung Quốc thì hằng năm phải đánh tụt GDP của nước này tới 3%. Luật pháp Brunei, nước giàu thứ năm trên thế giới theo thu nhập bình quân, cho phép ném đá tới chết những người đồng tính và những người ngoại tình. Ở Saudi Arabia, một quốc gia giàu có tương đương với Ý và New Zealand, phụ nữ không được phép lái ô tô, không được xuất cảnh mà không có nam giới đi kèm, và sẽ chỉ được bầu cử lần đầu vào năm 2015 tới. Bạn có muốn sống ở những quốc gia “thịnh vượng” đó không?

Càng ngày càng có nhiều tiếng nói cho rằng việc quá bị ám ảnh bởi GDP dẫn chúng ta tới một bế tắc trong triết lý phát triển. Cuộc chạy đua về GDP là cuộc chạy đua lạc lối. Thượng nghị sĩ Robert Kennedy của Mỹ có lần phát biểu: “GDP không bao gồm vẻ đẹp của thơ ca, sự bền vững của hôn nhân, mức sắc sảo của các cuộc tranh biện, mức liêm chính của viên chức. Nó không đo được lòng dũng cảm, trí tuệ, hay cam kết của chúng ta với đất nước. Nó đo mọi thứ, trừ những gì làm cho cuộc sống này đáng sống.” Gần đây nhất, năm 2009, nhà kinh tế học đoạt giải Nobel nổi tiếng Joseph Stiglitz yêu cầu chấm dứt “chủ nghĩa tôn thờ” GDP.

Nhưng điều gì làm cuộc sống này đáng sống? Theo Khối Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), mức độ an sinh (well-being) của người dân không những được thể hiện qua thu nhập, sức khỏe, môi trường, giáo dục, an ninh mà còn qua chất lượng dịch vụ công và sự tham gia của người dân vào đời sống cộng đồng. “Chỉ số Hạnh tinh Hạnh phúc” của *the new economics foundation* (có lẽ nổi tiếng nhất với chúng ta vì nó đặt Việt Nam vào vị trí số hai trong xếp hạng, gây nhầm tưởng là người Việt hài lòng với cuộc sống vào loại nhất thế giới) được tính tỉ lệ thuận với tuổi thọ trung bình

và cảm nhận của người dân về an sinh, và tỉ lệ nghịch với mức độ tiêu thụ tài nguyên của nền kinh tế. Việt Nam xếp hạng cao vì có tuổi thọ trung bình khá cao, tương đương với Slovakia, trong khi tiêu thụ tài nguyên chỉ bằng một phần ba nước này. Cách tính này trừng phạt các nước phát triển (Mỹ xếp hạng 105!) vì mức độ sử dụng năng lượng của họ. Trong khi đó, mức an sinh theo cảm nhận chủ quan, tức là mức độ hài lòng với cuộc sống của Việt Nam chỉ đứng ở mức trung bình, và bằng 2/3 của Bắc Âu. Nói vậy để thấy rằng Việt Nam xếp hạng cao ở đây không phải do người Việt “lạc quan tếu”, “dễ bằng lòng”, “buông xuôi” như một số báo chí đã bình luận trong thời gian qua, mà là do chúng ta còn chưa đi nhiều ô tô, và tuy có một cuộc đời còn nhiều bức xúc nhưng bù lại thì sống lâu.

Phong trào hướng tới hạnh phúc thay vì chạy theo tăng trưởng kinh tế đã đạt tới mức độ toàn cầu. Năm 2013, Liên Hiệp Quốc đưa ra các hướng dẫn giúp các quốc gia đo lường mức “an sinh chủ quan” của người dân, một khái niệm thường được hiểu rộng hơn “hạnh phúc”, bao gồm sự tự đánh giá về trạng thái tinh thần và tình cảm của người dân, và về “cuộc sống của mình có mục đích và ý nghĩa hay không”. Theo triết lý này, một người ngồi sau xe Lexus, nhưng cáu bẳn, lo lắng và bị xâm chiếm bởi một cảm giác trống rỗng, sẽ bị coi là bất hạnh hơn người đi xe đạp bên cạnh, tâm trạng thanh thản, và thấy những gì mình làm thật có ý nghĩa.

Đi đầu phong trào này là Bhutan. Năm 1972, vua Jigme Singye Wangchuck, lúc đó mới 17 tuổi, tuyên bố mục tiêu của mình không phải tăng trưởng GDP, mà là tăng trưởng “Tổng hạnh phúc quốc nội” - hay GNH. Để tránh hiểu lầm: Bhutan không từ chối đường nhựa, ô tô, ti vi hay Internet, và người dân ở đây không chỉ

muốn ngồi khoác vai nhau trong các túp lều tranh với nét mặt rạn rỗ. Trước hết, GNH của họ bao gồm các lĩnh vực kinh điển: thu nhập, việc làm, chất lượng giáo dục, y tế và môi trường. Nhưng nó cũng đo hiệu quả của hệ thống quản trị công. Ngoài ra, đáng lưu ý nữa, nó đo sức sống của cộng đồng, bảo tồn văn hóa, và sự cân bằng trong việc sử dụng thời gian của người dân.

Chính phủ nào thì cũng cam kết hùng hồn là mình đi theo “phát triển bền vững”, nhưng trên thực tế, những cộng đồng yếu thế, văn hóa và môi trường hay phải trả giá cho các dự án phát triển kinh tế, và chỉ khi dùng một công cụ như GNH thì người ta mới có thể định lượng những trả giá này. Với triết lý phát triển mới, nếu GDP tăng nhưng GNH giảm thì chính phủ vẫn bị coi là thất bại.

Khái niệm GNH của Bhutan ngày càng có ảnh hưởng rộng rãi. Phần lớn nội dung của nó được ứng dụng trong “Chỉ số An sinh” của Canada. Năm ngoái, nước Anh cho ra đời ngày “Hành động vì Hạnh phúc”. Hàng loạt các thành phố Mỹ đã công bố các dự án đo lường hạnh phúc và an sinh cho cư dân của mình.

Một cuộc sống hạnh phúc, tóm lại, không phải chỉ có cơm no, áo ấm, mà là khi con người tin tưởng nhau, hàng xóm láng giềng chan hòa, thân ái, và người dân được chính quyền tôn trọng thông qua những thể chế dân chủ. Quan điểm “làm giàu trước, dọn dẹp thiệt hại sau” được thực hiện ở nhiều quốc gia trong mấy thập kỷ qua đã gây hại khôn lường. Không đâu xa, chỉ cần nhìn vào chất lượng sống xuống cấp ở các thành phố Trung Quốc và làn sóng di cư của những người khá giả ra khỏi nước này là đủ để thấy rõ tiền không mua được hạnh phúc. Khi quan hệ giữa người với người và giữa người với thiên nhiên trở nên căng cỗi thì có ngồi trong Lexus người ta cũng chỉ là một kẻ bất hạnh.

Tháng Bảy 2014

VĂN HÓA KHÔNG PHẢI LÝ DO KHIẾN QUỐC GIA THẤT BẠI

Một trong những tác động xã hội bất ngờ của giàn khoan HD981 là giống như một bác sĩ tâm lý nghiêm khắc, nó bắt người Việt quay lại truy vấn về bản thân mình, về gốc gác và bản sắc văn hóa của mình. Và khá nhanh chóng, chữ “thoát Trung” được chuyền tay nhau. Một cảm giác hưng phấn treo lơ lửng trên không và chạy rần rật trên các mạng xã hội. “Một cơ hội nghìn năm có một”, thời cơ để Việt Nam thoát khỏi cái bóng (ma) rộng lớn mang tên Trung Quốc - nhiều người tự nhủ. Không chỉ muốn thoát khỏi tầm ảnh hưởng về kinh tế (ai mà chẳng muốn miếng cơm, manh áo của mình không phụ thuộc vào một kẻ duy nhất), hay về chính trị (ai mà chẳng muốn mình không phải con rối của một quốc gia khác), rất nhiều tiếng nói yêu cầu Việt Nam thoát Trung về văn hóa. Theo họ, khước từ văn hóa Trung Quốc, tức là khước từ gốc gác của văn hóa Việt, là điều cấp thiết nhất để Việt Nam trở nên hùng mạnh và thịnh vượng.

Là một trong những giọng nói khẩn thiết nhất, bài *Thoát Trung luận* của tác giả Giáp Văn Dương kêu gọi Việt Nam hướng tới phương Tây (thứ vị thay, bằng văn phong của một bản hịch thời phong kiến). Bài luận phê bình việc dùng các bài khấn bằng chữ Hán trong ma chay “mặc dù người chết không đọc được lấy một

chữ”, hay việc chiếu phim Trung Quốc trên ti vi. Ông Dương liệt kê ra những thói hư tật xấu mà ông cho là đặc trưng của văn hóa Trung Quốc, như “ngông nghênh coi thường chân lý”, “ếch ngồi đáy giếng”, “bằng cấp hư danh” và cho rằng do quá “nghiêm cẩn” với “người thầy” phương Bắc của mình, nhất nhất tuân theo, mà người Việt để cho những thói hư tật xấu này hoành hành ở đất nước mình. Theo ông, đi theo những giá trị tiến bộ phương Tây là cách duy nhất để dứt bỏ “thói hành dân”, “nịnh trên lừa dưới”, “tệ chạy chức chạy quyền”.

Những người khác còn đi xa hơn, họ cho rằng đạo Khổng, với đạo lý tôn trọng tôn ti trật tự, cá nhân nằm dưới gia đình nằm dưới cộng đồng nằm dưới vua quan, chính là lý do tại sao chúng ta lại ở trong tình trạng bi đát như bây giờ. Phải đoạn tuyệt với văn hóa Khổng giáo, thay thế nó bằng chủ nghĩa tự do cá nhân, họ khẳng định. Tư tưởng của các nhà cách tân Việt Nam đầu thế kỷ 20 được lấy ra, phủi bụi, và sử dụng lại y nguyên như thể thế giới vẫn đứng im trong 100 năm qua. “Đi theo phương Tây, hay là chết” - phương châm của họ có thể tóm tắt lại như thế.

Đáng tiếc là câu chuyện không đơn giản như vậy.

Nếu ông Lý Quang Diệu có theo dõi cuộc tranh luận sôi nổi này của người Việt, hẳn ông ta phải nhăn mũi khó chịu. Trong cuộc đời hoạt động chính trị của mình, ông đã quảng bá không mệt mỏi cho “những giá trị châu Á”, được nuôi dưỡng chính từ những triết lý Đạo Khổng, và coi con đường cá nhân chủ nghĩa của phương Tây, đặc biệt của Mỹ, là đi vào chỗ tắc.

Ngoài ông Diệu, cơ man các công trình nghiên cứu kinh tế phát triển cũng cho rằng sự thành công của bốn con rồng Á châu (Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan và Hong Kong) là nhờ đóng góp

của văn hóa Khổng giáo: tôn trọng trật tự, kỷ luật, hy sinh cá nhân vì lợi ích tập thể. Singapore đã đưa Khổng giáo vào chương trình giáo dục phổ thông tới tận thập kỷ 90 của thế kỷ trước, tức là trong toàn bộ 30 năm cất cánh của họ. Các tập đoàn lớn của Hàn Quốc dùng các giá trị Khổng giáo trong các khóa đào tạo lãnh đạo của mình.

Không cần tới ví dụ của các con rồng châu Á người ta cũng có thể thấy là “ngông nghênh”, “hành dân”, “tham nhũng”, “chạy chức chạy quyền” không phải đặc tính của Khổng giáo, hay của bất cứ một văn hóa nào khác, mà là đặc tính của một nền quản trị quốc gia thất bại. Thành công thì có nhiều con đường, Bắc Âu, Bắc Mỹ hay Đông Á, nhưng thất bại thì bao giờ cũng có hình thù giống nhau. Tham nhũng ở Philippines cũng có hình dạng như ở Pakistan hay ở Việt Nam, cho dù văn hóa của các nước này là Công giáo, Đạo Hồi hay Khổng giáo.

Mục tiêu lớn nhất của các nhà cách tân Việt Nam đầu thế kỷ 20 là khắc phục tinh thần “dị ngoại”, nghĩa là ghét cái khác mình, của người Việt, để người Việt có thể hiểu được phương Tây, làm việc cùng phương Tây, và trở nên hiện đại như phương Tây. Việt Nam của thế kỷ 21 nằm trọn vẹn trong một thế giới phẳng. Nhân lực, vốn tài chính, các sản phẩm văn hóa, di chuyển xuyên quốc gia theo sự điều khiển của bàn tay thị trường toàn cầu. Cách đây 100 năm, cắt móng tay, tóc húi cua, mặc áo vest, đi giày da... là những hành động mang tính biểu tượng để đưa người Việt Nam lại gần với một nền văn minh của máy móc và công nghệ. Ngày nay, mục đích của Việt Nam là xây dựng thượng tôn pháp luật, phát triển kinh tế bền vững, đi cùng với công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

Cái cần phải sửa là cái ruột bên trong, chứ không phải những cái hình thức bên ngoài như ông Giáp Văn Dương lo lắng.

Bởi vì với cái thẩm mỹ của số đông u mê hiện nay, với cung cách chụp giật, câu view của các nhà đài, không có phim tập Tàu thì sẽ có phim tập Hàn, đầy ung thư, phản bội, chia ly suốt mướt, hay phim tập Việt sống sượng rẻ tiền. Cũng là nhét rác vào đầu thì có cần ưu tiên rác Việt, rác Hàn chứ không phải rác Tàu?

Bởi vì nếu hằng năm Tết đến người ta vẫn xin ông đồ chữ Nhẫn như một cái máy, mà không ai bỏ ra lấy hai phút để nghĩ xem trong năm mình đã tu tập, cảnh tỉnh bản thân thế nào, thì nếu có bỏ cái chữ Hán đó đi mà thay bằng cái gì đấy người ta có thể “đọc được” như ông Dương yêu cầu (“Keep calm” cho nó Tây?) thì cái tờ chữ đó cũng chẳng thần kỳ biến người sở hữu nó thành một người tự chủ, đàng hoàng, bản lĩnh.

Bởi vì nếu các trường học chỉ thay cái khẩu hiệu “Tiên học lễ, hậu học văn” bằng “Hãy tin vào chính bạn” (một phương châm 100% Mỹ), thì liệu vì thế nạn dạy thêm, phong bì, chạy trường chạy điểm, có bỗng dừng biến mất? Nếu thay Tết Nguyên đán bằng Lễ Noel thì người ta liệu có thôi biếu sếp phong bì, mà chuyển sang tặng ngỗng?

Ông Giáp Văn Dương và những người giống ông có đang đề nghị Việt Nam làm một cuộc cách mạng văn hóa nữa, lại đập đổ các đền chùa miếu mạo, lại lên danh sách các “hủ tục”, phát động phong trào xây dựng “văn hóa mới”, duy lần này không phải xây dựng “con người mới xã hội chủ nghĩa” mà là “con người mới tư bản toàn cầu”?

Tôi mong muốn được nhìn thấy các cộng đồng mà người dân đọc được các chữ Hán, chữ Nôm viết trên các chùa chiền, đình, miếu nơi mình ở, những nơi có thể biến thành các bảo tàng cộng đồng, giúp người dân hiểu được lịch sử địa phương mình. Tôi tin vào sự quan trọng của văn hóa không bị đứt gãy, chỉ có thể có khi người dân đọc được những tư liệu cổ của nước mình. Tôi muốn Đạo Khổng được dạy trong một môi trường giáo dục có tự do ngôn luận và tự do học thuật, bên cạnh các văn hóa khác, mà không bị bắt cóc bởi các mưu đồ chính trị (như đang xảy ra ở các Viện Khổng tử tại Mỹ). Tôi muốn nhìn thấy người dân Việt Nam có đủ hiểu biết và sự dẻo dai về văn hóa để chèo lái trên biển toàn cầu hóa, để trở nên những công dân toàn cầu mà không bị tha hương về văn hóa, bị bơ vơ về bản sắc. Họ không cần phải thoát đi đâu cả.

Năm 2012, hai học giả Daron Acemoglu và James A. Robinson của MIT và Đại học Harvard cho ra đời cuốn *Vì sao các quốc gia thất bại*, gây tiếng vang lớn. Những người đang kêu gọi “thoát Á”, “thoát Khổng”, “thoát Trung” nên đọc cuốn này. Tôi không muốn tiết lộ câu trả lời, nhưng chỉ điều này: theo các tác giả, văn hóa không phải là lý do.

Tháng Sáu 2014



RỒI TẤT CẢ SẼ TRỞ THÀNH ĐỒ SƠN

Từ sau khi đường cao tốc Hà Nội-Lào Cai khánh thành, lượng khách tới Sapa tăng đột biến. Dịp Tết Nguyên đán vừa rồi, ô tô và xe khách biến số 29 và 30 chen chúc nhau nhích từng tí một trên những con phố dốc và hẹp ở trung tâm, rú ga giữ máy, bấm còi inh ỏi. Buổi tối, ở quảng trường nhà thờ, nhạc disco được mở to hết cỡ, tiếng bass làm vạt áo rung bần bật. Các buổi sáng, du khách chen lấn nhau để xuống thung lũng “tham quan” các bản, lượng iPad nhiều hơn số lợn con nằm vầy đất ven đường. Không còn nhìn thấy núi non gì nữa vì hai bên đường đã kín hàng quán bán đồ lưu niệm. Trẻ con H’mong xếp hàng đợi được phát bánh kẹo như khi trong sở thú. Những đứa bạo dạn hơn thì đi giật lùi trước mặt khách, chúng từ chối kẹo, chỉ nhận tiền, và đồng thanh kêu như những cái máy vô hồn, tiếng Kinh không sôi “cô cho hai nghìn, cô cho hai nghìn”. Một cộng đồng và một vùng thiên nhiên đã đánh mất nhân phẩm của mình vì du lịch.

Đi du lịch là một sở thích khá mới của người Việt. Tới tận giữa những năm 1990, Sapa vẫn còn là một thị trấn xanh, yên tĩnh và thanh bình, du khách chủ yếu là người nước ngoài. Hồi đó, không có một người Kinh nào quan niệm leo lên đỉnh Phan Xi Păng là việc đáng làm, đây là việc chỉ người H'mong “phải” làm để mưu sinh.

Cũng giống như ở phương Tây sau chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đi du lịch của người Việt dần dần lớn mạnh khi có đủ ba yếu tố hội tụ. Thứ nhất, thu nhập đã thừa để đáp ứng những nhu cầu tối thiểu. Thứ hai, quỹ thời gian rộng rãi hơn, người ta không phải đầu tắt mặt tối lo cho cuộc sống nữa. Thứ ba, cơ sở hạ tầng, nghĩa là phương tiện đi lại, dịch vụ khách sạn và ăn uống, đã tốt lên, để cho việc xê dịch không còn vất vả. Những yếu tố đó làm thay đổi thái độ của người dân với việc di chuyển, chuyển từ quan điểm “xénh nhà ra thất nghiệp” tới chỗ coi việc ra khỏi nhà như một thú vui, một sự hưởng thụ. Thậm chí, để thoát khỏi cái buồn chán của cuộc sống công sở hằng ngày ở một thành phố lớn, người ta còn tìm tới cái vất vả như một cuộc chạy trốn ngắn ngủi, tất nhiên bởi người ta biết cái vất vả này là hữu hạn về mặt thời gian, và các rủi ro nằm trong vùng được kiểm soát. Các phong trào phượt, phong trào đạp xe, phong trào “leo Phan” ra đời.

Giờ đây, tình hình đã khác hẳn. Năm ngoái có gần 4 triệu lượt người Việt đi du lịch nước ngoài, cộng với 40 triệu lượt khách nội địa, tổng lại là bằng một nửa dân số quốc gia. Nhìn xung quanh, ta thấy mỗi gia đình đều lên kế hoạch cho một vài chuyến đi trong năm. Với người Việt trung lưu, du lịch đã trở thành một sinh hoạt cơ bản, như mua sắm hay đi nhà hàng. Khoảnh khắc cho đồ đạc lên ô tô để lên đường bao giờ cũng là một trong những khoảnh

khắc phấn khởi nhất của cả gia đình trong năm, và hình ảnh người bố trẻ lái xe trên xa lộ, người mẹ trẻ gọt hoa quả ở ghế bên cạnh, ở đằng sau là hai đứa con chụm đầu chơi iPad, truyền tải một trong những cảm giác sống viên mãn nhất của Việt Nam đầu thế kỷ 21.

Du lịch là con ngỗng đẻ trứng vàng với nhiều địa phương, họ giàu có lên trông thấy nhờ vào nguồn thu từ du khách, nếu “giàu có” được đo bằng số lượng nhà cao tầng mới xây và số ô tô chạy trên đường. Cái mất mát thì không ai lượng hóa được. Thờ ơ hoặc không ý thức được mặt trái xấu xí của du lịch, phần lớn các chính quyền địa phương tiếp tục cố sù ý vô điều kiện cho “ngành công nghiệp không khói” này như một hướng phát triển văn minh và tiến bộ.

Cái đang xảy ra ở Sapa là sự hoành hành phá phách của hiện tượng du lịch đại trà (mass tourism) và chính sách phát triển phục vụ nó. Chính sách này có thể được gói gọn trong một mục tiêu: càng nhiều khách càng tốt. Để tiếp tục với ví dụ Sapa: số lượng khách tới đây vào năm 1991 là 2.000. Năm 2002, con số này là 60.000. Nhưng riêng trong đợt nghỉ Tết Nguyên đán 2015 vừa rồi số du khách đã là 50.000.

Trong cuốn *Quá tải: kinh doanh du lịch bùng nổ*, tác giả Elizabeth Becker gọi du lịch là một ngành công nghiệp toàn cầu tàn bạo, một con dao hai lưỡi, hứa hẹn thu nhập và việc làm cho bên chủ nhà, và các trải nghiệm để đời cho bên khách, nhưng cùng lúc cũng có sức tàn phá khủng khiếp với môi trường, văn hóa và cộng đồng.

Số phận các địa điểm du lịch tầm cỡ khác của Việt Nam cũng tương tự Sapa. Ở vịnh Hạ Long, mỗi ngày 20.000 du khách được đưa đến và chuyển đi như gà con trên băng chuyền, sau khi trực tiếp xả thẳng phế thải của mình xuống dưới biển. Ở Phú Quốc, mùi

nắng gió, mùi nước mắm, các đồn điền tiêu, những làng chài, tâm hồn và cá tính của hòn đảo, đang biến mất dần. Thay vào đó là chi chít hàng quán, biển hiệu rối rắm, như một thị trấn vô hồn bất kỳ nào khác. Người ta xẻ rừng quốc gia để đặt vào đó các lầu đài nhái kiểu cổ tích châu Âu chớp nhọn lòe loẹt xanh đỏ, những cây thông và bãi cỏ ôn đới lạ lẫm với khí hậu địa phương, biến một thiên đường nhiệt đới tự nhiên thành một “thiên đường” bê tông nhân tạo.

Du lịch đại trà là một hiện tượng toàn cầu, nhưng nó gây ra tác hại nhiều nhất ở các nước đang phát triển, vì sức chống cự của những nước này, cả về nguồn lực tài chính lẫn trình độ quản lý đều yếu kém hơn. Ở Angkor Wat, gần đây các ngôi đền bắt đầu bị lún vì mực nước ngầm hạ thấp do mức tiêu thụ nước của các khách sạn liên tục tăng lên. Ấm ảnh nhất với tôi là Vang Viêng ở Bắc Lào. Nằm bên bờ sông Nam Song, được vây xung quanh bởi các dãy núi đá vôi trùng điệp, cái làng nhỏ duyên dáng và xinh xắn này bỗng nhiên trở thành nơi các thanh niên phương Tây tập kết để ăn chơi như không có ngày mai. Họ tụ tập ở các bar trải dài 4 km dọc bờ sông, ăn pizza trộn với cần sa, nốc whisky đựng trong các bát ô tô nhựa, nhảy nhót trong tiếng nhạc rầm rầm, rồi nằm trong xăm ô tô lao mình xuống nước xoáy để tiêu khiển. Sau mấy chục ca tử vong chỉ trong vòng một năm, chính phủ Lào phải ra tay dừng cuộc vui lại.

Mức sống chung cao lên, các đường bay giá rẻ ra đời, càng tạo điều kiện cho du lịch đại trà phát triển. Thậm chí, người ta bắt đầu dùng tới thuật ngữ “du lịch siêu đại trà” (mega-mass tourism) để mô tả hiện tượng này. Đầu thế kỷ 21, Giáo hoàng John Paul II phê phán du lịch đại trà là một hình thức bóc lột mới, nó “biến văn

hóa, các nghi lễ tôn giáo, và các lễ hội dân tộc thành những sản phẩm tiêu dùng” khi khách du lịch tìm tới những cái mới lạ một cách hời hợt và không muốn tiếp xúc thực sự với văn hóa bản địa.

Thật vậy, trong trường hợp Sapa, điều quan trọng nhất với các du khách là câu hỏi ăn lẩu cá hồi ở đâu và mua rượu táo mèo chỗ nào. Không ít người lên đây vì bạn rủ đi để “có người uống cùng cho khỏi buồn.” Văn hóa, thể hiện qua đám người dân tộc ăn mặc sặc sỡ và những cái ruộng bậc thang, sẽ chỉ là phong nền cho các bức selfie. Chả ai bỏ công ra tìm hiểu về lịch sử, tín ngưỡng, xung đột xã hội, hoàn cảnh kinh tế của người dân ở đây. Có lẽ yếu tố “văn hóa” duy nhất mà khách quan tâm là cái chợ tình như là cái gì man di đáng yêu của “bọn nó”, nhưng đằng nào nó cũng biến mất từ nhiều năm nay rồi - cũng vì du lịch.

Đây là chưa nói đến chuyện sắp tới sẽ có nhiều hội thảo, tập huấn, tổng kết, liên hoan v.v... được tổ chức ở Sapa, ngành này gọi là du lịch-công việc (business tourism). Loại du khách này thường không đi cùng gia đình, nên chắc lúc đó sẽ mọc lên nhiều tiệm massage và karaoke thư giãn với các cô gái miền Tây Nam bộ đổ về cạnh tranh với con gái địa phương.

Nhìn những gì người ta đang tiếp tục làm với Sapa mà thấy đau lòng. Các khách sạn khổng lồ tám, chín tầng vẫn đang xẻ núi mọc lên, nhiều khi cái nọ chỉ cách cái kia một con phố nhỏ, xe không quay được đầu. Đảo qua một vòng trên báo chí, cũng thấy nhắc tới các “thách thức” du lịch ở Sapa, nhưng hóa ra đó chỉ là các vấn đề “cháy” phòng và khan hiếm chỗ đỗ xe. Chính quyền địa phương cam kết sẽ ưu tiên giải quyết để “Sapa ngày một vui hơn.”

Cáp treo lên đỉnh Phan Xi Păng cũng đang được thi công. Ở độ cao 3.000 m, người ta đang phá đá để tạo ra một khu vực rộng gần

8 ha, một diện tích rất lớn với độ cao chênh vênh đó. Quần thể ga đến sẽ có “khu dịch vụ du lịch, khu tham quan, công viên văn hóa tâm linh và một tượng Phật khổng lồ”. Cáp treo có công suất 2.000 người một giờ, nghĩa là khi đi vào hoạt động sẽ cho phép mười mấy nghìn người lên đỉnh núi mỗi ngày, quanh năm, ngày nào cũng như ngày nào, thay vì con số hiện nay chỉ là mấy chục người một ngày leo đường bộ, và chỉ trong sáu tháng mùa khô.

Còn những người dân tộc, những người chủ thực sự từ bao đời nay của vùng núi này, họ được gì từ tất cả những chuyện trên? Hiện nay, mỗi du khách tới Sapa sau khi bỏ ra một triệu đồng cho việc đi lại, khách sạn, ăn uống, thì mới bỏ ra 10 nghìn mua mấy món đồ thổ cẩm của người dân tộc. Thậm chí nhiều hướng dẫn viên du lịch còn dẫn khách tới các cửa hàng bán thổ cẩm nhập từ Trung Quốc vì họ được hoa hồng từ đây.

Sắp tới, cáp treo sẽ làm hàng trăm người dân tộc đang khuôn vác phục vụ khách leo núi mất việc. Họ sẽ nhập vào đám vợ con họ đang lang thang hằng ngày ở thị trấn. Họ sẽ không để cho du khách yên, sẽ táo tợn, sẽ hét “no money, no photo”, sẽ đeo bám quấy rầy cho tới khi khách mua hàng mới thôi.

Buổi trưa, khi các đoàn khách bận rộn với món lợn Mán nướng bên trong các quán ăn, họ sẽ ngồi trên bậc thềm bên ngoài, ngược nhìn lên để thấy ngọn “Hỏa Xi Pan”, biểu tượng của thiên nhiên hùng vĩ, nóc nhà chung của họ từ hàng trăm năm nay, bỗng nhiên trở thành một điểm hành hương Phật giáo mới để cho những người ở đâu tới khấn lạy và nhét tiền vào tay tượng, xa lạ và thô bạo với không gian văn hóa của họ.

Có thể dừng lại cỗ máy khổng lồ mang tên “phát triển” này được không? Tôi không chắc. Vì nó đang được đốt bởi lòng tham. Các

doanh nghiệp thì tham lợi nhuận. Chính quyền thì tham tăng trưởng GDP. Các du khách thì tham các trải nghiệm mì ăn liền, tham việc được tưởng thưởng mà không phải lao động. Họ muốn “chỉ cần 15 phút để lên nóc nhà Đông Dương”, chụp selfie giữa rừng già mà vẫn đi guốc cao gót, nhẹ nhàng như vào Paris Deli.

Nhưng cũng như với mọi thứ khác trên đời, sự tham lam sẽ phá hủy hết. Lòng tham sẽ biến con ngỗng vàng mang tên du lịch thành một con quái vật. Các nhà chuyên môn đã nói nhiều về cú nổ bong bóng của các điểm đến sau thời kỳ tăng trưởng nóng vô độ. Với cách làm du lịch hiện nay, sẽ tới lúc Sapa giống muôn vàn những chỗ khác: vô bản sắc, ô hợp, nhân tạo và rẻ tiền. Rồi tất cả sẽ trở thành Đồ Sơn, một sự thảm hại cho cả người ở đó lẫn người tới thăm.

Tháng Hai 2015



TỪ THIÊN CÂU LIKE

Hãy hình dung cảnh khách du lịch nước ngoài đứng ở các ngã tư Hà Nội, hoặc đi dọc các phố cổ, trong tay là một xấp những tờ 10 USD, vừa đi vừa phát tiền cho bất kỳ đứa trẻ nào mà họ gặp, mỗi đứa một tờ, hết đứa này tới đứa khác. Chỉ đơn giản vì họ “yêu quý” chúng và muốn chia sẻ tiền của họ cho những trẻ em mà họ cho là kém may mắn hơn.

Bạn sẽ thấy khó chịu, đúng không? Bạn có cho phép con mình nhận tiền khi họ đi ngang qua? Có cái gì đấy không ổn, thậm chí lằng mọ, ở đây.

Nhưng đây là điều mà nhiều người vẫn làm khi họ tới những nơi nghèo khổ hơn. Đầu năm vừa rồi tôi chứng kiến khá nhiều du khách ở Sapa xuống các bản lân cận, người thì khoác một bịch ni lông kẹo to tướng, người thì cầm một xấp các tờ 2000 đồng. Họ luôn tay phân phát kẹo và tiền cho trẻ em dân tộc, mồ hôi lấm tấm trên trán. Lũ trẻ hoặc là đứng thành hàng ven đường, hoặc là chen chúc nhau trước mặt khách, bụng phồng tướng lên vì đã nhét đầy kẹo của những người đi trước vào bên trong áo. “Cháu bao nhiêu tuổi rồi,” họ hỏi ngọt ngào, “13 à, sao bé thế, đây nhé...”, rồi quay sang đứa bên cạnh, “Còn cháu đã có kẹo chưa?” Bên cạnh là một người cùng đoàn, bấm iPhone lia lịa, rồi nhanh chóng up lên Facebook.

Có thể là vô thức, nhưng trong những trường hợp như thế này, người ta làm “từ thiện” không phải vì người nghèo, mà vì chính bản thân mình. Ở cổng làng người ta đã dán các khuyến cáo đề nghị du khách không cho trẻ kẹo và tiền, vì chúng sẽ bỏ học để đứng ngoài đường đón khách, tự biến bản thân thành ăn mày. Nhưng nhiều du khách bỏ ngoài tai lời khuyên này. Có lẽ sức hấp dẫn của việc chỉ bỏ ra có mấy chục nghìn mà được tắm mình trong cảm giác mãn nguyện với bản thân, nhìn thấy mình đang phân phát lòng tốt cho người khác, là quá lớn.

Tâm lý này được thể hiện rõ nhất khi báo chí đưa tin về những người nổi tiếng đi làm từ thiện. Lúc thì hoa hậu này “vô tư hát múa với người nghèo”, lúc thì người mẫu kia “giả dật cùng người yêu đi trao quà Tết”, rồi thì ca sĩ nọ “cùng vợ thăm bệnh nhân mổ

tim ngay sau sinh nhật”. Người nghèo ở đây chỉ là cái có, những vai quần chúng, không ai quan tâm tới họ hết, cả người viết lẫn người đọc báo. Cái họ quan tâm là người nổi tiếng mặc gì, đi giày ra sao, đi cạnh ai.

Tôi cho rằng Việt Nam mà không có người nghèo nữa thì các ngôi sao và hoa hậu sẽ rất buồn. Họ không còn có gì để có thể thể hiện “lòng tốt” của mình.

Một hiện tượng đang nổi nữa là du lịch kết hợp từ thiện. Một công ty du lịch mô tả chương trình Mộc Châu, Sơn La của mình như sau: “Sau khi chụp ảnh với các cánh đồng hoa đào, hoa mận, quý khách tản bộ vào các bản làng để tặng những món quà do nhân viên của công ty đã chuẩn bị sẵn”, và sau đó trên đường về thì “dừng lại mua đặc sản măng chua, bánh sữa.” Đại diện một công ty du lịch khác cho biết: “Các chương trình đưa thêm vào gói tour khá đơn giản, tiện lợi, không làm mất thời gian của hành trình mà ngược lại góp phần làm phong phú thêm lịch trình nên khách hàng rất hài lòng.”

Không có một lời nào nói đến người nghèo, họ không có danh tính, không có khuôn mặt. Tất cả xoay quanh nhu cầu của khách du lịch. “Không mất thời gian”, “phong phú lịch trình”, cuộc viếng thăm tặng quà người nghèo trở thành một “đặc sản” của chuyến đi như măng chua, bánh sữa, một “giá trị gia tăng” và “lợi thế cạnh tranh” của sản phẩm mà công ty du lịch đưa ra. Trong trường hợp này, từ thiện chỉ là một dạng khác của tiêu dùng. Quan trọng là có thể bỏ tiền ra “xem tận mắt” cái nghèo và mua lương tâm sạch sẽ một cách tiện lợi, tiết kiệm thời gian và với chi phí vừa phải. Tôi cam đoan là trong khi các du khách chất vấn tour guide rất kỹ xem

buổi trưa ăn món gì, thì sẽ ít người có nhu cầu đặt câu hỏi về nội dung của những gói quà mà công ty đã chuẩn bị sẵn.

Gần đây, loại hình du lịch này tăng trưởng 30 - 40% một năm. Theo website của Tổng cục Du lịch, trước kia các chương trình này “thường chỉ đưa vào tour dành cho khách nước ngoài cao cấp, nhưng nay bắt đầu trở thành xu hướng mới của các tour nội địa.”

Điều mà Tổng cục Du lịch vô tình đề cập tới qua câu nói trên là tâm lý từ thiện để (vô thức hay có ý thức) ngưỡng mộ bản thân và khẳng định cái ưu việt của mình không phải chỉ có ở người Việt trung lưu. Ở phương Tây người ta dùng khái niệm châm biếm “Người cứu tinh da trắng” (White savior) để chỉ những người phương Tây tới những nước nghèo hơn để “giúp đỡ”, nhưng không hiểu gì về bối cảnh xã hội, kinh tế, chính trị của nước đó.

Nhà văn người Mỹ Teju Cole viết về hiện tượng này: “Một kẻ vô danh ở Mỹ hay châu Âu có thể tới châu Phi và trở thành một vị cứu tinh như Chúa trời.” Teju Cole lên án việc châu Phi chỉ là cái “studio” để người da trắng trình diễn các tưởng tượng lãng mạn với vai người hùng và thỏa mãn cái tôi của mình.

Trên mạng có vô số những bức ảnh chụp thanh niên nam nữ phương Tây, tóc vàng, mắt xanh, vây xung quanh bởi tụi trẻ Phi châu, tất cả cười rạng rỡ. Họ là voluntourist, một tourist (du khách) kiêm volunteer (tình nguyện viên). Họ tới một làng nào đó, ở Nepal chẳng hạn, đá bóng với lũ trẻ, hút cần sa, ghi chép vào một cuốn sổ giấy đen, và hài lòng với bản thân. Trang Pacific Standards nhận xét rằng một trong những lý do chính để thanh niên da trắng trở thành tình nguyện viên ở thế giới thứ ba là để chụp selfie với trẻ con bản xứ, và lòng ái kỷ (yêu chính bản thân mình) là động cơ thúc đẩy chính của phong trào du lịch thiện nguyện toàn cầu này.

Tờ báo trào phúng *The Onion* đăng tin *Cuộc viếng thăm 6 ngày tại một làng châu Phi đã thay đổi hoàn toàn avatar Facebook của một cô gái*, và để “nhân vật” này kể lại: “Ngay khi tôi bước chân tới cái làng bụi bặm, hẻo lánh đó, và nhìn thấy lũ trẻ tươi cười chạy tới, tôi đã biết là avatar của mình sẽ thay đổi vĩnh viễn.”

Đây là những dạng khác nhau của cái mà tôi gọi chung là “từ thiện câu like”.

Như vậy làm từ thiện như thế nào cho đúng?

Trước hết, chúng ta nên bắt đầu bằng cách đặt tâm điểm của sự chú ý vào người nhận, chứ không phải vào người làm từ thiện, những ngôi sao hay người mẫu. Chúng ta nên bắt đầu bằng sự tôn trọng những người nhận sự giúp đỡ của chúng ta, nhìn họ là những con người độc lập, có lịch sử, có số phận, có câu chuyện riêng. Sự giúp đỡ ở mức cao nhất, Maimonides, triết gia Do Thái ở thế kỷ 12 đã viết, là sự giúp đỡ mà qua đó người nhận vẫn giữ được lòng tự trọng và nhân phẩm.

Chúng ta cũng cần suy nghĩ xem hành động của mình, dụng ý thì tốt, nhưng có thể gây tác hại gì không. Cái làng ở Mộc Châu kia, nếu như tuần nào, thậm chí ngày nào, cũng có một vài nhóm du khách vào đưa cho họ chăn và mì ăn liền, thì chẳng mấy chốc toàn bộ cấu trúc xã hội của làng sẽ sụp đổ, và tôi sẽ không lạ khi dân làng bắt đầu bán đồ được cho để mua rượu uống.

Trong một bài báo năm 2012, Al Jazeera dẫn ra những tác hại của du lịch thăm trẻ mồ côi, một lĩnh vực đang được người phương Tây rất ưa chuộng, qua trường hợp ở Campuchia. Trẻ mồ côi bị ảnh hưởng tâm lý vì mỗi tuần chúng lại phải cắt đứt quan hệ tình cảm với một nhóm tình nguyện viên mà chúng vừa quen, và

xây dựng quan hệ với một nhóm mới. Trong nhiều trường hợp, những người quản lý trại lợi dụng lũ trẻ để trục lợi mà khách viếng thăm, do cuỡi ngựa xem hoa, không thể biết được. Câu chuyện này hẳn không xa lạ với người Việt. Ở Bali, làn sóng khách du lịch tới cho tiền các trại mồ côi đã khuyến khích các gia đình đẩy con mình vào trại, biến một gia đình lành lặn thành một gia đình què quặt.

Chúng ta cũng nên bắt đầu bằng những câu hỏi đúng. Thay vì hỏi: “Cháu đã có kẹo chưa?” du khách Sapa ở bên trên nên hỏi: “Tại sao cháu lại đứng ở đây mà không tới trường?” Chúng ta nên quan tâm một cách tổng thể tới hoàn cảnh của người cần giúp đỡ, bối cảnh của địa phương họ và các yếu tố tác động đằng sau. Vì sao họ nghèo? Vì họ không có đường ra chợ, vì họ bị trung gian thu mua nông sản bắt chẹt, vì lũ cuốn đất màu do rừng bị tàn phá, vì họ thiếu vốn, vì họ thiếu kỹ năng quản lý vốn?

Tiếp theo, chúng ta có thể suy nghĩ xem nên hướng nguồn lực của mình vào đâu để đem lại lợi ích lớn nhất cho những người hoặc cộng đồng cần trợ giúp. Đôi khi, cái mà một bản nghèo cần cho cuộc sống và nhân phẩm của mình không phải lại thêm hàng chục thùng mì ăn liền hay những cái chăn, mà là một cái cầu treo, hay cơ hội để bán hàng của mình ở thị trấn. Tất nhiên, để tìm ra được những điều này cần tâm trí và sự quan tâm thực sự và lâu bền, không chỉ một cảm xúc mùi mẫn kéo dài 20 phút khi người ta chụp selfie trước những ngôi nhà dột nát.

Hoạt động từ thiện có thể chữa phần ngọn: quyên tiền cho một ca mổ tim, đem lại ánh sáng cho người khiếm thị, bảo trợ cho một sinh viên nghèo học đại học. Những hoạt động này thực sự thay đổi cuộc đời, thậm chí cứu mạng sống.

Nhưng quan trọng hơn, các hoạt động nhân đạo và từ thiện rất cần tập trung thay đổi phần gốc, đó là các tương quan xã hội tạo ra đói nghèo, bóc lột và bất công. Hội chứng “Người cứu tinh da trắng” có vấn đề bởi nó không liên quan gì tới công lý, nó chỉ là một trải nghiệm tình cảm để người ta tái khẳng định sự may mắn và đặc lợi của mình. Trong trường hợp này, từ thiện trở thành một cử chỉ phô ra sự thương hại và sức mạnh của người giàu, bởi họ không quan tâm tới hoàn cảnh xã hội, và qua đó từ chối thay đổi nó để giải quyết bất công. “Sự hào phóng của người làm từ thiện sẽ đóng băng nếu như quyền lực của anh ta bị thách thức,” nhà thần học người Mỹ Reinhold Niebuhr viết, “hoặc nếu sự hào phóng này không được tiếp nhận với sự nhẫn nhục mà anh ta đòi hỏi.”

Trong một xã hội hiện đại với các tương quan phức tạp như hiện nay, trách nhiệm của một công dân có ý thức không chỉ là “lá lành đùm lá rách”, mà còn phải cố gắng hiểu những tương quan đó, tự vấn về trách nhiệm cá nhân mình trong các lựa chọn làm ăn, kinh doanh, mua sắm, tiêu dùng, và đặt câu hỏi mình có thể đóng góp được gì để thay đổi những nguyên do của vấn đề, hoặc ít nhất không làm nó trầm trọng hơn.

Trong hoạt động nhân đạo và từ thiện, tiền chỉ là một trong các nguồn tài nguyên, thậm chí không phải là nguồn quan trọng nhất. Quan trọng hơn là kiến thức, tài năng, và sức ảnh hưởng của các cá nhân muốn giúp đỡ đồng bào của mình. Báo chí, thay vì tập trung vào chuyện người nổi tiếng mặc gì khi phát quà, hãy để họ lên tiếng và lôi kéo sự chú ý của công chúng tới những vấn đề thuộc về phần gốc: nông dân bị mất kế sinh nhai, công nhân ở

những khu công nghiệp vật lộn với cuộc sống, môi trường bị hủy hoại, phân hóa giàu nghèo, bạo lực trong gia đình.

Thay vì chỉ đóng tiền cứu trợ khi có bão lũ, hay nhân tiện mang quần áo cũ lên vùng cao nhân dịp đi chụp ảnh hoa ban, hãy tìm hiểu công việc của những tổ chức phi chính phủ và hỗ trợ họ. Những tổ chức này đang bền bỉ hoạt động để bảo vệ quyền của trẻ em, để phụ nữ không bị buôn bán, người thiểu số giữ được văn hóa bản địa, người khuyết tật không bị kỳ thị, chính quyền địa phương trở nên minh bạch hơn, và người dân có tiếng nói hơn.

Làm việc với họ tuy không cho ra những bức ảnh bắt mắt chụp với trẻ em miền núi, nhưng lại hiệu quả hơn rất nhiều so với phản xạ rút ví vào những lúc chúng ta “rủ lòng thương”.

Cuối cùng, chúng ta nên từ bỏ tâm thế của người ban phát. Từ thiện là một quá trình hai chiều, cho và nhận. Mỗi người, dù nghèo tới đâu, cũng có cái để cho người khác, và mỗi người, dù đầy đủ tới đâu, cũng cần mở rộng mình để nhận. Nếu từ thiện chỉ là phong trào, để lấy like, để xoa dịu lương tâm, để cầu may, để đánh bóng tên tuổi, để thể hiện vị thế xã hội, thì người cho đã tự khước từ khả năng nhận. Lúc đó, từ thiện đánh mất chức năng là chất gắn kết của một cộng đồng. Ngược lại, nó chỉ củng cố các bất công trong xã hội.

Tháng Ba 2015

SỰ KHỐN CÙNG CỦA TƯ DUY TRIỆU PHÚ

Cuộc sống khó khăn và rối ren, bạn cần một lời khuyên, nhưng từ đâu? Với nhiều người, giải pháp gần nhất là đi mua một cuốn self-help.

Bắt đầu đổ bộ vào Việt Nam sau thời kỳ mở cửa, sách self-help, hay được gọi là sách tu thân, tự lực, tự giúp, vẫn còn là một khái niệm khá mới mẻ, nhưng người Việt đến với nó như nước chảy vào vùng xoáy. Dòng sách này đã trở thành nôi cơm của nhiều nhà xuất bản. Bước vào một hiệu sách, bạn sẽ thấy chừng một phần ba diện tích kệ sách, thường là khu vực gần cửa nhất, được dành cho thể loại này. Hai mảng bán chạy nhất là học làm giàu và phát triển bản thân, và thường chúng đi kèm với nhau: thay đổi bản thân để thịnh vượng. Nhiều năm qua, những cuốn như *Dạy con làm giàu*, *Cha giàu cha nghèo*, *Độc vị bất kỳ ai*, *Chiến thắng con quỷ bên trong bản thân*, *Tôi tài giỏi, bạn cũng thế* hay *Sức mạnh của tư duy tích cực* luôn nằm trong nhóm sách bán chạy nhất ở Việt Nam. Gần đây, thậm chí ông Đặng Lê Nguyên Vũ, chủ tịch tập đoàn Trung Nguyên, còn cho phát không hàng chục triệu cuốn *Nghĩ giàu làm giàu* của Napoleon Hill và *Đắc Nhân Tâm* của Dale Carnegie cho thanh niên cả nước. Hai cuốn kinh điển này nằm trong một danh sách được ông Vũ gọi bằng một cái tên cũng rất self-help là “Tủ sách đổi đời”.

Lý do gì khiến người Việt đón nhận nhiệt tình tới như vậy một thể loại sách xa lạ với tư duy truyền thống của mình?

Như đã thể hiện qua chữ “đổi đời” của ông Vũ, loại sách này đem lại hy vọng. Bỏ ra có vài chục nghìn đồng, người mua sách self-help sở hữu những giấc mơ ngọt ngào. *Tuần làm việc 4 giờ* hứa có thể giúp bạn “làm việc ít đi 20 lần, nhưng thu nhập tăng lên 10 lần”, và “thuê một trợ lý cách xa nửa vòng trái đất để cô này viết một lá thư ngọt ngào xoa dịu người vợ đang giận dữ của bạn”. *Nghĩ giàu làm giàu* không yêu cầu bạn lao động vất vả hay có tài năng, chỉ cần bạn rất, rất mong muốn trở nên giàu có. Cái đó thì không khó. Trên trang mạng *Học làm giàu*, một thanh niên đặt ra mục tiêu “Sau năm thứ nhất có 20 triệu VND, sau năm thứ năm có 1 triệu USD, sau năm thứ 10 có 1 tỉ USD.” Các thành viên khác ngưỡng mộ: “Việt Nam mình có nhiều người có hùng tâm như anh thì ước mơ dân giàu, nước mạnh không phải quá xa vời. Chúc anh thành công!”

Đằng sau những ảo tưởng làm giàu kiểu mì ăn liền kia là những dịch chuyển xã hội và thay đổi cơ bản trong triết lý sống của người Việt. Trước hết, hai thập kỷ qua đã tạo ra huyền thoại *Từ cậu bé nhà quê thành đại gia*, mà chính ông Đặng Lê Nguyên Vũ là một ví dụ. Nếu như trước kia người Việt cho rằng giàu nghèo có số, và vị trí của mình trong xã hội đã được xếp đặt sẵn, thì ngày nay, chứng kiến của cải nảy nở xung quanh mình, họ chuyển sang thái cực kia, và tin vào một triết lý lạc quan ngây thơ là bạn hoàn toàn có thể điều khiển được tiền tài và danh vọng của mình, nếu như bạn nắm được một số “kỹ thuật” nhất định: 23 nguyên tắc của Carnegie, 13 bước của Hills, 8 bài học từ *Cha giàu cha nghèo* của Robert Kiyosaki. Cuộc đời, vốn được quan niệm là bất định, nay được cho là được quản trị bởi một số “bí mật” mà rất may là đã được các tác giả phát hiện và truyền đạt lại, dễ hiểu hơn bản cử chương.

Thứ nữa, mô hình lao động cùng tập thể, cá nhân dựa vào cộng đồng trong cuộc sống nông nghiệp không còn thích hợp cho một môi trường kinh tế thị trường đầy cạnh tranh. Thay cho một hệ thống hài hòa, vạn vật đều có chỗ đứng của mình, cuộc đời nay được hiểu như một mê cung, một cuộc đua, một rừng rậm, những biểu tượng hay được dùng trong các sách self-help phương Tây. Trong môi trường này người ta luôn phải cập nhật các kỹ năng và tái tạo bản thân để mạnh hơn các đối thủ, và những sách dạy phát triển bản thân đánh vào nỗi lo âu thường trực này. “Cần phải sẵn sàng để ứng phó với những thay đổi, nếu không mỗi người sẽ tự hủy hoại cơ hội tồn tại của mình,” cuốn *Ai lấy miếng phở mát của tôi cảnh báo*, và bán được 26 triệu bản trên toàn cầu.

Rất đáng tiếc, đưa sách dạy làm giàu và kỹ năng sống như những cuốn trên cho thanh niên, hay bất cứ ai cũng vậy, là gửi họ và cộng đồng vào con đường cụt, bởi những tác động tiêu cực của chúng.

Vấn đề đầu tiên là triết lý của phong trào self-help hiện đại, được đặt nền móng bởi Dale Carnegie với *Đắc nhân tâm*, là “mỗi người vì chính mình”. “Phát triển bản thân” luôn là một dự án vì mục đích cá nhân, và không có chỗ cho những vấn đề của cộng đồng và hoạt động xã hội. Trong thế giới quan của Carnegie, con người là một động vật ích kỷ và nông cạn. Họ thích được nghe tới tên mình, muốn được tỏ ra quan trọng, và thêm khát sự khen ngợi. Thay vì làm cho con người tốt đẹp lên, Carnegie đánh vào bản năng thấp kém của họ và khuyên người ta lợi dụng nó. Con người chỉ là những loài cá khác nhau, và bí mật để đạt được thành công là “học được cách móc mồi vào lưỡi câu phù hợp với từng loài cá”.

Nhiều nguyên tắc của *Đắc nhân tâm* phục vụ cho những con người giả tạo, cơ hội và thao túng. Trong cuốn sách, một đại tư bản tự hào là vì ông có thể gọi nhiều công nhân của mình bằng tên riêng nên “chưa hề có một cuộc đình công nào xảy ra tại các nhà máy thép của ông”. Ở đây có một ẩn ý xã hội sâu xa hơn: thay vì phải xây nhiều nhà vệ sinh hơn cho các nữ công nhân dệt may, các ông chủ hãy học thuộc tên riêng của họ. Lúc đó họ sẽ vừa nhin đi tiểu vừa hát bên băng chuyền.

Nếu như trước kia giá trị sống của người Việt là trở thành người quân tử, ưu việt về đạo đức và vững vàng về luân lý, thì ngày nay, mục tiêu đơn thuần chỉ là tạo ra một bộ mặt khả ái, bởi, như Carnegie giải thích, thành công “được định nghĩa phần lớn qua việc người khác nhìn bạn như thế nào.” “Với Carnegie,” Steven Watts, tác giả cuốn tiểu sử về ông, viết, “trọng tâm dịch chuyển từ việc xây dựng những giá trị đạo đức bên trong mỗi người sang xây dựng những ấn tượng mà người ta gây cho người khác.” Carnegie nói về “thương hiệu bản thân” trước khi chữ này tồn tại. Nhà văn Sinclair Lewis phê phán rằng Carnegie đã thay thế những chữ Niềm tin, Danh dự, Cao thượng trong những cuốn sách học làm người trước kia bằng chữ Giàu có. Ông đánh đồng sự đẹp đẽ của tính cách con người với khả năng kiếm tiền.

Và như vậy, thách thức của cuộc đời không còn là việc đi tìm một ý nghĩa sống trong cộng đồng của mình nữa mà là giám sát và quản lý bản thân để trở nên giàu có. Cho rằng không khi nào là quá sớm, một số nhà trẻ nhanh nhạy ở Việt Nam tổ chức những khóa học “Dạy trẻ kỹ năng lãnh đạo bản thân từ những năm đầu đời”. Viễn cảnh ở đây là những đứa trẻ sớm điều khiển được

người khác, và theo dõi hiệu quả của bản thân như của một cỗ máy.

Bên cạnh tham vọng “độc vị” người khác, tư duy tích cực là một trụ cột cơ bản khác của văn hóa self-help, và như tác giả Barbara Ehrenreich lập luận trong cuốn *Sự quảng bá triền miên tư duy tích cực đã làm xói mòn nước Mỹ như thế nào*, nó đang gặm nhấm nền tảng xã hội. Ở đây tư duy tích cực không liên quan gì tới một thái độ sống lạc quan. Nó là một niềm tin, có thể gọi là mù quáng, là người ta có thể dùng ý nghĩ để điều khiển những gì xảy ra với bản thân. Bạn muốn giàu? Bạn phải thật sự, luôn luôn và sắt đá tin là mình sẽ giàu. Vì thế mà các nhà trẻ Việt nói trên cho lũ trẻ mẫu giáo hằng ngày lặp lại các câu như: “Tôi là một thần đồng trong lớp học” và “tôi đang trên con đường tạo ra sự giàu có tuyệt vời”. Cuốn *Nghĩ giàu làm giàu* yêu cầu bạn đọc viết số tài sản mình muốn có lên một tờ giấy và đọc to nó lên ngày hai lần vào buổi sáng và buổi tối. Cần làm như vậy vì tiền bạc “tuy không nói năng được, nhưng có thể nghe thấy khi ai đó khao khát gọi tên nó.” T. Harv Eker, tác giả của *Những bí mật của tư duy triệu phú*, hướng dẫn bạn đọc “cài đặt” tư duy của người giàu bằng cách đặt tay lên tim và nói: “Tôi là một người đón nhận tuyệt vời. Tôi sẵn sàng và rộng mở đón nhận những lượng tiền khổng lồ đến với cuộc đời tôi.” Sau đó chạm lên đầu mình và nói: “Tôi có tư duy triệu phú.”

Đằng sau cái tư duy tích cực kia là quan điểm nguy hiểm rằng bản thân mỗi người, giàu có hay bần hàn, hoàn toàn chịu trách nhiệm về cuộc đời của mình, và đó là lý do hoàn hảo nhất để người giàu tự tán dương mình và phủi tay chối bỏ trách nhiệm xã hội. Gần đây người ta tâm đắc với câu “35 tuổi mà còn nghèo, đấy là tại bạn”. Thông điệp ở đây là gì? Nghèo đói không thuộc về

trách nhiệm của quyền lực - họ vô can. Người nghèo nghèo vì họ không có “tư duy triệu phú”.

Quan điểm này bỏ ra ngoài những bất bình đẳng trong xuất thân, trong tiếp cận giáo dục và y tế. Nó không đặt câu hỏi về những bất công trong xã hội, không bàn tới công lý lẫn thể chế, nó không có khái niệm những nhóm người dễ tổn thương. Nó bỏ qua đúc kết dân gian “con sãi ở chùa lại quét lá đa”. Trong một loạt các bức tranh lan truyền trên mạng, người giàu (bụng phệ, đội mũ phớt đen như những ông trùm tư bản của thế kỷ trước) hiên ngang lái con tàu số phận trên biển, còn người nghèo (không cạo râu, quần vá, mũ vải nhàu nát) rúm ró một góc vì không chịu “quảng bá bản thân” và không “giao lưu với người thành công”.

Tệ hại hơn, tư duy này làm cho những người nghèo bên lề xã hội cũng quay ra tự trách cứ bản thân, thay vì phê phán các tương quan và chính sách xã hội đẩy họ vào trạng thái này. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng tư duy tích cực được dùng như một công cụ kiểm soát xã hội. Barbara Ehrenreich dẫn ra rằng khi các tập đoàn Mỹ sa thải hàng loạt nhân viên vào thập kỷ 1980 thì cũng là lúc họ thuê nhiều nhất các diễn giả về tư duy tích cực tới để xoa dịu những người bị đuổi việc và để những nhân viên chưa bị đuổi tiếp tục lao vào cày cuốc.

Và cuối cùng, tư duy triệu phú cổ súy cho một dịch chuyển của các giá trị đạo đức. Nếu như trước kia người ta tôn vinh các cá nhân theo đuổi một cái nghiệp, cống hiến, say mê, thì bây giờ sự say mê duy nhất được ngưỡng mộ là say mê làm giàu. Và sự giàu có mới nổi cần một biện minh về đạo đức để được chấp nhận và tôn trọng. Trên nền tảng đạo đức mới này, giàu có nghĩa là thành công, và với Napoleon Hills, nó “không cần lời xin lỗi”. Làm giàu

không những đã trở thành đích sống, nó còn là một đức hạnh. “Làm giàu là vinh quang”. Thậm chí, “làm giàu là yêu nước”. Hệ quả là gì? Trong khi tôn vinh người giàu, người ta cho rằng người nghèo làm xấu hổ đất nước, là gánh nặng của cộng đồng. Napoleon Hills viết: “Chúa đứng bên những người quyết tâm làm giàu.” Nửa câu sau không được nói ra là người nghèo và hoang mang thì không xứng đáng để có Chúa bên cạnh.

Cũng đáng ngạc nhiên là chưa một ai thắc mắc là nếu hàng triệu cuốn sách dạy tư duy tích cực và làm giàu có hiệu quả thì GDP quốc gia hằng năm đã phải tăng như thế nào rồi. Nhưng các ý tưởng self-help không khuyến khích các câu hỏi, chúng chỉ yêu cầu người đọc tin vào chúng. Nếu bạn chưa giàu thì có nghĩa là bạn chưa tin đủ, bạn cần mua thêm sách, nghe thêm băng, tới dự thêm các buổi thuyết trình. Theo Salerno, tác giả cuốn *Phong trào tự lực đã làm nước Mỹ trở nên bất lực như thế nào*, cứ chừng 18 tháng người đọc self-help lại mua một cuốn sách mới.

Sự khốn cùng của tư duy triệu phú là ở chỗ nó làm tê liệt khả năng tư duy độc lập, phản biện và ý thức xã hội, những điều đang thiếu nhất ở Việt Nam. Nó không dẫn tới Khai sáng và Minh triết. Đám đông đi theo nó vừa phỉnh nịnh vừa giẫm đạp lên nhau để đạt được mục đích của mình, tin tưởng rằng chính nghĩa và đạo đức thuộc về kẻ giàu có.

Tháng Năm 2015

TÔN THỜ SÁCH LÀ MÊ TÍN DỤNG ĐOAN



Sự trỗi dậy của tư duy phong kiến và bảo thủ
Ngó Mỹ, dòm Nhật, hóng Do Thái: lựa chọn nào cho ta?
Những “hiểm họa” bất ngờ khi gửi con đi du học
Bàn về triển lãm bom tấn: Mona Lisa đẹp hay váy chị đẹp?
Tìm lại cơ thể
Tôn thờ sách là mê tín dị đoan
Khi Louis XIV về làng
Quảng gánh lo đi và xem truyền hình thực tế

NGÓ MỸ, DÒM NHẬT, HÓNG DO THÁI: LỰA CHỌN NÀO CHO TA?

Sự trì trệ kinh tế trong năm năm qua đã làm tổn hại nặng nề tới lòng tự tin của người Việt. Cái hào hứng, hồ hởi, phấn khởi, thậm chí đắc thắng của thời kỳ 2007-08 đã nhường chỗ cho trạng thái u ám, bi quan, bức bối và cáu bẳn, dai dẳng từ 2010 và ngày càng loang rộng. Một mặt, người ta đổ lỗi cho cái thể chế nói riêng và

“cái nước mình” nói chung, như trong câu “Cái nước mình nó thế!”, bảo bối được nhà văn hóa Hoàng Ngọc Hiến trao tặng giới trí thức để họ cùng với ông thể hiện một cách tài tình thái độ buông xuôi của mình mà không ai có thể trách cứ được.

Mặt khác, người ta đổ lỗi cho những người xung quanh. Cộng đồng người Việt hiện ra trên báo chí và mạng xã hội như một tập thể lười biếng, ngày ngày chỉ lượn từ quán trà chanh sang hàng bia hơi, sau đó thì hoặc là đi bắt trộm chó, hoặc là gia nhập đám đông đánh trộm chó một cách phấn khích man rợ, và chỉ dừng lại khi thấy một xe tải chở bia bị đổ ra đường. Văn hóa thì “xuống cấp”, và đạo đức đã hoàn toàn “băng hoại”.

Với não trạng này, khá dễ hiểu khi thấy người Việt hướng tới một số dân tộc khác như những ngọn hải đăng trên biển cả mịt mù, mong tìm ra được một cuốn cẩm nang hướng dẫn tỉ mỉ phải sống như thế nào. Ba dân tộc được nhắc tới nhiều nhất, với lòng thành kính, ngưỡng mộ và khâm phục, là Mỹ, Nhật và Do Thái. Không ngày nào trôi qua mà không gặp một bài báo, một trạng thái trên Facebook ca ngợi sự ưu việt của những nền văn hóa kia, và những căn dặn tỉ mỉ để noi theo chúng. Người ta chuyển tay nhau các bài viết chê cười tử rượu của người Việt, và ngợi khen tử sách của người Do Thái, và còn cho biết thêm phụ huynh Do Thái “xây dựng thói quen đọc sách cho trẻ nhỏ từ khi còn trong nôi”, và “để sách hấp dẫn trẻ, họ thường nhỏ nước hoa lên sách để tạo mùi hương cho các em chú ý” (tôi tự hỏi bước tiếp theo sẽ là rắc nước hoa vào bát bột để trẻ hết biếng ăn?).

Một loạt các bài báo khác cũng khá được ưa thích chỉ ra sự khác nhau trong hành xử ở phòng chờ sân bay giữa người phương Tây ưu tú và người Việt ít học. Chúng khiển trách người Việt không thể

rời mắt khỏi màn hình điện thoại, trong khi đó, “người phương Tây dành thời gian để trò chuyện, ăn nhẹ và quan sát xung quanh”. Thật tao nhã, chỉ “ăn nhẹ” thôi nhé, để không bị phân tâm khi quan sát vũ trụ kỳ diệu đang hiện hữu ngay ở sảnh B. Tiếp theo, một bức ảnh chụp một phụ nữ phương Tây đứng tuổi đang ngồi xồm có dòng chú thích “Một phụ nữ tóc vàng đọc sách dù đang phải ngồi chờ trong tình trạng bất tiện.”

Ngoài chuyện đọc sách, giáo dục trẻ con là cái mà người Việt luôn tầm sư học đạo. Tình hình rối như canh hẹ. Lúc thì người ta khuyên nhau nên nuôi con thành nhẩn nại, khiêm nhường “như người Nhật”. Lúc khác thì lại phải biến chúng thành quyết đoán, phá cách “như người Mỹ”. Buổi sáng thì tới khóa học “Bí quyết nuôi con thông minh của người Do Thái”, buổi tối lại nghiền ngẫm triết lý được cho là của Nhật rằng “trẻ em không cần phải quá thông minh; thông minh, học giỏi không hẳn là một điều tốt.”

Những nỗ lực này làm ta liên tưởng tới một đại gia đình thường xuyên ca cẩm về sự suy tàn của dòng họ mình, và cử những đứa con ra ngoài thám thính các gia đình thành công trong phố. “Họ dậy rất sớm để tập thể dục, sau đó ăn nhẹ và quan sát xung quanh,” một đứa trở về và tuyên bố. Đứa khác lại cho biết: “Họ làm việc thâu đêm bên máy tính, đó là bí quyết thành công của họ.” Điều mà đại gia đình này thiếu là niềm tin vào các giá trị của bản thân, và khả năng phân tích, đánh giá và phán xét thế giới xung quanh để không mù quáng chạy theo người khác. Việc chạy theo các công thức kiểu “nhỏ nước hoa vào sách để dụ trẻ con đọc”, về bản chất cũng giống phong trào uống nước tiểu của bản thân để chữa bách bệnh, vốn cực kỳ thịnh hành ở Việt Nam vào các thập kỷ trước. Bút ký *Niệu liệu pháp* của nhà văn Nguyễn

Quang Lập đã tái hiện lại phong trào này một cách rất hóm hỉnh và bắt đầu như sau: “Sáng đó không biết có việc gì mình sang Hội (Văn nghệ) sớm, thấy chú Khuyến phó chủ tịch hội, đứng đái ở hàng rào. Ông cầm cái ca, đái vào đấy, đầy ca thì bung vào, trông điệu bộ kính cẩn ca nước đái lắm.”

Sự khâm phục và ngưỡng mộ phương Tây và Nhật Bản gần như vô điều kiện này đạt tới đỉnh điểm qua phát ngôn của nhà văn Nguyễn Quang Thiều trong một bài báo ngày 1/1/2015 nhan đề *Điều gì cần cho Việt Nam lúc này?* trên Vietnamnet: “Ở nước ngoài, họ có thể chăm chút cả đám mây bay trên bầu trời.” Không cần biết “nước ngoài” cụ thể là ở đâu, không, ta không có nhu cầu biết, “nước ngoài” lấp lánh và mê hoặc. Nó là tất cả những gì không phải là chúng ta. “Nước ngoài” có tất cả những cái chúng ta không có nhưng khao khát, một cuộc sống cực lạc, viên mãn, những triền cỏ non và cây cối ra hoa kết trái, trẻ em ngoan ngoãn và thông minh, thanh niên nở nang và thân thiện, người già nhân hậu và độ lượng, và những đám mây, đặc biệt là những đám mây, chúng được chăm chút tỉ mỉ hằng sáng trước khi được thả ra bầu trời để đón bình minh.

Nhưng, có lẽ “nước ngoài” cũng không phải là một miền đất hứa êm đềm, đầy mật ngọt trên mặt đất và tiếng chuông lục lạc vang trong không trung, như người ta vẫn hình dung? Và cư dân của nó cũng là những người trần mắt thịt, cũng luẩn quẩn trong tham, sân, si, cũng vô minh và bối rối trong cuộc sống?

Ví dụ ư? Có ai biết là theo điều tra của Quỹ Khoa học Quốc gia Mỹ năm qua thì một phần tư dân số Mỹ cho rằng mặt trời quay xung quanh trái đất. Có ai biết là trong năm 2013, 28% người Mỹ không đọc bất cứ một cuốn sách nào, và số lượng người Mỹ không

đọc sách, theo *The Atlantic*, đã tăng gấp 3 kể từ 1978. Tôi đồ rằng nhóm người này không quá cảnh ở Nội Bài để được chụp ảnh trong phòng chờ.

Vẫn nói chuyện về sách, có ai biết là 1/3 doanh thu của thị trường sách cho người lớn ở Nhật tới từ truyện tranh. Trong hình dung lãng mạn của người Việt, người Nhật ngồi ở tàu điện ngầm chăm chú đọc *Khởi nghiệp* của Fukuzawa. Thực tế trần trụi là họ nghiền ngẫm manga, chỉ cần nhìn khách Nhật trong các quán sushi ở Hà Nội thì biết. Nhà văn Murakami tin rằng chỉ 5% dân số Nhật thực sự yêu quý sách.

Còn về người Do Thái, thật đáng tiếc là phải làm sút mẻ huyền thoại “quốc gia khởi nghiệp”, nhưng Israel đang có vấn đề lớn với cộng đồng quốc tế bởi những gì họ làm với người Palestine. Một cuộc điều tra của BBC vào tháng Năm 2014 cho thấy Israel, Bắc Triều Tiên, Pakistan và Iran là bốn nước có hình ảnh tệ nhất trong con mắt thế giới. Sự ác cảm tới từ cả hai phía. Năm 2010, 77% người Israel cho rằng bất kể họ làm gì thế giới cũng sẽ phê phán họ.

Nêu ra những chuyện bên trên không phải để chúng ta trở nên kiêu ngạo, cho rằng “họ cũng không hơn gì ta”, hay “người Việt được thế là tốt lắm rồi”, hay “dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn”, thậm chí miệt thị “Tây ngố”, như các du học sinh Đông Âu thập kỷ 70-80 của thế kỷ trước vẫn làm trong khi ăn học ở nước họ. Khao khát học hỏi từ những văn hóa khác là một việc tốt và cần thiết. Nhưng thái độ tôn sùng nước ngoài của chúng ta hiện nay đang ẩn chứa nhiều vấn đề. Nó thực ra đang cản trở việc học hành của chúng ta, đóng mắt chúng ta lại, thay vì mở ra.

Sùng bái Mỹ, Nhật và Do Thái trước hết hàm ý ngầm một thái độ phân biệt chủng tộc và kỳ thị. “Anh từ châu Phi tới ư,” chúng ta thầm nói với bản thân khi đứng trước một người da màu, “nước các anh cũng nghèo, các anh cũng vứt rác ra đường và bấm còi inh ỏi? Vậy các anh không có gì để chúng tôi học cả.” Thái độ này khiến chúng ta bỏ qua những kho báu của nhân loại. Thật đáng tiếc cho những ai vì nhìn thấy 500 triệu người Ấn Độ hiện vẫn thích ra ngoài đồng hơn là ngồi trong toa lét, mà cho rằng nền văn hóa Ấn Độ không có gì để dạy họ. Bao nhiêu người trong chúng ta biết rằng Lebanon, một đất nước mà ta không biết gì về nó, đã đóng góp cho thế giới nhà thơ thiên tài Khalil Gibran, tác giả được đọc nhiều nhất trên thế giới chỉ sau Shakespeare, và tác phẩm *Nhà tiên tri* của ông cho chúng ta những suy ngẫm tuyệt vời về tình yêu, hôn nhân, niềm vui và nỗi buồn, học và dạy học, tình bạn, khoái cảm, đau đớn, cái đẹp, tôn giáo và cái chết?

Tôi cho rằng chúng ta bị hút hồn bởi Mỹ, Nhật và Do Thái vì thực chất chúng ta chỉ quan tâm làm thế nào để trở nên giàu có, mặc dù chúng ta tự nhủ là muốn học để trở thành văn minh. Bởi nếu muốn học để biết phải sống như thế nào, chúng ta có thể học được nhiều lắm, từ bất cứ quốc gia hay dân tộc nào. Chúng ta có thể học từ lòng dũng cảm của những người Mẹ trên quảng trường de Mayo, Argentina, những người trong thập kỷ 70 đã thách thức chính quyền quân đội độc tài phải giải thích về sự biến mất của hàng ngàn con trai họ. Chúng ta có thể học từ những sinh viên Myanmar năm 1988, khi họ đứng lên phản đối chế độ quân chủ. Chỉ cần giảm một nửa số lượng bài báo ca ngợi cái sạch sẽ của người Nhật, cái lịch sự của người Mỹ, thay vào đó là những ví dụ trên, thì thế giới của chúng ta đã phong phú và giàu có lên biết bao nhiêu.

Ngay cả từ phương Tây, Nhật và Do Thái, chúng ta cũng tiếp tục phải học, nhưng không chỉ từ chuyện không vượt đèn đỏ hay không vứt rác ra đường vẫn hay được thường xuyên nhắc tới. Chúng ta có thể rút ra bài học vì sao hàng chục triệu người Đức, chỉ cách đây có 60 năm thôi, lại có thể mê muội đi theo một học thuyết diệt chủng và tuân thủ người cầm đầu của họ như chưa bao giờ một dân tộc tuân thủ lãnh tụ của mình như vậy. Và chúng ta có thể học từ những vất vả và đau đớn mà người Đức đã trải qua trong sáu thập kỷ qua để xây dựng nền dân chủ của mình. Khi xây dựng lại nhà Quốc hội ở Berlin bị tàn phá trong chiến tranh, sau khi thống nhất Đông và Tây Đức, người ta tìm thấy, và quyết định bảo quản các graffiti tiếng Nga của những người lính Hồng quân Liên xô trên tường. Nhà báo George Packer của *The New Yorker* chỉ ra rằng không một quốc gia nào khác trên thế giới trưng bày bút tích của kẻ chinh phục mình trong tòa nhà quan trọng nhất đất nước. Không học từ đây thì học từ đâu?

Trong các buổi tối của mùa hè 2014, người dân tỉnh lỵ Sderot, Israel, đem ghế nhựa và sofa lên một ngọn đồi. Họ uống soda, ăn bỏng ngô, vừa chuyện trò vui vẻ vừa cùng nhìn về chân trời. Đều đặn, khi chân trời sáng rực lên, người ta reo mừng và vỗ tay. Đó là những lúc bom và tên lửa của Israel đáp xuống dải Gaza của người Palestine. Chỉ trong vài tuần, các đợt oanh tạc này đã giết chết gần 1800 người Palestine, trong đó có hàng trăm trẻ em. Tối tối, những người dân Sderot ngắm màn mưa tên lửa như đang xem một bộ phim.

Tôi tự hỏi, sự căm thù phải lớn tới mức nào để có thể làm chai sạn trái tim của những người đàn ông, đàn bà, người già Do Thái này, và họ sống ra sao khi bên trong họ có nhiều sự thù hận tới

mức họ bị mất tính người như vậy. Vì sao những con người có bề dày văn hóa đến như thế lại trở nên cơ sự này, và liệu có cơ may nào chuyển hóa được lòng hận thù độc địa ấy. Người Do Thái có quá nhiều bài học cho chúng ta về bản chất con người, nếu như chúng ta chịu khó nhìn rộng ra ngoài “cái tủ sách rắc nước hoa” của họ.

Mỗi đất nước, dân tộc, văn hóa, thậm chí mỗi cá nhân là một vũ trụ phức tạp, chứ không phải những nhân vật của một vở kịch tuyên truyền thô thiển: người này giỏi, người kia kém, trắng đen rõ ràng và bất biến. Thách thức trong quá trình học hỏi là nhận biết được sự phức tạp, những xung đột, những chấn thương, những năng lượng, những bế tắc của một quốc gia, của một nền văn hóa, dù nó là Pháp hay Campuchia. Ngược lại, càng mù quáng, tôn sùng vô điều kiện một ai đó, một cái gì đó, thì lại càng dễ thất bại. Và khi vỡ mộng, người ta lại càng vội vã tuyên bố phải “thoát” nó ngay lập tức, để chạy tới tôn thờ một cái mới. Tâm thế đó là tâm thế của những kẻ mất tự do.

Tháng Giêng 2015



NHỮNG “HIỂM HỌA” BẤT NGỜ KHI GỬI CON ĐI DU HỌC

Có thể nói là với tất cả phụ huynh thì khoảnh khắc lên ô tô ra sân bay tiễn con đi du học nước ngoài là một khoảnh khắc đặc biệt vô cùng, mừng vui lẫn với lo âu. Vừa sung sướng và tự hào về thành quả của mình sau 12 năm chạy đua vào trường chuyên lớp chọn, học thêm học nệm, nhưng cũng vừa lo lắng về chặng đường sắp tới. Liệu con mình có ăn uống điều độ, mặc ấm khi trời lạnh, không thức khuya quá, rồi lúc ốm đau cảm cúm thì ai trông nom, vân vân. Những lo lắng của các bậc cha mẹ là dễ hiểu, tuy nhiên các phụ huynh cần lo cái đáng lo, bởi đi Tây du học tiềm ẩn nhiều hiểm họa lớn, chứ không phải mấy chuyện ăn uống, quần áo lẻ tẻ. Sau đây là năm rủi ro cơ bản mà tôi đúc kết được qua các kinh nghiệm của bạn bè, họ hàng, đồng nghiệp cũng như trải nghiệm của bản thân khi ở nước ngoài.

1. SAO NHÃNG HỌC HÀNH

Nguy cơ này thường hay phát sinh vào năm thứ hai hay thứ ba, nhưng không phải là vì các cô các cậu sau mười mấy năm được bao bọc, nay được xổ lồng thì bỗng nhiên đổ đốn ra rượu chè hay cờ bạc. Mà là vì khác với ở Việt Nam, trong môi trường đại học Tây, con cái chúng ta rất dễ quan tâm tới những chuyện bên ngoài xã hội không đáng quan tâm hoặc thậm chí có hại cho sự nghiệp sau này. Con một đồng nghiệp của tôi, lúc ở Việt Nam thì chỉ biết toán với lý, sau hai năm ở châu Âu bỗng quay ra tìm hiểu về nạn phá rừng ở Amazon, rồi trăn trở về cuộc sống của công nhân dệt may ở Bangladesh, nghĩa là mấy thứ vô bổ vô cùng. Một đứa bạn của nó thậm chí còn theo sinh viên bản xứ xuống đường ủng hộ cho quyền của động vật. Sếp tôi kể là khi con về phép thì phát hiện ra nó có hai tập thơ của một nhà văn da đen nào đó ở trong cặp, quá lo nó sa vào đọc thơ với tiểu thuyết thì lấy đâu ra thời gian mà học, tới lúc nó bảo đấy là sách nhà trường yêu cầu đọc thì mới hơi yên tâm, tuy vẫn bán tin bán nghi. Một người bạn tôi thì hè vừa rồi được cô con gái báo tin đã tới một khu ổ chuột ở châu Phi làm từ thiện, thế là phải tức tốc gọi điện bắt nó về ngay, “nếu như không muốn nhiễm HIV”.

2. LỆCH LẠC TRONG SUY NGHĨ

Một vấn đề khác thường không được các phụ huynh để tâm đúng mức là môi trường phương Tây hay làm tự trẻ trăn trở về đường đi và ý nghĩa của cuộc sống. Một anh bạn tôi tình cờ đọc được thằng con trai viết trong nhật ký “Tôi là ai? Mục đích của tôi là gì?” Hôm sau, anh đổi cho nó cái iPhone đời mới rồi rủ rủ: “Con là con của bố. Con đừng làm gì để bố phải xấu hổ.” Rồi anh nói thêm, “Mục đích của con là làm thế nào để trở nên giàu có và

thành đạt, có thể mới mở mày mở mặt được con ạ.” Một người họ hàng của tôi rất lo vì đứa con gái đã sắp tốt nghiệp rồi mà còn tâm sự là nó muốn “đấu tranh với những bất công trong xã hội”. Thế là chị phải giải thích ngay cho nó là nó không làm được gì đâu, đừng có đại, nhiều người giỏi bằng chán vạn nó đã thử rồi, “cho nên chỉ cố vun vén cho gia đình mình thôi, đừng có va chạm gì mà chuốc thiệt vào thân.” Nói chung, khá nhiều phụ huynh lo lắng là tụi trẻ đi Tây về gà tồ quá, gặp gì chướng tai gai mắt là phản ứng liền, không biết cách nịnh trên, nạt dưới, lấy lòng kẻ mạnh và trấn áp kẻ yếu. Nhiều đứa mãi vẫn cứ ngổ mà tâm niệm với những điều như “Phải đi bằng đôi chân của mình”, mà không hiểu là có khi đi bằng đầu gối mới đi xa được. Cứ máy móc như bên Tây thì nguy to.

3. HỌC MỘT NGÀNH VÔ DỤNG

Theo quan sát của tôi, nguy cơ này đã tăng đột biến trong dăm bảy năm trở lại đây. Trước kia phần lớn du học sinh đều học những ngành danh giá và có tương lai như kinh tế, y, tin học, marketing hay ngoại thương, thì gần đây, do những yếu tố nhiều mà tôi vừa nêu bên trên, cộng với việc phụ huynh thiếu thông tin để giám sát, nhiều cô cậu xoay ra học những ngành rất oái ăm như triết học, lịch sử văn học, hay phê bình nghệ thuật. Có ngành nghề còn chưa có tên tiếng Việt, con cái giải thích mãi bố mẹ không hiểu. Thế thì làm sao mà khoe với họ hàng và bạn bè được? Một chị bạn tôi phàn nàn là đứa con gái ở Mỹ về để làm luận án thạc sĩ “Những dịch chuyển tâm sinh lý của tầng lớp người giúp việc” và xấu hổ vô cùng vì bị hàng xóm mách là nó đi phỏng vấn mấy ô sin cùng phố xem một tuần làm tình mấy lần và với ai. Một đồng nghiệp khác của tôi cương quyết bắt con phải đổi ngành học, tên

cụ thể là gì thì không rõ, chỉ thấy loáng thoáng có chữ “hậu hiện đại”, vì theo anh ấy thì “hiện đại” còn chả ăn ai hưởng hồ là “hậu hiện đại”. Theo tôi, khi con cái đã nằng nặc đòi đi học mấy thứ viễn vông như ngôn ngữ học hay nhân chủng học thì họa đã rồi - nên phải định hướng thật sớm để chúng hiểu là cái gì đáng giá cho tương lai của chúng.

4. KHÔNG CHỊU LẬP GIA ĐÌNH

Thật sự đáng lo ngại là ngày càng nhiều các cô các cậu không chịu lập gia đình mặc dù học hành đã xong và tuổi thì đã 24, 25, nghĩa là cũng không còn trẻ trung gì nữa. Đây là một mối kinh hoàng của nhiều gia đình. Con nhà tử tế bằng cấp đảng hoàng mà độc thân vô vợ thì thật là bất thường, chỉ tổ cho người ta dị nghị là có chuyện gì hay là bị bệnh đồng tính. Mà kể cả có chồng rồi nhưng không có con thì cũng thật là vô phúc, làm cho gia đình Tết nhất không dám gặp họ hàng nữa, lúc đó thì Har-vốt, Har-việc gì cũng vô nghĩa mà thôi. Rõ ràng đây là một sự tai hại của phương Tây mà các phụ huynh cần bắt con em mình tránh xa, bởi tôi biết bên Tây tỉ lệ sống độc thân lên tới tận 50%, và số còn lại thì tới tận ngoài 30 mới lập gia đình. Nhà chị bạn có cô con gái học về ô sin mà tôi kể lúc trước, từ mấy năm nay như ngồi trên than hồng, vì cô này đã 26 mà chưa dẫn ai về nhà, không những thế lại còn cứ đòi học tiếp lên. Nhân đây cũng phải nhắc tới một điểm mà các phụ huynh nhiều khi không để ý tới: con gái thì không nên học cao quá - có bằng tiến sĩ thì đưa nào nó rước đi cho? Đây là chưa kể có cô còn rửng mỡ lên xăm thêm cái hình vào gáy hay vào vai, thì có mà bằng bêu riếu bố mẹ trước bàn dân thiên hạ.

5. KHÔNG NGHE LỜI BỐ MẸ

Tất cả những hiểm họa nói trên thực ra chỉ là những hiện tượng bệnh lý của một nguyên nhân sâu xa hơn, đấy là sự ương bướng. Sau khi con em học xong xách va li về nước, nhiều phụ huynh mới ngã ngửa ra là các cô cậu trước kia vốn ngoan ngoãn, nghe lời, thì nay bỗng trở thành cứng đầu cứng cổ. Vì sao lại vậy? Chúng ta cần hiểu rằng mục tiêu của nền giáo dục phương Tây là tạo ra những con người cứng đầu cứng cổ. Tôi được sáng mắt tỉnh ngộ về điều này sau khi tham dự một buổi lễ trao bằng tốt nghiệp của con trai hai anh chị bạn ở châu Âu vào mùa hè năm nay. Hôm đó, mọi người tề tựu trong hội trường 300 năm tuổi nghiêm trang và lộng lẫy của trường, âm nhạc du dương nổi lên, rồi ông hiệu trưởng đọc lời chúc mừng. Lúc đầu không để ý vì mãi chụp ảnh, nhưng tôi giởng tai lên khi ông ấy nói “Các em hãy hứa là không bao giờ ngừng đặt câu hỏi.” Hừm, tôi gãi cằm. “Và các em hãy hứa là không bao giờ hài lòng với các câu trả lời kể cả khi chúng là của bố mẹ các em.” Tôi tá hỏa, dịch vội sang tiếng Việt cho hai anh chị bạn vẫn đang mơ màng vì không hiểu tiếng. Ngay sau buổi lễ, anh bạn tôi nói với con: “Trúng thì không thể khôn hơn vẹt được.” “Cả đời bố mẹ làm mọi thứ là vì con,” chị bạn tôi để thêm, “bố mẹ biết rõ nhất cái gì thì tốt cho con.”

Tổng kết lại, có thể nói, mặc dù phương Tây vẫn là lựa chọn số một cho đường học hành của con em chúng ta, không những để chúng có một tấm bằng danh giá, mà còn để chúng thành người văn minh, ăn nói lịch sự, xả rác đúng chỗ, không chen lấn khi xếp hàng, dừng xe trước đèn đỏ kể cả ban đêm, vân vân - nhưng văn minh không thể quá trớn. Các phụ huynh cần nắm rõ những hiểm họa để sát sao khi con cái đi du học; không phải vì chúng đi Tây về mà muốn làm gì cũng được. Đặc biệt là đừng để chúng tưởng sau

này chúng có thể trái ý bố mẹ mà nuôi dạy con cái theo ý bản thân mình.

Tháng Tám 2014

BÀN VỀ TRIỀN LÂM BOM TẤN: MONA LISA ĐẸP HAY VÁY CHỊ ĐẸP?

Sách hướng dẫn du lịch Paris của tôi gọi bảo tàng Louvre là bữa tiệc chín mươi chín món, trông thì ngon nhưng khó tiêu, mà bất cứ du khách nào tới Paris sớm hay muộn cũng phải nuốt. Thật vậy, sau mấy lần có dịp qua Paris mà đều ngán ngẩm dòng người rờn rợn vô tận xếp hàng ở cổng, mùa hè năm nay tôi quyết định phải thâm nhập được vào ruột gan con vật khổng lồ này bằng mọi giá. Khổng lồ, vì nó trưng bày 35.000 hiện vật mà nước Pháp được tặng, mua, “sưu tầm” hay nói giản dị hơn là cướp về từ các quốc gia khác nhau qua các cuộc chinh chiến của mình.

Mỗi ngày bảo tàng có hơn 15.000 khách tham quan, bằng một phần ba sức chứa của sân vận động Mỹ Đình, mà lại không được thiết kế như một sân vận động. Đêm hôm trước, tôi lên mạng. Trên cơ man các diễn đàn, người ta tranh cãi nhau về cách tốt nhất để lọt vào bên trong Louvre. Bảo tàng có một cổng chính (kim tự tháp kính của Pei) và ba lối phụ. Người thì nói cổng phụ ở phố Rue du Rivoli rất vắng, chưa bao giờ phải đợi quá 20 phút (*bí mật đấy, đừng có nói rộng ra nhé!*); người thì bảo lối này chỉ dành

cho khách khuyết tật đi xe lăn và các tour đã mua vé trước qua mạng. Người thì bảo là hãy đi xuyên qua khu thương mại Arc du Carrousel (khu này được nối với lòng kim tự tháp bằng một hệ thống đường hầm), người khác thì bảo đã có lần bị lạc trong khu này nửa ngày mới tìm được lối ra. Cuối cùng tôi chọn cách có mặt một tiếng trước giờ mở cửa.

Người ta vào Louvre để xem gì? Hóa ra là chín mươi phần trăm du khách không tới đây để chiêm ngưỡng phù điêu Ai Cập, tượng đá Hy Lạp, đồ đồng của văn minh Inka, nghệ thuật thảm Ba Tư, gốm châu Phi, đồ sứ Trung Hoa hay tranh tôn giáo Trung cổ. Họ tới để xem duy nhất một cái: Mona Lisa. Do vậy, trong khi người ta có thể thông thả tản bộ trong các phòng trưng bày những gì tinh túy nhất của tranh Babylon hay tượng La Mã, và thậm chí còn có cảm giác như mình đang ở trong một bảo tàng thực thụ, thì ở ngoài kia, dọc những hành lang dài vô tận và những cầu thang đá khổng lồ dẫn tới Mona Lisa là một cảnh tượng chen lấn xô đẩy kinh hoàng như ở một nhà ga thời chạy loạn. Khách của các đoàn du lịch bầu vào nhau để biến thành một khối đặc lừ lừ di chuyển, đánh tan những đoàn ngược chiều nhỏ hơn hay tổ chức lỏng lẻo hơn, và gí khách lẻ vào sát tường. Khắp nơi người ta cho dán lên tường những photocopy đen trắng của Mona Lisa với mũi tên chỉ hướng, trông như những lệnh truy nã của cảnh sát. Thỉnh thoảng, các đoàn khách cũng dừng lại trước một bức tranh hay tượng nào đó nếu nó tiện nằm ngay trên đường đi. Thời gian dừng mỗi lần trung bình là mười giây. Thời gian dừng trung bình của các đoàn Trung Quốc là năm giây. Rất may là công nghệ hiện đại cho phép hướng dẫn viên không phải gào lên khi thuyết trình nữa - họ nói vào một micro gắn ở mép áo, như đang nói chuyện một mình, và

mọi người trong đoàn nghe qua tai nghe không dây, trong khi vẫn ngoắc chặt tay vào nhau để khỏi bị đốn ngã.

Mona Lisa một mình ngự trên cả một bức tường trong một căn phòng kích thước khoảng 20x30 mét. Các bức tường khác có Titian, Tintoretto, Raphael và Veronese, nhưng không ai để ý cả. Các paparazzi chen chúc nhau để tiến lại gần nhất, đèn máy ảnh chớp liên tục. Tôi cần hơn một tiếng đồng hồ để lọt được vào hàng trong cùng, xung quanh tôi mọi người giơ máy ảnh và điện thoại lên quá đầu, có người hai tay hai cái, để chụp hộ những thành viên già yếu trong đoàn không chen được vào. Khi tới vòng trong cùng, họ chụp bản thân đứng trước bức tranh, hai ngón tay giơ hình chữ V chiến thắng. Không còn nghi ngờ gì nữa, Mona Lisa là cụt cổ của Lady Gaga, năm trăm năm trước Lady Gaga.

Vì sao những người này, những người mà chắc chẳng bao giờ bước chân vào một phòng tranh hay bảo tàng ở quê hương mình, hay bước chân vào một bảo tàng khác ở Paris, lại dành ra nửa ngày quý báu trong chuyến du lịch ngắn ngủi của mình để cố gắng tiếp cận một bức tranh mà họ phải đứng cách xa bốn mét, bị xô đẩy, và ngắm nó qua một lớp kính chống đạn dày, để tóm lại là không nhìn thấy gì cả? Xét cho cùng thì đây không phải là một cái váy của Marilyn Monroe hay cái áo số 10 của Diego Maradona để người ta phải phát sốt lên đến như thế.

Tôi tìm thấy câu trả lời ở khái niệm triển lãm bom tấn.

Chữ triển lãm bom tấn được dùng để chỉ các triển lãm mà những người vốn không bao giờ tới bảo tàng cũng sẵn sàng xếp hàng hàng giờ liền để vào cửa. Đây là một hiện tượng tương đối mới. Một trong những bom tấn sớm nhất là triển lãm *Những kho báu Ai Cập* do Bảo tàng Anh tổ chức năm 1972, thu hút 1.7 triệu người

xem trong vòng 9 tháng. Nó thuộc vào thể loại bom tấn về những nền văn minh xa lạ, đánh vào sự tò mò của người xem về châu báu, quyền lực, sự phiêu lưu, bí hiểm. Về sau, thể loại này bị lu mờ, và các họa sĩ nổi tiếng lên ngôi: Picasso, Van Gogh, Cézannes, v.v... Các bậc thầy cổ điển, các họa sĩ kinh điển của thời kỳ hiện đại, cụ thể là từ Ấn tượng tới Siêu thực, và một số cái tên đương đại, là những bảo đảm chắc ăn nhất để câu khách. Triển lãm *Matisse* (Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại New York, 1992-93) và *Monet* (Viện Nghệ thuật Chicago, 1995), đều thu hút được gần một triệu người xem. Và Mona Lisa rõ ràng là một tác phẩm bom tấn cỡ khủng nhất, một mình cũng có thể thu hút được hàng triệu người xem mỗi năm.

Thoạt đầu, người ta ca ngợi những triển lãm bom tấn. Chẳng tốt hay sao khi đám đông được kích thích để tìm đến với nghệ thuật. Người ta cho rằng bom tấn giúp “dân chủ hóa” nghệ thuật, làm người dân bớt e dè trong việc tiếp xúc với thứ vốn được coi là “thượng lưu”. (Hãy hình dung ra cảnh một người thợ điện ở ngoại ô London, sau bữa tối, cùng người vợ làm thu ngân ở siêu thị hồi tưởng về bức *Những cô gái vùng Avignon* treo trong triển lãm của Picasso mà họ quyết định đi xem vào tuần trước, sau khi nghe ti vi đưa tin là đã có hơn một phần tư cư dân thành phố kiên nhẫn xếp hàng ba tiếng đồng hồ để vào cửa.) Các bảo tàng thì hoan hỉ vì vừa nổi tiếng hơn trên báo chí, qua đó thu hút được nhiều tài trợ hơn, vừa hoàn thành nhiệm vụ “giáo dục công chúng” của mình, vừa tăng thu nhập đáng kể thông qua bán vé vào cửa và các đồ lưu niệm (poster in tranh Picasso, đồng hồ treo tường in tranh Picasso, áo phông, cốc, miếng lót nôi in tranh Picasso...)

Tuy nhiên, như Emma Barker phân tích trong cuốn *Trung bày văn hóa đương đại* (Contemporary cultures on display) của bà, bom tấn có một loạt các vấn đề.

Nhiều người tới các bom tấn vì hiếu kỳ, và vì áp lực xã hội, do họ không muốn bị coi là lạc hậu về văn hóa. Nhưng sự đông đúc “như ở sở thú” của các triển lãm kiểu này, cùng với các khuếch trương hời hợt trên báo chí dạng “đây là một cơ hội không được phép bỏ qua”, không giúp người xem thực sự đối thoại, tìm hiểu và thưởng thức các tác phẩm. Và sau đó, phần lớn lại không bao giờ bước chân vào bảo tàng nữa. Mặt khác, trong cuộc chạy đua của các bảo tàng để thu hút khách và tài trợ từ các công ty, các nghệ sĩ ít nổi tiếng hơn bị gạt ra ngoài - chủ đề của các bom tấn trở nên bó hẹp trong vài cái tên hay lĩnh vực vốn được coi là ít rủi ro. Và ngay cả với những ngôi sao tên tuổi, các bom tấn cũng thường chỉ nhấn mạnh những khía cạnh dễ “tiêu hóa” với công chúng, chứ không giới thiệu những phát hiện và nghiên cứu mới nhất về họ. Một ví dụ của cách tiếp cận giật gân này là khi các bức chân dung những người đàn bà của Picasso không được đề cập tới như những tác phẩm nghệ thuật phức tạp, mà chỉ như những chi tiết mang tính tiểu sử để minh họa Picasso là người “sát gái”, một câu chuyện hấp dẫn hơn là những phân tích nghệ thuật khô khan.

Theo Emma Barker, *“các triển lãm bom tấn có thể được coi là một hiện tượng thương mại hóa nghệ thuật, biến nghệ thuật thành những show hoành tráng, biến người xem thành những kẻ mù quáng thờ phụng trước bàn thờ của nghệ thuật.”* Không có những khái niệm và kiến thức cơ bản về nghệ thuật, người xem sẽ chỉ nhìn mà không hiểu, mà hiểu biết là một yêu cầu cơ bản để có thể thưởng thức nghệ thuật. Các bom tấn nghệ thuật không có tác

động trong việc nâng cao hiểu biết của công chúng, do đó chức năng “dân chủ hóa” của chúng là hạn chế. Thật vậy, bộ máy quảng cáo đã biến Mona Lisa thành tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng nhất thế giới, nhưng có bao nhiêu người trong số những người chen nhau chụp ảnh trên kia bỏ một chút thời gian để đi sâu hơn về nó, về tác giả, về thời kỳ Phục hưng?

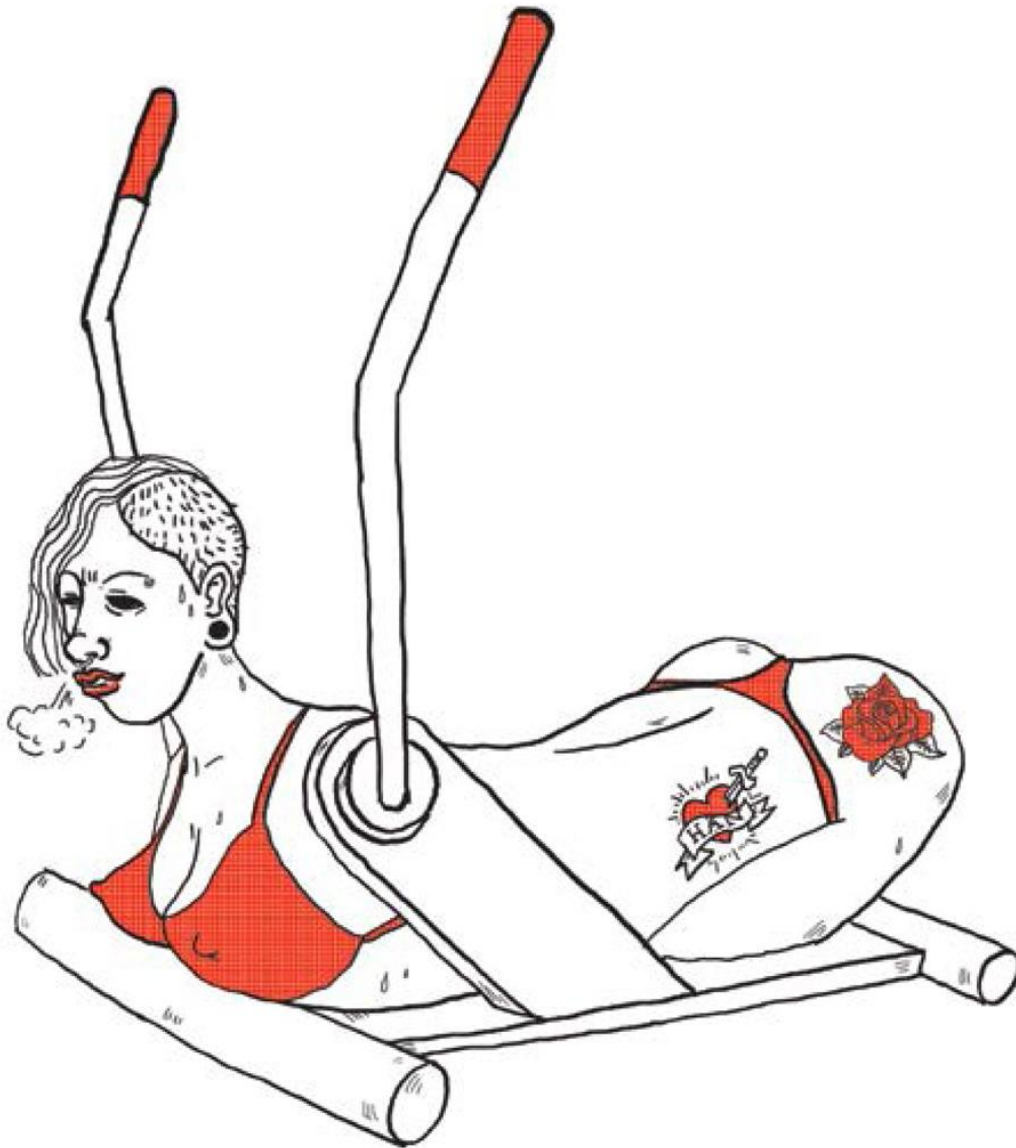
Ở Việt Nam chưa có những ví dụ của triển lãm hay sự kiện văn hóa bom tấn. Không rõ nếu có tổ chức nào đó mượn được một số phác thảo của Michelangelo, thì liệu sinh viên trường Yết Kiêu có xếp hàng vào xem hay không. Nhưng nếu danh ca opera Pavarotti tới biểu diễn thì có lẽ sân vận động Mỹ Đình cũng sẽ kín đầy, càng kín nếu như giá vé càng cao, và người ta sẽ bay từ Thành phố Hồ Chí Minh ra để “thưởng thức”. Có lẽ sự kiện có thể được coi là bom tấn mini gần đây nhất là đợt lưu diễn của Dàn nhạc giao hưởng New York năm 2009 tại Hà Nội, khi hơn 1000 chiếc vé được bán hết sạch, mặc dù với giá tới 200 đô la một vé. Trong số khán giả hôm đó, chắc chắn có nhiều người hầu như không bao giờ nghe nhạc cổ điển, và về mặt chất lượng mà nói thì với họ dàn nhạc giao hưởng New York hay Bangkok hay Manila chắc cũng không khác gì nhau.

Cúng bái trước Mona Lisa hay trước ban thờ Bà Chúa Kho thì đều có một tác dụng: làm người ta hài lòng với bản thân hơn, yên tâm hơn về giá trị của mình. Tôi hình dung ra khách du lịch bốn phương trở về nhà sau chuyến du lịch Paris, và khoe bức ảnh chụp họ đứng trước Mona Lisa với bạn bè. Liệu họ sẽ chờ đợi một câu bình luận gì? Câu gì cho khoảnh khắc mình tiếp cận được với đỉnh cao của nghệ thuật?

Chắc là câu này:

“Ôi, chị mặc cái váy đỏ này xinh quá!”

Tháng Mười một 2011



TÌM LẠI CƠ THỂ

Người Việt chúng ta vốn không có quan hệ gần gũi với cơ thể của mình. Chúng ta không giống người Brazil, uyển chuyển, sexy, có

nhịp điệu trong máu, phơi bày, vuốt ve, tôn thờ cơ thể. Chúng ta không giống người châu Phi, mạnh mẽ, dẻo dai, có sức bật, thể hiện mỗi tâm trạng qua một điệu nhảy. Chúng ta cũng không giống người châu Âu, trang trí, chiều chuộng, lắng nghe cơ thể; chỉ người châu Âu mới có thể phát minh ra khái niệm wellness - sự cân bằng giữa tinh thần, cơ thể và tâm hồn.

Còn người Việt thì sao? Với nông dân và người lao động thành thị thì cơ thể là một dụng cụ lao động. Tất nhiên, họ lưu tâm tới nó như tới con trâu hay cái xe của mình. Cơ thể phải hoạt động trơn tru, phải bền, chi phí vận hành thấp, hỏng thì dễ sửa. Chỉ trong những khoảnh khắc ngắn ngủi của tuổi trẻ, nó là nguồn đem lại khoái cảm, nhưng rất nhanh chóng sau đó, những khoái cảm này chỉ được coi như tác dụng phụ của chức năng sinh đẻ.

Với tầng lớp elite, tình hình còn tệ hơn nữa.

Một trong những hy sinh đầu tiên mà người quân tử hay bị đòi hỏi là hy sinh về tình dục: Người muốn làm việc lớn thì phải hy sinh quan hệ hôn nhân. Và nói chung, quân tử hay không quân tử, cơ thể là một thứ phải được giấu đi, tốt nhất là dưới nhiều lớp vải. (Cái táo bạo nhất mà truyền thống có thể đưa ra được là cái áo dài ôm eo. Người ta, mà thực ra phần lớn là đàn ông ái quốc, vẫn hết lời ca ngợi nó là đỉnh cao của nghệ thuật, bởi vì nó tôn vinh cơ thể mà không làm lộ cơ thể.) Trong sự nghiệp học hành của giới nho sĩ không có mục rèn luyện thân thể. Kể cả trong tiêu chí cho người toàn tài, văn hay, võ giỏi, cái ưu việt của cơ thể chỉ được đo bởi công dụng chiến đấu của nó. Cho tới tận gần đây, yếu tố chơi không được quan tâm, thể thao không phải một phẩm chất được coi trọng. Trí thức và văn nghệ sĩ phải là những người gầy gò; họ trông thư sinh, không khổng lồ được cả một con gà. Trong các

trường đại học, khác hẳn với các college ở Mỹ, các cậu sinh viên giỏi thể thao thường chỉ được chị em coi là cơ bắp to và chắc chắn không được nhiều fan hâm mộ như những anh văn hay chữ tốt hoặc đàn sáo giỏi.

Nhưng chúng ta đang chứng kiến một sự dịch chuyển. Kinh tế phát triển và quá trình hiện đại hóa đem lại nhiều tự do cá nhân hơn, và một điều đặc biệt xảy ra: người Việt không chỉ bắt đầu có hứng thú đi du lịch tới những miền xa xôi; họ cũng quay lại với bản thân, và khám phá ra cơ thể mình.

Trước hết, họ bắt đầu phô nó ra. Qua mỗi năm, người ta lại nhìn thấy da và thịt được trưng ra nhiều hơn. Quan điểm đạo đức của xã hội được nói lỏng. Bộ Văn hóa, chỉ cách đây vài năm vẫn khét tiếng khắt khe kiểm tra để tóc nam không được quá dài và váy nữ không được quá ngắn, nay dường như đã bỏ cuộc hoàn toàn. Các ngôi sao giải trí dẫn đầu phong trào, và họ có nhiều môn đệ. Vào bất cứ tối thứ Bảy nào, các cô gái trên đoàn xe máy diễu hành quanh Hồ Gươm trông như vừa mới đến từ bãi biển Rio de Janeiro. Và đây là ở một đất nước mà mười năm trước còn cạnh tranh với Bắc Triều Tiên trong chuyện ăn mặc đoan trang.

Người ta cũng bận bịu trang trí cơ thể của mình hơn. Xỏ khuyên vẫn bị coi là cực đoan (chúng ta đang ở một đất nước mà phần lớn những kẻ mũi xỏ đi ngoài đường là trâu và bò), nhưng xăm trổ đang ngày càng phổ biến. Vốn thuộc về lãnh địa của nam tính Việt Nam, đặc biệt của những kẻ ngoài rìa xã hội như lính xa quê hay những kẻ lưu manh xoàng, ngày nay xăm mình đang được nhiều phụ nữ ưa thích, như một động tác thể hiện cá tính tinh vi và dễ che đậy. Bạn có thể gặp một cô gái mà bề ngoài trông như viên chức cạo giấy ở Bộ Nông nghiệp, nhưng lại mang một cái xăm ở

lưng dưới. Báo chí chính thống thậm chí bắt đầu nói về các “nghệ sĩ tattoo”, và dường như để cho nghề này có vẻ nghiêm túc hơn, nói về tham vọng của họ mang “các motiv xăm trổ của Việt Nam ra thế giới”. Mặc dù cơ hội được tô mực lên gáy David Beckham một họa tiết trống đồng chắc không cao, nhưng tham vọng ấy có thể giúp mảng văn hóa ngoài luồng này dễ được các nhà chức trách chấp nhận hơn. Hiện nay các tiệm tattoo đều hoạt động dưới dạng salon thẩm mỹ, hoặc không có giấy phép gì cả.

Có lẽ không bằng chứng nào thể hiện tốt hơn cho sự thay đổi trong quan hệ của người Việt với cơ thể như thái độ của họ với thể thao. Những hoạt động chân tay không còn được coi là gắn liền với cuộc sống của tầng lớp thấp nữa. Trái lại, trong khi những người ở tầng lớp dưới đang bị xích vào những dây chuyền sản xuất, hoặc bị gắn với những công cụ có động cơ của mình như là xe ô tô, và do đó ít có cơ may vận động thân thể, thì những người khá giả dành thời gian nghiên cứu về những chiếc xe đạp tối hiện đại chỉ nặng vài cân, và theo đuổi những cuộc tranh luận vô tận trên mạng xem túi da đựng đồ không thấm nước nào là tốt nhất. Người ta bắt đầu rời phòng máy lạnh để dầm mưa dãi nắng (tuy nhiên, mọi thứ đều được lưu ý để bảo đảm họ không bị lẫn vào nhóm người kia, những người dầm mưa dãi nắng vì không có điều kiện vào phòng máy lạnh).

Tuy nhiên, ở đây có một khác biệt giới tính: trong trào lưu mới của ý thức cơ thể thì đàn ông bị tụt hậu, họ vẫn tới sân tennis để có cơ mà nhậu nhiều hơn. Hoặc là họ chuyển sang sân golf, nơi họ còn đổ mồ hôi ít hơn và uống nhiều hơn nữa. Trong khi đó phụ nữ thử đủ thứ với cơ thể mình để biết hơn về nó. Họ nhảy salsa, múa bụng, múa cột, tập aerobics và yoga. Và họ kéo nhau tới gym.

Ngày nay xã hội mới gặp nhau ở gym. Gym mọc lên ở mọi nơi, máy tập sáng loáng, gương từ sàn tới trần, sauna khô, tắm hơi và những màn ảnh dẹt khổng lồ bơm nhạc techno. Nghỉ trong resort khác với ở bãi biển công cộng như thế nào thì tập ở gym khác với chạy ở công viên như vậy. Bạn tới gym có nghĩa là bạn hiện đại và năng động, bạn có đủ số tiền lẻ để trả phí thành viên, và bạn đi tìm hiệu quả. Calories, nhịp tim, vòng bụng, tất cả phải được ghi chép và theo dõi một cách nghiêm túc. Các gym có một không khí giống các nhà máy của thời đại công nghiệp ngày xưa, cả hai đều là những nơi chốn của lao động cơ thể nặng nhọc. Máy móc, sắt thép xếp thành hàng, những con người bóng nhẫy mồ hôi vật lộn với những cỗ máy hình thù kỳ dị. Tiếng sắt thép va chạm nhau, tiếng băng chạy rì rì, tiếng thở dốc của người lao động. Vật liệu lao động duy nhất ở đây là cơ thể, mục tiêu duy nhất ở đây là nhào nặn nó. Lao động thân thể không phải là phương tiện nữa, bản thân nó là mục tiêu. Theo nhà khoa học người Áo Alfred Schirlbauer, những người tập ở gym coi cơ thể của mình như nhà triết gia Humboldt coi trí tuệ con người: cả hai đều là những đối tượng được hoàn thiện qua những nỗ lực không ngừng, và những cố gắng này chỉ phục vụ chính nó chứ không phục vụ một mục đích nào khác.

Quần thể người tới gym là một lát cắt xã hội đầy đủ. Một nhóm là dân văn phòng, cố nhét một lớp thể hình vào giữa việc công ty và việc nhà. Đông hơn và có nhiều thời gian hơn là các bà các cô kinh doanh tự do. Nhiều người coi gym như là phòng khách mở rộng của mình, họ kéo tới vào buổi chiều với nửa tá túi shopping, trẻ con leo đẹo theo sau. Những tay đam mê thể hình tranh luận về nước uống hỗ trợ cơ bắp và tự chiêm ngưỡng bản thân trước bức tường gương. Tiếp đó là nhóm những người mới giàu. Với những người này, cơ thể là chuyện nghiêm túc, giống như cái ô tô

họ đi vậy. Họ bước xuống chiếc BMW trắng, biến vào phòng thay đồ rồi xuất hiện trong bộ bikini hoàn hảo, mũ lưỡi trai, iPod dính bắp tay, và chạy liền một tiếng đồng hồ, tập luyện cho một thế giới đầy cạnh tranh. Duy chỉ có vết sẹo nhạt hình oval ở bắp chân phải, tàn dư của vết bỏng ống bó xe máy, là nhắc tới thời kỳ tiền-ô tô của họ. Và cũng giống như ở xã hội bên ngoài, ở đây phân cách giai cấp cũng được thể hiện rõ ràng. Nhân viên phục vụ thường là những thanh niên nông thôn mảnh khảnh, lương tháng của họ còn thấp hơn lệ phí thành viên. Thường sau một thời gian làm việc ở đây họ cũng bắt đầu tập tành; cản trở duy nhất của họ trong giấc mơ có một cơ thể nở nang là đôi lúc họ bỏ bữa.

Trào lưu hướng về cơ thể rõ ràng phản ánh quá trình cá nhân hóa đang diễn ra trong xã hội, khi các cá nhân tìm cách tách mình ra khỏi tập thể và dùng các công cụ khác nhau để định nghĩa bản thân: cách ăn mặc của tôi, hình xăm của tôi, cơ thể của tôi. Quá trình cá nhân hóa này cũng được thể hiện trong một dịch chuyển của thái độ sống. Khác với sự cạnh tranh và giành giật ở ngoài kia, trên đường phố, nơi người ta chiến đấu với nhau để giành từng xăng ti mét đường nhựa, cuộc chiến trong phòng tập là cuộc chiến để thắng bản thân: nhanh hơn một chút, lâu hơn một chút, nặng hơn một chút. Người chiến thắng không phải người khỏe hơn, trẻ hơn, mà là người vượt qua được chính mình nhiều hơn.

Trào lưu này cũng là tín hiệu cho một loạt thay đổi về tư duy trong xã hội. Có lẽ chỉ trong một tương lai gần thôi, những người béo trắng sẽ không còn được coi là biểu tượng của một cuộc sống an nhàn sung sướng nữa, mà sẽ là của kỷ luật kém và quyết tâm cá nhân thấp, và họ sẽ gặp khó khăn hơn để cạnh tranh trong thị trường lao động cấp cao. Rèn luyện cơ thể, bắt nguồn từ lý do sức

khỏe và khám phá lại bản thân, đang trên đường trở thành một phong cách sống của Việt Nam hiện đại.

Tháng Mười 2011

TÔN THỜ SÁCH LÀ MÊ TÍN DỤNG ĐOAN

Vào ngày 8 tháng Bảy năm 2014, Israel bắt đầu chiến dịch quân sự mang tên *Vành đai Bảo vệ* bằng những đợt không kích dữ dội vào dải Gaza. Số lượng dân thường Palestine bị thiệt mạng bởi làn mưa rocket, trong đó có nhiều trẻ em, leo thang từng giờ. Ngay lập tức, cuộc chiến trở thành tâm điểm đưa tin của toàn bộ báo chí thế giới. Trong những ngày tiếp theo, các nguyên thủ quốc gia lên tiếng, các chuyên gia tranh cãi trên ti vi, người dân ở các thành phố lớn xuống đường biểu tình. 50 ngày sau, khi chiến dịch đẫm máu này kết thúc, hơn 2.000 người Palestine bị giết chết, và nhà cửa của hơn nửa triệu người, hay 30% dân số của dải Gaza, bị phá hủy, đánh dấu một sự kiện toàn cầu u ám và quan trọng bậc nhất của năm.

Duy ở Việt Nam vào những ngày đầu tháng Bảy đó, người ta không quan tâm tới những gì đang xảy ra ở dải Gaza. Tâm trí người Việt còn đang bị ám ảnh bởi một sự kiện khác, họ còn đang ở trong một cơn bão, không, một cơn cuồng nộ truyền thông, mà nhìn vào cường độ của nó thì một người quan sát tất phải đi tới kết luận là sự kiện này vừa là một tai nạn tầm cỡ quốc gia, vừa là

một bi kịch xã hội, vừa là một tội ác. Đó là sự kiện đạo diễn Lê Hoàng và người mẫu Triệu Thị Hà ngồi lên sách.

Trong một bức ảnh tai hại bị rò rỉ vào ngày 4 tháng Bảy, người ta thấy hai nhân vật showbiz nói trên ngồi trên ghế chuyện trò với nhau trong một chương trình đang được sản xuất, và hai cái ghế này được kê lên mấy cuốn sách. Ngay lập tức, “cư dân mạng bức xúc”. Ngày hôm sau, công ty sản xuất phân bua là vì những cản trở về thời tiết nên ê kíp làm việc “đành” sử dụng sách để kê chân ghế và “thành khẩn xin lỗi công chúng”, dù đây chỉ là một bức ảnh hậu trường, chụp lúc không có khán giả. Nhưng công chúng không dễ tha thứ như vậy. “Vô văn hóa”, “phản cảm”, “ngồi lên tri thức nhân loại” là đại đa số các bình luận trên mạng, và khi cả Lê Hoàng lẫn Triệu Thị Hà vẫn chống chế là “không biết” và “vội nên không để ý” thì các báo vẫn chạy tít *Đặt móng lên sách mà vẫn kêu oan*.

Đã tưởng sau ba ngày thì như thường lệ tâm bão sẽ di chuyển tới chỗ khác, nhưng lần này thì không. Tới một tuần sau tới lượt các nhà văn và nhà văn hóa vào cuộc. Một nhà văn giảng giải: “Ngay cả khi ở một mình, anh đặt móng anh lên cuốn sách thì đã phải coi lại văn hóa của mình rồi...” Một giảng viên đại học văn khẳng định: “Bất luận thế nào cũng không bao giờ được phép xử sự với sách như vậy, dù nhân danh bất cứ thứ gì.” Một nhà phê bình văn học khác nghiêm khắc: “Ngồi lên sách cũng như hành động ngồi lên đầu rùa ở Văn Miếu.” (Ảnh đi kèm trên trang báo chụp ông nghiêm trang đứng trong hiệu sách với những kệ sách dài dằng dặc đằng sau). Hiếm thấy khi nào dư luận Việt Nam thống nhất như vậy.

Sự kiện này cho chúng ta một cửa sổ thú vị để nhìn vào tâm lý người Việt. Sẽ không đủ khi nói người Việt yêu quý sách và qua đó

thể hiện sự tôn trọng văn hóa và tri thức của mình. Chính xác hơn, sách đã trở thành một biểu tượng tín ngưỡng. Nó đã được chuyển hóa từ cái phàm tục (profane) để trở thành cái thiêng liêng (sacred). Giống như một ngọn núi hay một loài chim ở các tín ngưỡng khác, ở đây sách, không phải cụ thể một cuốn sách quý hiếm hay có nội dung quan trọng nào, mà là sách nói chung, trong hình hài phổ quát hình chữ nhật của nó, được nạp vào một giá trị phi thường, vượt xa giá trị vật lý mấy chục nghìn đồng. Sách trở thành những vật thể được ngưỡng mộ, người ta đến với chúng một cách thành kính và tôn nghiêm, vừa gần gũi cá nhân, vừa nâng niu, long trọng. Không còn vô hồn, tầm thường và trần tục như mấy cuốn vở viết tay hay dăm trang giấy lẻ tẻ, khi giấy được đóng lại, có chữ in, có bìa, có tên tác giả, và có giấy phép xuất bản, tức là được quyền uy thông qua, thì cái tập hợp mấy trăm tờ giấy kia đạt được một uy tín mới. Sách thiêng liêng đối với người Việt cũng giống như con bò đối với người Ấn Độ. Giống như cái răng cạp đeo cổ được coi là có tác dụng trừ tà ma, người Việt chúng ta tin rằng ở gần sách sẽ có tác dụng tương tự như vậy.

Trào lưu tâm linh này không phải tự nhiên mới xuất hiện, nó đã âm ỉ khá lâu. Cách đây mấy năm Hội nhà văn đã yêu cầu Quốc hội ban hành Luật Nhà văn để rộng đường phát triển nền văn học nước nhà. Cứ đà này, tôi cho rằng không xa nữa các tác giả sách sẽ có vai trò đặc biệt trong xã hội. Có thể họ sẽ được ngồi ở hàng ghế đầu trên xe buýt, giống như các nhà sư ở một số nước theo đạo Phật. (Hàng ghế sau, kém trang trọng hơn, có thể dành cho các quan chức và doanh nhân bỏ tiền túi ra tự in thơ.) Rồi biết đâu người ta sẽ đề nghị ban hành *Bộ quy tắc ứng xử với sách*, và phạt hành chính thật nặng những trường hợp như Lê Hoàng và Triệu Thị Hà trên đây, dù là vô tình hay cố ý.

Dù bản thân là người thích đọc sách, tôi lấy làm tiếc phải cho rằng ở đây chúng ta đang chứng kiến một hiện tượng mê tín dị đoan.

Trước hết cần chỉ ra sự vô lý trong vai trò đặc biệt của sách khi so với các vật thể có cùng chức năng truyền tải văn hóa và nghệ thuật khác nhưng không được đưa vào điện thờ tinh thần của chúng ta. Tôi đoán là Lê Hoàng có thể ngồi lên một cái sáo trúc cả ngày mà sẽ không có ai phẫn nộ cho rằng đó là phỉ báng âm nhạc. Hay Triệu Thị Hà có thể mặc váy đầm thướt tha, nằm lên trên một cái piano lớn mà không bị coi là “đặt mông” lên Mozart. Người ta vẫn lấy những cái DVD cũ, chứa trong mình các tác phẩm điện ảnh bất hủ của các thời đại, và xâu lại một chuỗi thành cái rèm cửa, mà không có cư dân mạng nào trên Internet bao la cầu nhau lấy một câu. Và có vô lý không khi tôi có thể lau giày bằng một cái tranh vẽ in hình Mona Lisa, nhưng lại không thể kê một nồi canh nóng lên sách, “ngay cả khi đang một mình”?

“Vạn ban giai hạ phẩm / Duy hữu độc thư cao” (“Mọi nghề đều hèn hạ / Chỉ có đọc sách là cao siêu”) - ở những thế kỷ trước, người ta vẫn dạy trẻ nhỏ như vậy. Tư duy ở đẳng sau là: Đàn sáo thì “phường chèo” nào cũng làm được, còn vẽ vờn đục khắc thì dành cho các nghệ nhân làng, nhưng chỉ có vua quan và các bậc học giả mới có thể làm ra con chữ. Nhưng, như ông Trần Trọng Kim đã từng phàn nàn, người Việt dễ đánh mất cái nội dung để bám vào cái nghi thức, vào cái vỏ bên ngoài, nên tới giờ câu đó đã trở thành “Mọi thứ đều hèn hạ, chỉ có sách là cao siêu.” Tôi kính trọng sách, cho nên tôi có giá trị, còn tôi có đọc chúng hay không thì không còn quan trọng nữa.

Khi tôn sùng vô điều kiện hình hài của các cuốn sách, thờ phụng cái tập hợp bìa cứng, keo dán và giấy, bạn đã gạt nội dung của chúng sang một bên, cũng giống như bạn chấp tay khấn vái trước bất cứ một ngôi đền nào mà không biết nó được dựng lên để thờ ai. Thái độ này cũng giống như sự kính cẩn với các loại học vị, bằng cấp giáo sư, tiến sĩ, mà không cần biết là từ trường nào, ai cấp, thật giả lẫn lộn ra sao. Con chữ có thể tới từ thánh hiền, mà cũng có thể tới từ ma quỷ. Hẳn mỗi người đều còn nhớ hình ảnh bạt ngàn người Trung Quốc tay giơ cao sách đỏ của Mao Trạch Đông trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa. Trong lịch sử loài người, đã vô số lần quyền lực cho đốt sách, nhưng có lẽ chưa bao giờ các nhà độc tài không thống trị thông qua sách.

Với tôi, mọi việc khá đơn giản. Nếu một cuốn sách có giá trị với tôi, vì nội dung của nó, hay vì nó là một kỷ niệm, tôi sẽ giữ nó. Nếu không, tôi sẽ nghĩ xem liệu nó có giúp ích hay đem lại niềm vui cho ai đó khác không. Nếu không nữa, thì cuốn đó được bán giấy vụn, để lót nôi, hoặc được xé ra nhóm lửa trại.

Theo một thống kê ở Anh, trong khoảng 86.000 đầu sách được xuất bản hằng năm, có tới 60.000 đầu sách chỉ bán được trung bình 18 cuốn. Mỗi năm các cửa hàng sách xé trang bìa rồi gửi trả lại các nhà xuất bản 77 triệu cuốn vì chúng không có người mua. Những cuốn này được biến thành bột giấy để sản xuất các cuốn sách mới. Ở Việt Nam, không rõ con số thống kê như thế nào, nhưng rõ ràng từ nhiều năm nay, nhiều cuốn cũng tìm được cách giúp ích cho đời bằng cách hiến gan ruột cho các bà bán xôi mà không thấy có ai bức xúc gì. Đánh từ khóa “recycle book” (“tái sử dụng sách”) vào Google, bạn sẽ nhận được vô số ý tưởng làm gì với những cuốn sách mà bạn không cần nữa: khoét hình vuông

bên trong để biến chúng thành cái chậu trồng hoa con con, hay cái hộp để nhẫn và chìa khóa. Dính hàng trăm cuốn lại với nhau thành một cái ghế tựa, một cái thành giường, hay một quầy tiếp tân. Xòe chúng ra thành những cái chao đèn hay những cái ghế đầu chắc chắn. Rút ruột để biến chúng thành những cái túi xách tay nhỏ. Trong bảo tàng Meermanno ở Hague, Hà Lan, người ta dùng hàng ngàn cuốn dính vào nhau, tạo ra một cái thác bằng sách đổ từ cửa sổ tầng hai của tòa nhà xuống vỉa hè. Theo tôi, kê sách cho ghế cao lên không phải là một sáng kiến tồi.

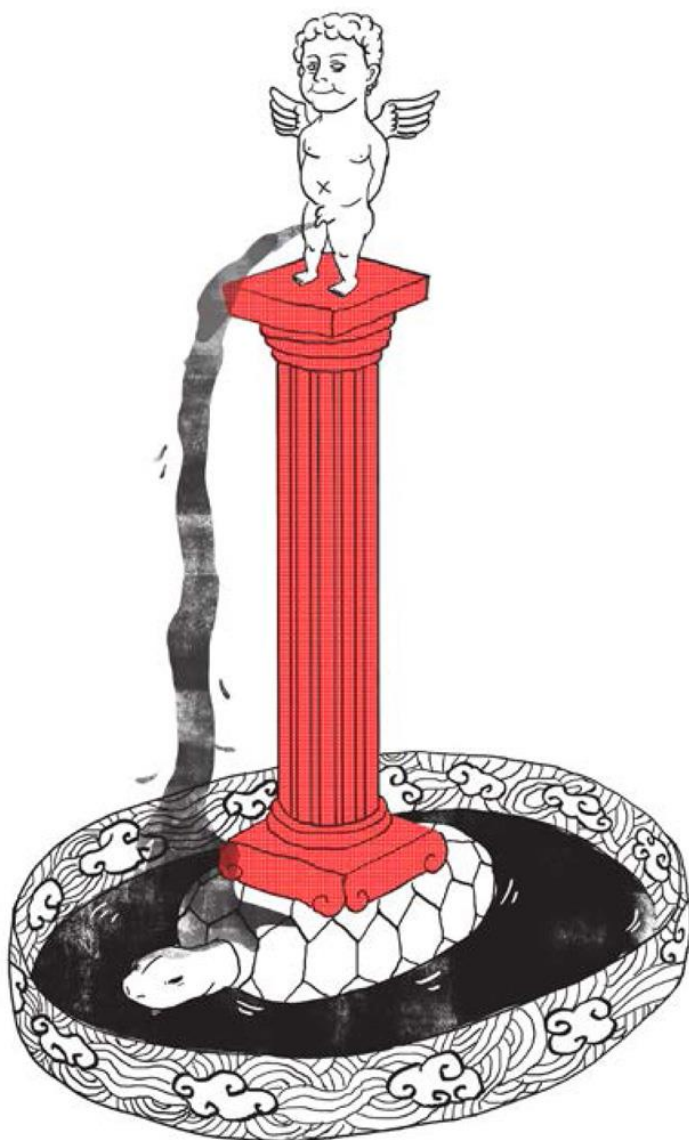
“Bất cứ ai đọc quá nhiều và sử dụng bộ óc của mình quá ít sẽ có thói quen lười nhác trong suy nghĩ.” Câu này là của Einstein, và nó đặc biệt đúng khi người ta đọc những thứ linh tinh. Ở Việt Nam, bán chạy nhất từ nhiều năm nay vẫn luôn luôn là sách bói toán, tử vi và truyện ngôn tình rẻ tiền. Chúng là những liều thuốc ru ngủ làm người ta lười động não y như những xê ri phim Hàn Quốc sốt mướt và các game show nhảm nhí trên ti vi. Chưa kể, sách nhảm, từ điển rác tràn lan thực sự không xứng đáng với giá trị của các tờ giấy dùng để in chúng.

Chúng kiến làn sóng bức xúc cuộn cuộn trên truyền thông và trên mạng xã hội, tôi thầm nghĩ giá một phần của năng lượng này được hướng tới để giải quyết những vấn đề thật sự liên quan tới sách. Giá mà người ta cũng cảm phần tương tự như vậy với nạn sách giả, sách lậu đang hoành hành trên thị trường sách và cương quyết khước từ chúng. Giá mà người ta bàn nhau xem làm thế nào để vạch mặt và tẩy chay các sách nhảm và sách rác. Giá mà xã hội sẵn sàng bỏ tiền ra mua sách với giá cao hơn để các dịch giả được đãi ngộ xứng đáng với công sức và đóng góp của họ vào đời sống tinh thần của xã hội. 20 triệu tiền nhuận bút cho 10 tháng lao

động nghiêm túc để dịch một cuốn sách khó, thấp hơn cát xê một đêm của một hoa hậu bậc trung - nếu muốn truyền tải tương quan này qua một biểu tượng thị giác, có gì hợp hơn là hình ảnh người mẫu ngồi lên sách?

Mục đích cuối cùng của giáo dục và văn hóa là tạo ra sự bao dung. Chúng ta có thể âu yếm lướt tay vuốt các trang sách, nhắm mắt hít vào mùi thơm và lắng nghe tiếng sột soạt quen thuộc của chúng, nhưng việc đó không chứng tỏ chúng ta ưu tú, hay đẳng cấp, hay có văn hóa hơn những người không làm vậy. Chúng ta có thể học tập vị thiền sư nọ vào thời nhà Đường, người đã quăng cái tượng Phật vào lửa để lấy hơi ấm, vì nó chỉ là gỗ, “tinh thần của Phật không nằm ở đó”. Sách cũng thế, để gối đầu giường hay kê ở dưới chân bàn không quan trọng, chúng chỉ là bột gỗ.

Tháng Hai 2015



KHI LOUIS XIV VỀ LÀNG

Thành phố Ninh Bình sắp có một thắng cảnh mới: đại gia Hải Biên đang cho xây một tòa nhà nhái kiến trúc của Quốc hội Mỹ. Cũng đầy đủ mái vòm, cột tròn, cũng phù điêu trên tường và lan can chạm trổ. “Lâu đài” này có một tỉ lệ khá khôi hài, nên trông nó giống công trình gốc như cái nguệch ngoạc của trẻ con giống tranh của Picasso. Nhưng có vẻ chủ nhân không phiền lòng về điều này,

quan trọng là người ta nhận ra được ý đồ của tác giả. Và ai cũng đồng ý là nó nhiều tiền.

Cuối cùng thì Ninh Bình cũng gia nhập cuộc đua đại gia xây lâu đài, đã nóng lên từ chừng hai năm nay. Phong trào đã gặt hái được khá nhiều kết quả: lâu đài cặp đôi 100 tỉ ở Quảng Ninh, lâu đài 6 con gà dát vàng ở Cầu Giấy, lâu đài ngựa vàng ở Hải Phòng. Điểm chung của chúng là tất cả đều đi theo phong cách phương Tây, cụ thể hơn là phong cách tân cổ điển của châu Âu thế kỷ 18. Thi thoảng mới có người lạc tông, như lâu đài Tamasago theo kiểu Ả Rập của chủ tịch tập đoàn Khải Silk, hay lâu đài của đại gia Trầm Bê ở Trà Vinh (được đánh giá là “nửa Tây, nửa ta, nửa Ả Rập”). Dinh thự của nữ đại gia 36 tuổi Mã Đào Ngọc Bích (riêng cái tên đã đặc biệt) ở Sóc Trăng thì theo hẳn phong cách của 4 nước: Pháp, Ý, Hy Lạp và một nước Ả Rập, với một đội chiến binh Ý áo giáp mạ đồng đứng vòng quanh nhà, khắp nơi chạm khắc vương miện vua chúa châu Âu, cùng những chú gà trống Gô loa, biểu tượng của nước Pháp.

Kiến trúc tân cổ điển của châu Âu không chỉ hấp dẫn các đại gia nhiều tiền. Từ cách đây 10 năm, những con ngựa gầy gò trên cổng khải hoàn môn và những tượng Hy Lạp khỏa thân ở khu đô thị Ciputra, Hà Nội, đã từng làm cho một số trí thức phẫn nộ về cái “xa lạ” và “kệch cỡm” của nó. Nhưng trên thị trường, Ciputra thành công rực rỡ với dân trung lưu. The Manor ở Mỹ Đình nối tiếp, bắt đúng mạch thời đại với khẩu hiệu “một góc châu Âu trong lòng Hà Nội”.

Đến bây giờ thì không chỉ ở Nghĩa Đô, Mê Linh, Mỗ Lao, Châu Quỳ và khoảng hai tá dự án khác ở Hà Nội, đâu đâu cũng “mang đậm phong cách châu Âu”, từ Galleria Nam Sài Gòn tới Euro

Village ở Đà Nẵng, từ EcoLakes ở Bình Dương tới Pidenza Plaza ở Thái Nguyên. Dự án Hill State ở Hà Đông thì mở đầu quảng cáo bằng “tỏa sáng tự tin, phong cách Hàn Quốc”, nhưng đến đoạn sau lại không tự tin lắm nên phải chua thêm vào “phong cách châu Âu, đẳng cấp quốc tế” cho yên tâm. Nhiều dự án chọn phương án lẫu thập cẩm. Khu đô thị Việt Âu ở Hòa Bình thì vừa mang nét “phố cổ Toledorio, thủ đô cũ của Tây Ban Nha”, vừa có cái “lãng mạn, sang trọng của làng Bibury, một trong những làng đẹp nhất Anh quốc”, cộng với “sự tinh xảo và hoa văn của cung điện Versailles”.

Các tòa nhà hành chính cũng nằm trong cuộc chạy đua này. Trụ sở của Bộ Tài chính ở Hà Nội có nửa quả cầu tròn úp lên giống như Điện Panthéon ở Paris. Riêng hàng rào sắt uốn cầu kỳ của trụ sở UBND tỉnh Hà Tĩnh hẳn sẽ khiến nhiều dân thượng lưu châu Âu cách đây ba thế kỷ phải hài lòng. Khu hành chính của Lai Châu là một phiên bản của The Manor, Hà Nội. Ở nông thôn, nhiều khi giữa đồng không mông quạnh người ta thấy đứng sừng sững một trụ sở huyện được xây như một phiên bản méo mó của Nhà hát Lớn Hà Nội, xung quanh trâu bò tha thẩn gặm cỏ. Đặc biệt các tòa án có vẻ chuộng hình thức kiến trúc này. Theo ông chánh án Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Tháp, kiến trúc châu Âu cổ điển là để “đảm bảo sự uy nghiêm cần thiết” của cơ quan đặc thù này.

Chưa bao giờ người Việt có thể lựa chọn giữa nhiều phong cách kiến trúc trên thế giới như bây giờ. Chưa bao giờ người Việt có thể tìm hiểu những công nghệ xây dựng hiện đại, tiết kiệm năng lượng, sinh thái, dễ dàng như bây giờ. Trong thời đại của smartphone, của các chuyến bay xuyên lục địa, của công nghệ chỉnh hình cơ thể như phù thủy, vì sao người ta lại xây nhà mình

như là chúng ta vẫn đang sống ở cuối thế kỷ 19? Nếu như căn nhà thể hiện giấc mơ của chủ nhà, thì người Việt đang mơ gì?

Cửa cải mới kiếm được thì thường đi kèm với nhu cầu khẳng định và phô trương mình qua sự rườm rà, hoa văn và kích thước khủng. Người Việt không nằm ngoài quy luật này, họ đi tìm những cơ hội để trưng bày sự sung túc mới có của mình. Ngoài ra, dường như họ đang bơ vơ trong cuộc sống hiện đại, và có nhu cầu tìm đến quá khứ để có một điểm tựa, để có thể gắn vào một cái gốc. Mặc dù ai cũng hết dỗi tị hào về họ tộc cụ thể của gia đình mình, người ta lại chối từ quá khứ của tập thể lớn hơn, của cả phương Đông, coi nó là lạc hậu, man di, không văn minh, không có đẳng cấp. Sự giàu có vật chất đi kèm với khủng hoảng về bản sắc và lòng tự tin bị tổn thương đang nuôi dưỡng một tâm thế thuộc địa, tự đặt mình xuống dưới một nền văn hóa khác. (Thật kỳ dị biết bao nếu bỗng nhiên người Pháp đua nhau xây nhà cửa theo phong cách “cung đình nhà Thanh”). Hơn 100 năm sau khi người Pháp đặt tượng Bà đầm xòe lên trên nóc Tháp Rùa khiến người Việt bức xúc, trố trêu thay, kiến trúc Pháp cổ điển quay lại để đáp ứng tất cả các nhu cầu tình cảm của người Việt. Với dân trung lưu, nó tượng trưng cho văn hóa, đẳng cấp, văn minh. Với quan chức, nó hiện thân cho sự uy nghi, tôn nghiêm. Với giới trẻ, nó là biểu tượng của lãng mạn, tình yêu, lịch sự. Trong khi phương Tây nhìn giai đoạn tân cổ điển này như là một trong bao giai đoạn khác của họ, và họ luôn luôn tiếp tục tìm tòi ngôn ngữ sáng tạo đương đại của mình, thì người Việt lại coi tân cổ điển là đỉnh cao muôn trượng. “Nó thực sự là đỉnh cao kiến trúc, rất tuyệt vời.” Một kiến trúc sư được giới thiệu là chuyên thiết kế lâu đài cho các đại gia cho biết. “Đã hàng trăm năm nhưng kiến trúc (cổ điển) kiểu Pháp không những không lạc hậu mà có thể khẳng định không có công

trình đương đại nào có thể vượt qua về giá trị thẩm mỹ. Tôi đã đi khá nhiều và tôi thấy nó là kiệt tác, tinh hoa, nên vô cùng ngưỡng mộ, khâm phục.”

Với những kiến trúc sư này, không lấy làm bất ngờ khi ngành kiến trúc Việt ở tình trạng mà nó đang ở.

Sẽ ít người có nhu cầu tiếp cận và hấp thụ văn hóa phương Tây, dù là nhạc cổ điển, ba lê, hay văn học, nhưng giống như một người nông dân khoác lên mình một cái áo vest để chứng tỏ mình thành thị, người ta dùng kiến trúc nhái Pháp để phát ra tín hiệu là tôi có văn hóa và đẳng cấp, tầm hiểu biết của tôi có bề dày quốc tế. Tôi bằng vai phải lứa với người phương Tây, bởi nhìn đây, cầu thang của tôi còn to và uốn lượn hơn cầu thang của các cụ của họ, và tôi đang giẫm lên đá hoa cương tới từ xứ sở họ.

Một mâu thuẫn nữa là trong khi các đại gia đều coi lâu đài của mình là một tác phẩm cá nhân, độc đáo, “được ấp ủ nhiều năm nay”, và phải bảo đảm là không giống ai, thì trên thực tế, họ xây không phải để thể hiện sự sáng tạo của mình, mà để người khác tán đồng. Thái độ này được thể hiện rõ nhất qua phát ngôn của Đàm Vĩnh Hưng khi anh xây biệt thự trăm tỉ: “Ai không thích chỗ nào tôi đập liền chỗ đó.” Với anh Hưng, cái đẹp là cái mà người khác nói là đẹp. Anh đã xây một lâu đài kiểu châu Âu với tâm lý nô lệ vào tập thể của phương Đông ở mức đậm đặc nhất.

Cũng vì thế mà các công trình “riêng biệt độc đáo” kia kết quả lại giống nhau, và đều giống một cái bánh ngọt đám cưới nhiều tầng khổng lồ, loang lổ trắng, hồng, vàng thuộc địa. Bên trong, chúng đều ngọt nhạt, nhức mắt như nhau, không có mảng tường nào to quá một mét vuông mà không có một cái phù điêu, không có đường thẳng nào chạy được quá một mét mà không bị xoắn lấy

một cái. Tổng thể giống như trong một cửa hàng đèn bình dân ngồn ngộn hàng trăm cái, cái nào cũng bật sáng trưng, kêu gào đòi sự chú ý.

Trong khi vươn tới cái ảo ảnh phương Tây, chủ nhân của những ngôi nhà này vẫn phương Đông đến tận xương tủy. Chính vì thế mà chúng ta nhìn thấy những cảnh Đông - Tây đề huề: hai con sư tử đá Trung Hoa đứng canh cái cổng sắt mạ đồng có phù điêu hoàng gia Anh nặng hàng tấn, hàng cây bonsai nhiều chục tỉ chen chúc nhau che lấp tượng thần Vệ nữ ở ngoài vườn, tượng cóc ngậm tiền vàng cao bằng đầu người đặt dưới gà trống Gô loa mạ vàng. Cái không gian nhái châu Âu kia là để chứng tỏ họ đã chinh phục được kẻ khác, nền văn minh phương Tây xa lạ, nhưng mặt khác họ không cảm thấy “ở nhà” khi bên trong nó. Họ bị giằng xé. Chính vì thế mà ngay bên cạnh làng Pháp mới xây trên đỉnh núi Bà Nà, đầy đủ với một nhà thờ đá gô tích nhỏ, một quảng trường, đài phun nước và cổng vòm, “như là ở ngoại ô Paris”, là một thực đơn phong phú các cơ hội để du khách có những “phút giây thư giãn với văn hóa tâm linh Á Đông”, với chùa, tháp, lầu chuông, đèn, miếu, nhà bia.

Cái “giả” đang thắng thế trong mọi lĩnh vực. Người ta tháo chạy khỏi hiện thực và chính bản thân mình để bám vào một tượng tượng xa lạ. Trong thế giới nhân tạo này, người ta ngồi trong một phòng khách ngồn ngộn các ghế bành bọc nỉ chân cong mạ vàng, trên đầu là đèn chùm pha lê giả đồ sộ với hàng nghìn giọt thủy tinh long lanh, trên tường là bức Mona Lisa sơn dầu được vẽ bởi một họa sĩ ở phố Nguyễn Thái Học, và nữ chủ nhân có một bộ ngực mãi mãi chiến thắng sức hút của trái đất, tậu ở Thái Lan.

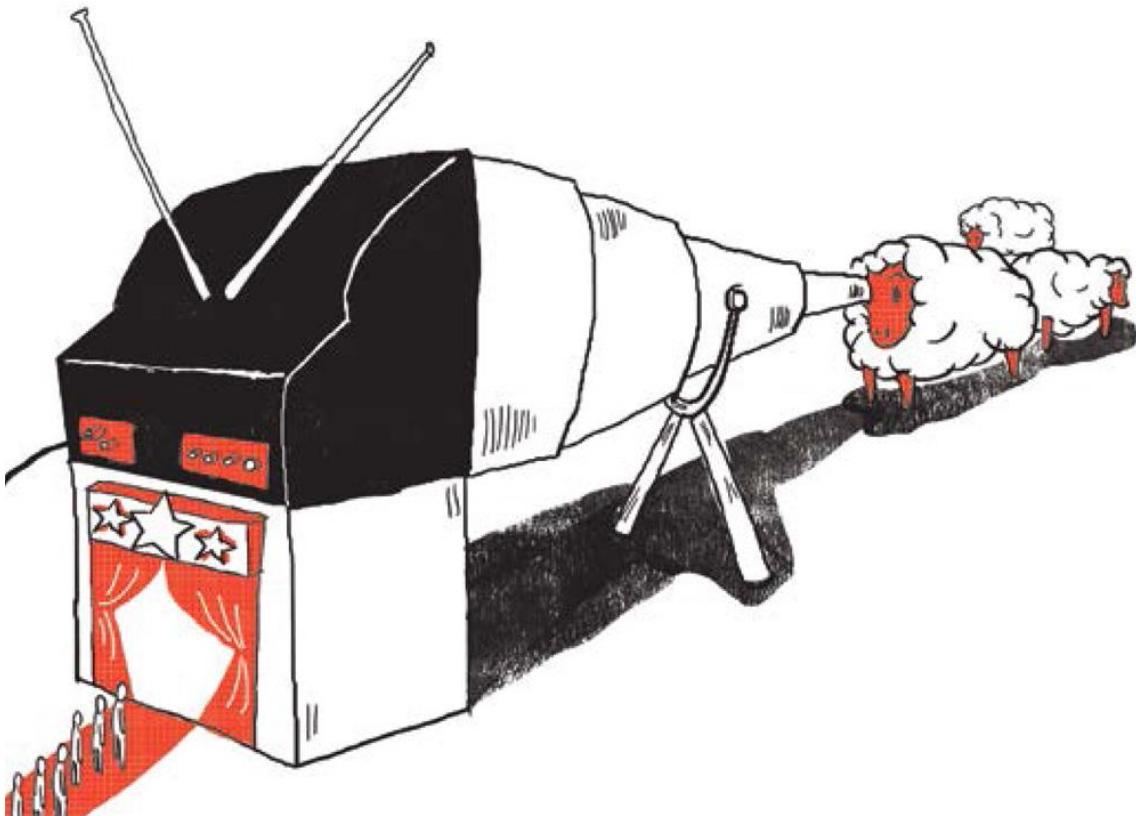
Trào lưu chạy theo “phong cách châu Âu” này sẽ kéo dài bao lâu? Nhiều người cho rằng đây chỉ là một cái mốt nhất thời - tôi không nghĩ vậy. Vào mùa cưới, ngày ngày, hàng hàng lớp lớp các đôi nam nữ vẫn đứng trên vỉa hè trước khách sạn Metropole hay Tràng Tiền Plaza để chụp ảnh cưới. Đằng sau họ là những người mẫu châu Âu của Hermes và Prada, đặt trong những khung cửa châu Âu cổ kính. Sự hấp dẫn của phương Tây là vô tận, một phương Tây của *quý tộc* (cái từ nghe mới tuyệt vời làm sao), điểm xuyết bởi những biểu tượng tiêu dùng đương đại xa xỉ. Trong sự đảo điên của giá trị và bấp bênh của thế giới xung quanh, bộ bài trùng Louis XIV và Louis Vuitton vừa là cái neo giữ họ lại, cho họ niềm tin, vừa là ánh sáng dẫn đường cho một tương lai lãng mạn đáng thèm muốn.

Louis XIV chắc không bao giờ nghĩ rằng ông lại ruột thịt như thế với người Việt. Cách đây hai năm, Bộ Xây dựng, trong một cố gắng lẻ loi, ban hành một quy định yêu cầu các địa phương không xây dựng các công trình nhại kiến trúc cổ điển Pháp, với mục tiêu phát triển kiến trúc phù hợp với điều kiện và văn hóa địa phương, tạo ra bản sắc vùng miền. Ngay lập tức, báo chí và người dân phản ứng gay gắt. Ba tháng sau, Bộ Xây dựng tuyên bố quy định này là một “lỗi đánh máy”.

Người Việt có thể chịu mất mát nhiều thứ, nhưng không ai có thể lấy được Louis XIV ra khỏi cuộc sống của họ.

Tháng Tư 2015

QUẢNG GÁNH LO ĐI VÀ XEM TRUYỀN HÌNH THỰC TẾ



Sau nhiều năm làm mưa làm gió trên màn ảnh nhỏ, vị trí thống trị của phim tập Hàn Quốc đang bị lung lay. Thách thức tới từ truyền hình thực tế. Tuy đa dạng, nhưng các chương trình này có một điểm chung cơ bản: thay vì cần tới diễn viên chuyên nghiệp và một kịch bản cầu kỳ, người ta để công chúng thi thố nhau trong một chuyện gì đó. Chỉ trong vòng hai, ba năm qua, số lượng chương trình thuộc thể loại này đã bùng nổ. Bắt đầu với các show có bản quyền nước ngoài như *Thần tượng âm nhạc*, *Giọng hát Việt* (ca hát), hay *Bước nhảy hoàn vũ*, *Thử thách cùng bước nhảy* (nhảy múa), qua *Vietnam's Next Top Model*, *Project Runway* (thời trang),

rồi *Ơn giời, cậu đây rồi!* (hài), và *Vietnam's Got Talent* (tổng hợp), các chương trình thuần Việt như *Điều ước thứ 7*, *Hoa khôi áo dài*, *Vợ chồng mình hát*, *Solo cùng bolero*, v.v... cũng đã mọc lên như nấm sau mưa. Năm qua, một loạt các phiên bản cho thí sinh trẻ em ra đời, mở ra một hướng khai phá mới. Tới nay đã có tổng cộng gần 40 chương trình nội ngoại khác nhau, cạnh tranh khốc liệt các khung giờ vàng trong cả tuần. Chúng hút khách tới mức giá quảng cáo lên tới 350 triệu đồng cho 30 giây, doanh thu cho mỗi chương trình lên tới hàng trăm tỷ đồng, với chi phí sản xuất thấp hơn chi phí các chương trình truyền thống rất nhiều.

Vì sao những ngôi sao Hàn xinh đẹp lại có thể bị cạnh tranh bởi mấy cô cậu nghiệp dư nào đó ở Thái Bình hay Lào Cai? Một trong những điểm tạo nên sức hút của truyền hình thực tế là nó đánh vào lòng hiếu kỳ của người xem. Bằng các tiết mục dự thi kỳ dị như nuốt cá kẻo sống hay xỏ răn lục vào mũi rút ra từ miệng, giống một gánh bán thuốc rong; bằng các xung đột, thị phi thật hay giả giữa các thí sinh và giữa thí sinh với giám khảo; bằng các màn trình diễn của các thí sinh bất tài, bị đem ra cười nhạo công khai trước cả nước. Cộng lại, chúng thu hút người xem như một đám ấu đả ngoài đường. Helmut Thoma, giám đốc hãng truyền hình tư nhân RTL có tiếng là thương mại câu khách của Đức, nói thẳng toẹt: "Truyền hình thực tế là cái may mắn được chứng kiến một tai nạn."

Không chỉ thỏa mãn lòng hiếu kỳ bằng những cái rẻ tiền, truyền hình thực tế còn xây dựng quyền lực của mình bằng các thủ thuật tinh vi khác. Dưới cái vỏ "giải trí" vô hại, nó truyền tải những triết lý sống và thế giới quan gây ảnh hưởng sâu sắc tới xã hội.

Một trong những kỹ thuật kinh điển của truyền hình thực tế là lấy cái nghèo và người nghèo ra để kích dục thương hại và để tăng lớp khán giả trung lưu khẳng định đặc quyền của mình. Trong *Sống khác*, với khẩu hiệu “Vượt qua thử thách”, một số thanh niên thành phố được giao cho những việc mưu sinh của người nghèo. Một cậu ấm trắng trẻo phải đi kéo xe bò. Bà Tung được giao nhiệm vụ đi bán chó con (và phần lớn thời gian bận rộn chụp selfie với người hâm mộ qua lại). Hai nữ sinh phải ngủ qua đêm cùng một gia đình nghèo. Camera dùng kỹ xảo biến căn lầu tối tăm thành một căn nhà ma rùng rợn, rồi cận cảnh các cô đang thút thít vì sợ. Hôm sau, các cô đóng vai hiệp sĩ, vượt qua “thử thách” là nấu cơm bằng bếp củi, đãi gia đình chủ nhà một bữa thịnh soạn.

Đáng nói là chương trình không chọn cách đi theo người nghèo để xem họ vật lộn với cuộc sống, ngày qua ngày, không có hồi kết, như thế nào. Bởi như thế thì nó lại là thực tế mất rồi, không phải truyền hình thực tế nữa. Cái mà người xem muốn không phải là cái thực tại trần trụi ngoài kia, mà chỉ là một trò chơi “bắt chước” người nghèo, rồi bố thí cho họ, để rồi cả nhà sản xuất, người tham gia và người xem cùng hài lòng là mình nhân văn.

Trẻ em là cái cần câu cơm khác của truyền hình thực tế. Hơn mọi chỗ khác, ở đây cái kịch cỡm và cái sến sẩm ra sức thi tài với nhau. Một bé gái 6 tuổi hát các bài tình ca sướt mướt. Một cậu 11 tuổi hóa trang như ca sĩ da đen Mỹ thập kỷ 1970, đánh hông tục tĩu sau lưng một bé gái 7 tuổi. Một bé gái đang thay răng cửa mặc váy cứng đơ bó chặt như khỉ nhảy disco trên sân khấu mù mịt khói.

Phụ huynh, người làm chương trình, và người xem, mỗi người bóc lột lũ trẻ cho mục đích riêng của mình. Lũ trẻ bị biến thành

những người lớn thu nhỏ, những sản phẩm giải trí, và để dễ dàng tiêu thụ, chúng được nhét vào một số các khuôn mẫu nhân tạo. Ni cô mồ côi Huyền Trân 14 tuổi thì đã “thấu hiểu sự đời”, Ngọc Anh khiếm thị 12 tuổi thì luôn ảo não “mưa rơi trong lòng làm mình cô đơn”. Chúng cư xử như những người máy tí hon. “Con biết, con đường phía trước còn nhiều khó khăn,” một thằng bé 6 tuổi cương nghị nói, rồi chỉ ngón trỏ vào camera như người Mỹ vẫn hay làm. Một bé gái 6 tuổi khác nói như súng máy: “Nếu con thắng con sẽ đưa bố mẹ và anh Hai con đi du lịch, bố mẹ và anh Hai con chưa bao giờ được đi du lịch hết, và cả con cũng vậy,” đoạn đặt tay phải lên tim rồi nháy mắt với người xem.

Cô bé răng sún chưa bao giờ đi du lịch kia là một ví dụ điển hình cho một công thức khác hay được áp dụng: nhiều thí sinh được trình bày như những cứu tinh cho gia đình mình. Xuất thân lao động của chúng được nhấn mạnh qua những biệt hiệu như “cậu bé chăn dê” hay “cô bé bán kẹo kéo”. Những hoàn cảnh éo le, làm mũi lòng vừa đem tới người xem một cảm giác mùi mẫn, vừa cho họ một ảo giác quyền lực rằng họ có thể ảnh hưởng tới cuộc sống của người khác khi bỏ phiếu để một thí sinh đi tiếp. Ảo giác này làm họ quên đi cảm giác bất lực trước cuộc sống của bản thân mình. Theo giáo sư Beverley Skeggs, tầng lớp lao động Anh nhìn thành công của Susan Boyle, một phụ nữ trung niên, nghèo và xấu, trong *Britain's Got Talent*, như một minh chứng rằng vẫn có một cơ hội cho những người mà dường như đã bị tất cả các cánh cửa đóng sập trước mặt. Những câu chuyện như thế nuôi dưỡng những tưởng tượng về một thế giới công bằng và có hậu. Theo một khảo sát ở Anh, sau khi xem show The X Factor (phiên bản tiếng Việt là *Nhân tố bí ẩn*), 39% cảm thấy là trên đời này “mọi thứ đều có thể”.

Trong vũ trụ của truyền hình thực tế, các giám khảo, tư vấn, huấn luyện viên hiện ra thông thái và nghiêm khắc, thuộc về một đẳng cấp khác. Họ như những người canh cửa vào một thế giới hạnh phúc, mãn nguyện và đầy đủ. Trong một buổi chung kết của *Giọng ca Việt nhí*, một giám khảo phấn khích tuyên bố: “Từ hôm nay các con đã trở thành nghệ sĩ, cuộc sống của các con sẽ tuyệt vời!” Câu này đúc kết một cách nhìn thế giới mới. Cuộc sống của các con sẽ tốt đẹp không phải vì các con được yêu thương, các con được học hành. Không, cuộc sống của các con sẽ tuyệt vời khi các con được show biz chấp nhận.

Truyền hình thực tế tạo ra sự đói khát nổi tiếng. Điều quan trọng trong cuộc sống, nó dạy ta, đó là hào quang trên sân khấu và sự chú ý của đám đông. Theo một khảo sát ở Anh, cứ 10 thiếu niên thì có một người sẵn sàng bỏ học để xuất hiện trên TV. 16% tin rằng rồi chúng sẽ nổi tiếng. *Vietnam Idol 2015* thu hút 30.000 thí sinh dự thi. Hai vợ chồng hát rong Đào và Thanh trong *Điều ước thứ bảy* đặt tên con là Sao Mai để mong sau này nó được lên *Sao Mai điểm hẹn*. Trong *Vietnam Next Top Model*, một thí sinh xuất thân nông thôn sung sướng nói vào ống kính: “Tôi rất phấn khích, tôi cảm thấy mình như một người nổi tiếng.”

Quả thật, chứng kiến một cô gái cao lêu đêu lóng ngóng quê mùa, chỉ sau mấy tập của *Vietnam Next Top Model* đã treo mình bên ngoài vách kính của một cao ốc hiện đại làm người mẫu cho một bộ ảnh thời trang, người xem truyền hình khó tránh được cảm giác mình đang chứng kiến một cuộc hóa thân ngoạn mục, như câu chuyện cô gái bình dân may mắn gặp hoàng tử.

Truyền hình thực tế đã trở thành thuốc phiện mới của quần chúng. 40% diện tích đồng bằng sông Cửu Long có thể sẽ bị nhấn

chìm bởi ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ư? Mỗi năm hàng nghìn ha rừng ở Tây Nguyên bị tàn phá và lấn chiếm ư? Hãy để những chuyện đó sang một bên, đừng làm tốn mất tập trung, cuộc đua giữa “hoàng tử tóc xoăn” và “cô bé khiếm thị” đang gay cấn. “Quảng gánh lo đi và xem truyền hình thực tế” là khẩu hiệu sống mới.

“Khi dân chúng bị sao nhãng bởi những điều tầm phào, khi đời sống văn hóa được tái định nghĩa thành một cuộc giải trí vĩnh cửu, khi những hội thoại nghiêm túc trở thành cái bập bẹ của trẻ nhỏ,” nhà phê bình Neil Postman viết trong cuốn *Tiêu khiển cho tới chết: Diễn ngôn công trong thời đại show biz* của ông, “tóm lại, khi người dân trở thành khán giả, những quan tâm của họ thành trò tạp kỹ, thì một dân tộc đang gặp hiểm nguy; cái chết về văn hóa là một khả năng rõ ràng.”

Gần đây, báo chí đã ca thán khá nhiều về sự nhạt nhẽo và tình trạng bão hòa của các show truyền hình thực tế ở Việt Nam, và kêu gọi xã hội cần “tĩnh táo”. Liệu chúng ta có thể hy vọng làn sóng truyền hình thực tế sẽ có điểm dừng?

Các tác giả Đức Georg Seeßlen và Markus Metz cho rằng không. Sự nhố nhăng, kịch cỡm, thô thiển và rẻ tiền của các chương trình này, các cố gắng gây sốc, gây sốt của chúng sẽ vẫn tiếp tục. Hai tác giả gọi các ngành công nghiệp truyền thông, quảng cáo, show biz, thời trang hiện đại là những cỗ máy làm con người ta trở nên dần dần. Trong cuốn *Những cỗ máy làm dần: Quá trình sản xuất ra sự ngớ ngẩn*, họ cảnh báo là quá trình dần dần hóa này sẽ luôn tiếp diễn. “Một đặc điểm cơ bản của cỗ máy làm dần này là nó muốn tạo ra giải trí bằng mọi giá. Mục tiêu của nó là tăng trưởng vô độ, và do đó, sự sản xuất ra những tiêu khiển liên miên một mặt gây

cảm giác thừa mứa, mặt khác tạo ra mong muốn có thêm những tiêu khiển nữa, mới hơn, dần dần hơn.” Nói nôm na, giống như với bất cứ thói nghiện nào, càng ngày người ta càng cần những liều nặng đô hơn. Họ thêm khát cái khoái cảm chốc lát mà không biết là mình đang đi vào bần cùng, ở đây là bần cùng về tinh thần.

Với triết gia người Đức Norbert Boltz, sự khác nhau giữa trước kia và ngày nay là trước kia cái thô thiển và rẻ tiền phải bị giấu giếm đi, còn ngày nay chúng chiếm những vị trí quan trọng nhất, dương dương tự đắc, vì chúng đem lại nhiều tiền nhất.

Theo nhà nghiên cứu truyền thông Mỹ George Gerbner, người kể những câu chuyện văn hóa cũng là người chỉ phối các hành vi của con người. “Trước kia, người kể chuyện là cha mẹ, trường học, tôn giáo, cộng đồng,” ông chỉ ra thêm một thay đổi nữa trong xã hội. “Ngày nay, đó là một nhóm nhỏ các công ty, họ không có gì để kể nhưng lại có rất nhiều thứ để bán.”

Chúng ta đã trở thành những con bò ngoan ngoãn ăn cỏ trong chuồng của những tập đoàn truyền thông. Trong cơn đói tiêu khiển vô độ, chúng ta đã quên mất rằng mình không còn tự do.

Tháng Năm 2015

THAY CHO

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ⁽¹⁾

Là tiến sĩ kinh tế người Áo gốc Việt, anh đã có một cuộc sống có thể nói là giấc mơ với rất nhiều người Việt tại một quốc gia phát triển hàng đầu châu Âu. Vì sao anh quyết định về nước?

Mỗi người có một giấc mơ khác nhau. Người thì mong có một công việc ổn định, thu nhập cao, người lại chỉ muốn leo được lên đỉnh Everest. Tôi muốn có một môi trường mới mẻ, gặp được những người thú vị, làm được nhiều điều khác nhau. Tôi ưa thích một tương lai bất ngờ, khó đoán định; và không muốn một lộ trình được vạch ra rõ ràng...

Anh trở về Việt Nam vì muốn tìm một tương lai mạo hiểm hơn ư?

Cuộc sống ở Việt Nam nhiều bất ổn hơn, nhưng cũng thú vị hơn nhiều cuộc sống ở châu Âu...

Ở góc độ nào?

Bất ổn vì tỉ lệ tai nạn giao thông cao hơn, nền y tế không hiện đại bằng, mua nhà đất thì cũng rủi ro vì chả biết khi nào bị thu hồi, v.v...

Nhưng ở Việt Nam người ta có thể thử nghiệm bản thân trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Điều này chỉ có thể làm được trong một xã hội chưa có độ chuyên môn hóa cao. Ở phương Tây, mỗi người có một chỗ đứng như một mắt xích trong dây chuyền xã hội. Việt Nam đang chuyển dịch, đang đầy những đứt gãy xã hội, những xung đột về giá trị và văn hóa trong quá trình toàn cầu hóa. Điều này thực sự thú vị, tuy rằng có thể gây hoang mang.

Có nghĩa giấc mơ phương Tây sẽ không tròn trịa khi ở trong nó? Anh từ bỏ “thiên đường châu Âu” để về với “sự lộn xộn” của Việt Nam?

Nếu đã sống ở nhiều nơi, bạn sẽ thấy không có nơi nào hoàn hảo cả. Ở đâu cũng có cái hay và cái dở, nhưng chắc chắn không có xã hội nào chỉ lung linh như một giấc mơ. Ở đâu thì khả năng bạn không hạnh phúc cũng khá cao.

Phương Tây có thể sạch sẽ và giàu có, nhưng không phải thiên đường. Tuần trước CNN vừa đưa tin là ở một thành phố Mỹ, một người phụ nữ độc thân đã chết trong nhà, và chỉ sau năm năm người ta mới phát hiện ra, khi lệnh trả tiền tự động hằng tháng của bà ta không được thực hiện nữa vì tài khoản của bà ta hết tiền. Trong năm năm đó, không có người thân, bạn bè, hàng xóm nào để mắt xem bà ta sống chết thế nào.

Sự lộn xộn, nhếch nhác ở Việt Nam gắn liền với mức phát triển kinh tế của chúng ta, nó không có gì đặc thù Việt. Các nước đang phát triển khác cũng lộn xộn, bụi bặm, thiếu quy củ như vậy. Cũng khó mà yêu cầu những người nghèo đang vật lộn hằng ngày phải lịch sự, đi nhẹ nói khẽ, và nhường nhịn người xung quanh. Những người không còn nghèo nữa thì vẫn mang thói quen từ thời bao cấp đã ăn sâu trong tiềm thức, nên họ vào resort cao cấp rồi mà vẫn chen lấn nhau khi lấy đồ ăn.

Anh có vẻ lạc quan về “thói xấu” của người Việt?

Tôi chỉ muốn đưa ra những phân tích và lý giải - khi hiểu vì sao họ lại xử sự như vậy thì ta cũng dễ yêu thương và thông cảm với họ hơn.

Người Việt mỗi khi bức xúc hay nói: “Ở Tây khác lắm, Tây sẽ không thế đâu.” Người “từ bến về” như anh có đồng tình?

Không có văn hóa nào lại ưu việt toàn phần hơn các văn hóa khác. Tôi ngạc nhiên thấy tâm lý sùng bái phương Tây hiện hữu

đến vậy ở Việt Nam. Theo tôi, phương Tây đang có những bế tắc trong xã hội, trong quan hệ giữa người và người. Nói một cách thật khái quát thì chừng nào lệnh chuyển tiền tự động của bạn vẫn hoạt động, không ai quan tâm bạn sống hay chết.

Có lý do gì để anh “phá” giấc mơ phương Tây thế nhỉ? Giấc mơ phương Tây đang được thể hiện rõ qua khát vọng đưa con đi du học để đổi đời của người Việt, thậm chí có thể bán nhà bán cửa nếu cần?

Giấc mơ này rất mâu thuẫn và hời hợt. Họ muốn con họ có bằng cấp của Tây, nhưng nếu chúng thấm nhuần văn hóa và suy nghĩ phương Tây - ví dụ con gái không chịu lấy chồng, hay con trai mà đi học triết học - thì họ sẽ rất hết hoảng. Người Việt không muốn thành phương Tây đâu, họ chỉ mơ cuộc sống vật chất phương Tây mà thôi. Có thể nói là giấc mơ phương Tây bị mắc kẹt trong cái bảo thủ phương Đông.

Nhưng anh nói rằng phương Tây đang “thèm khát” văn hóa gia đình, bạn bè của người phương Đông mà?

Đúng vậy, nhưng không nên cực đoan quá. Phương Tây đặt cá nhân lên trên hết, và làm con người mất phương hướng. Người Việt lại quá lo lắng xem tập thể nghĩ gì về mình, khiến họ tự đàn áp cái tôi của mình. Điều này làm thui chột sự sáng tạo và khiến người ta khổ sở.

Người Việt cũng hay rơi vào giữa hai thái cực cực đoan, khi thì kiêu ngạo, nghĩ mình là ưu tú hơn hết, lúc thì tự ti, coi mình thuộc loại vô phương cứu chữa.

Điều gì khiến anh thấy khó chịu nhất khi sống ở phương Tây?

Họ cao to quá, mình nhỏ bé hơn nhiều (theo nghĩa đen), khi nói chuyện mình cứ phải ngước hết cả lên, mỏi cổ và khá khó chịu.

Nghiêm túc hơn: xã hội phương Tây coi trọng thành công vật chất. Xe xịn, nhà to, những chuyến đi đặc biệt... là những khát vọng cơ bản thúc đẩy xã hội phương Tây vận hành. Việt Nam cũng vừa đi lên con đường cao tốc này. Chúng ta đang có hai loại đền thờ, một là chùa chiền để người ta tới cầu may từ thánh thần. Loại thứ hai là các shopping mall thờ chủ nghĩa vật chất, người ta tới chiêm ngưỡng hàng hiệu như một trải nghiệm gột rửa tâm linh.

Để mỗi cá nhân hội nhập thành công, theo anh yếu tố cốt lõi là gì?

Nên tôn trọng bản thân, không quá lo lắng xem mọi người sẽ phản ứng như thế nào. Hãy coi mình là một cá thể độc lập, trước khi băn khoăn mình có làm mất thể diện của họ tộc nhà mình, làng mình, tỉnh mình, và quốc gia của mình hay không.

BI THƯƠNG NGƯỢC DÒNG CHẢY THÀNH SÔNG

Tác giả chỉ nhờ tôi viết lời bạt. Nếu anh tham khảo tôi từ lúc đặt tên, có thể tôi sẽ đề xuất với anh một cái tên lâm li hơn, theo kiểu tản văn của các tác giả trẻ hay là ngôn tình Trung Quốc bây giờ. Kiểu như là *Bi thương ngược dòng chảy thành sông* của Quách Kính Minh chẳng hạn.

Đặt tên thế nhiều khả năng sẽ bán chạy hơn. Vài vạn bản. Bạn thấy đấy, chúng ta sống trong một thời đại mà ở những bữa ăn ngon nhất, khung cảnh lãng mạn nhất, trên những nền tảng công nghệ tiện ích nhất, ta vẫn phải quay quắt với câu hỏi điều gì đang diễn ra trong xã hội mình. Đâu đó trên mặt báo sáng nay, trên vỉa hè chiều nay là một câu chuyện đắng chát. Những chuyện ấy, ta kể cho nhau nghe khi ăn cơm. Một thời đại thực sự bi thương.

Sách của anh Giang buồn. Chính luận mà buồn. Vì nước ta bây giờ cái gì cũng có vẻ buồn. Tôi thấy nhiều nhà báo quanh tôi bây giờ thay vì viết chính luận lại đăng thơ Lưu Quang Vũ lên facebook. Thơ rất buồn. Anh Giang kể chuyện nhân viên của cái trường đại học, gom những phong bì lại, để ngoan ngoãn đi ăn giỗ mẹ-ông-hiệu-trưởng, tôi thấy buồn. Anh lập luận về nền du lịch Việt Nam đang đi đến cái nước “rồi tất cả sẽ trở thành Đồ Sơn”, tôi cũng thấy buồn. Anh bênh người nghèo, tôi càng buồn, vì sao người nghèo đã đi đến cái nước cần phải được bênh vực trước sự lạnh lùng của dân thị thành?

Đặt tên lãng mạn một chút cũng không sao. Bởi sự bi thương mà chúng ta đang nếm trải trong thời đại này là một thứ gì rất xa vời như tiểu thuyết. Chuyện ở đây phố bên kia, nghe như chuyện trong tiểu thuyết Balzac thế kỷ 19, đau lòng như thế và xa xôi như thế. Chẳng phải là chuyện của bất kỳ ai.

Anh Giang là một nhà khoa học, anh sẽ không đồng ý với tôi. Anh sẽ nói rằng đây là một cuốn sách thực sự nghiêm túc mang tinh thần phản biện xã hội, với những luận cứ trùng trùng của một người uyên bác. Sự nhiệt huyết, chân thành và trọng thị của tác giả, trong việc phân tích những bi thương, rất cuộc, tôi cũng không biết có phải là một loại bi thương không.

Nhưng cuối cùng, trong thâm tâm, tôi mong tác giả sẽ giữ tinh thần của cuốn sách này được nhiều năm nữa để tôi còn có cái mà đọc, không bị ảnh hưởng bởi những thứ quan điểm thị trường và sự lãng mạn kiểu đô thị như tôi. Một góc nhìn thẳng thắn và tỉnh táo, xoáy vào nhiều vấn đề bằng một con dao mổ sắc cạnh của tri thức.

Ngày trước, tôi yêu một cô gái học trường Y. Cô thần tượng những con dao mổ. Chúng nhỏ bé, tinh xảo và toát lên vẻ nghiêm khắc của nghề chữa bệnh. Là một thứ biểu tượng của tinh thần khoa học. Dao mổ đắt tiền, sinh viên không dễ mà mua được. Cô ấy tìm mua đâu được một con dao mổ cũ cho thỏa cơn thèm. Tôi nhớ có lần, chúng tôi chơi đùa, tôi đã thử ấn ngón cái vào lưỡi dao xem sao. Nó đúng là thứ chẳng mang một tí lãng mạn nào.

Từ lâu, những cây viết của nước ta vẫn dùng dao gọt hoa quả có lưỡi lượn sóng để mổ xẻ các vấn đề, như chính tôi, bạn đã thấy: chỉ làm cho bi thương trở thành một thứ lãng mạn và dễ đọc, dễ bán. Bản thân tôi khi ăn sushi cũng hay cười nói rồn rảng với tư cách một người chiến thắng của nền xuất bản. Chúng ta thiếu những con dao mổ lạnh, nằm trong những bàn tay ấm.

Cuốn sách với cái tên kiểu này sẽ khó mà bán chạy được. Lại là một kiểu nổi buồn. Nhưng bạn sẽ hiểu tại sao nó lại ra đời, ở ngay những trang đầu, trong bài *Vẻ đẹp của người chạy marathon về chót*.

ĐINH ĐỨC C HOÀNG

VỀ ĐẸP CỦA NGƯỜI CHẠY MARATHON VỀ CHÓT

Mỗi khi có dịp tới xem một cuộc chạy marathon, tôi thường không quan tâm lắm tới người vô địch và liệu anh ta có phá được kỷ lục này nọ hay không. Tôi thấy những người về chót thú vị hơn nhiều. Lần nào cũng vậy, khi những người thắng cuộc đã lên bục nhận giải, chụp ảnh, trả lời truyền hình, rồi đã về nhà tắm rửa xong, thì nhóm người này vẫn hì hục, nhẩn nại ở những cây số cuối cùng. Tôi đứng ở ven đường để ngắm lòng quyết tâm đầy đau đớn của họ. Thường khi họ rẽ vào khúc ngoặt cuối cùng dẫn tới đích thì các băng rôn đã được tháo xuống từ lâu, cũng không còn ai đứng ở vạch đích để bấm thời gian cho họ, và người xem cũng đã ra về gần hết. Bám sát gót những người đang lê lét này là các nhân viên vệ sinh khua chổi quét đường.

Tôi không để ý tới những người về đầu vì họ là dân chuyên nghiệp, họ sinh ra để dẫn đầu, họ có tố chất để làm điều siêu phàm. Những người về cuối thì hiểu rằng họ không có vai trò gì trong cái cuộc thi thố này. Họ chẳng đem lại vinh quang cho ai, mà thất bại của họ cũng không làm ai mảy may quan tâm. Động cơ để họ cắn răng lê bước tiếp không phải là những gửi gắm của một tập thể, chẳng phải là danh dự của một quốc gia, hay danh tiếng của bản thân mà họ cần phải bảo vệ. Họ đơn thuần búng bình và có thể hơi điên rồ. Họ tiếp tục chỉ vì bỏ cuộc không phải là lựa chọn của họ.

Cái búng bình và điên rồ của những con người bình thường này có cái gì đó thật lôi cuốn tôi. Nó làm tôi liên tưởng tới câu

chuyện mà tôi mới được biết về em bé sáu tuổi da đen Ruby Bridges - cũng là một cuộc chạy marathon, nhưng ở dạng khác.

Vào cuối những năm 1950, bang New Orleans ở Mỹ đã xóa bỏ sự phân biệt màu da ở các thư viện, trên xe buýt và ở các công viên công cộng, duy ở các trường học thì vẫn không. Năm 1960, một tòa án liên bang ra quyết định bắt chính quyền bang này phải cho phép học sinh da đen tới các trường vốn dành cho da trắng. Ruby đăng ký học lớp một ở một trường gần nhà. Em sẽ là học sinh da đen đầu tiên và duy nhất của trường vào năm đó. Ngày nhập trường, bốn cảnh sát tòa án liên bang hộ tống Ruby và mẹ em tới trường trong một chiếc xe limousine lớn. Đợi họ ở cổng trường là một đám đông da trắng giận dữ, gào thét, chửi rủa. Xuống xe, hai cảnh sát đi trước, hai đi sau để bảo vệ, họ đi dọc những bức tường đầy vết cà chua và những dòng chữ thóa mạ. Một người đàn bà da trắng gào lên: “Tao sẽ đầu độc mày, tao sẽ tìm được cách.” Nhớ lại hành trình đi qua đám đông hung dữ đó, một cảnh sát liên bang nói về Ruby: “Em không khóc. Em không thút thít. Em chỉ rảo bước đi, như một người lính bé nhỏ. Tất cả chúng tôi đều rất tự hào về em.”

Cả ngày hôm đó, hai mẹ con không dám bước chân ra khỏi phòng hiệu trưởng. Qua vách kính, họ chứng kiến cảnh các phụ huynh da trắng xông vào trường và giận dữ kéo con mình ra ngoài.

Ngày hôm sau, cảnh sát lại hộ tống Ruby, đám đông da trắng lại gào thét ở cổng trường. Ấm ảnh nhất với Ruby là hình ảnh một chiếc quan tài với một búp bê da đen nằm bên trong. Bên trong trường vắng tanh, không có một học sinh nào khác ngoài em. Toàn bộ các giáo viên cũng từ chối đứng lớp. Toàn bộ, trừ một cô giáo

trẻ tên là Barbara Henry. Hôm đó, cô bắt đầu dạy bảng chữ cái, như trước một lớp học bình thường. Và trong một năm học đó, ngày này qua ngày khác, lớp chỉ có một thầy một trò.

Đọc những dòng trên thật dễ dàng, chỉ vài giây là xong. Nhưng chúng ta hãy dừng lại một chút để hình dung ra những gì mà Ruby và gia đình em đã trải qua. Một năm trời lủi thủi một mình, không có bạn chơi, một năm trời một đứa bé lớp một hứng chịu sự căm thù của người lớn. Cái giá phải trả không chỉ là sự cô đơn và khủng bố tinh thần mà Ruby sáu tuổi phải trải qua hằng ngày. Bố Ruby bị đuổi việc vì sự căm gan của mình. Cửa hàng thực phẩm quen từ chối bán hàng cho mẹ em. Ngay cả ông bà của Ruby ở Mississippi cũng bị đuổi khỏi mảnh đất mà họ đã thuê để trồng trọt trong 25 năm qua, khi câu chuyện lan tới bang này.

Trong năm đó, mỗi ngày là một cơ hội để Ruby chuyển sang trường tiểu học khác, nơi các bạn da đen của em đang học với nhau, và cuộc sống sẽ trở lại bình thường, sẽ như cũ. Bố mẹ Ruby không phải những người hoạt động xã hội hay tham gia chính trị gì. Với một đứa bé sáu tuổi, với một gia đình lao động nghèo và ít học, sự căm dỗ để bỏ cuộc đã phải lớn tới mức nào. Thật khó mà lý giải được sự bướng bỉnh và điên rồ nơi họ. Họ vẫn tiếp tục vì bỏ cuộc không phải là lựa chọn của họ. Vì “như cũ” không phải là điều họ muốn.

Chúng ta hay có xu hướng bám lấy những người siêu phàm, những người được cho rằng một tay thay đổi thế giới, mà bỏ qua câu chuyện của những kẻ người trần mắt thịt như chính bản thân chúng ta, những người lê lết đau đớn ở cuối đoàn marathon, những người như em Ruby. Đây là một điều đáng tiếc. Bởi vì khi chúng ta bị thu hút bởi những người xuất chúng và nổi tiếng,

chúng ta dễ rơi vào tâm lý chờ đợi, phó thác. “Cái thể chế này nó thế,” chúng ta nói, và khoanh tay chờ đợi. Chúng ta đợi một Lý Quang Diệu mới xuất hiện để bộ máy công quyền trơn tru hơn, đợi một Mẹ Teresa mới để lòng tử tế nảy nở trong cộng đồng, đợi một Martin Luther King mới để sự bình đẳng được lan truyền trong xã hội.

Khi Ruby lên lớp hai, em không cần cảnh sát liên bang hộ tống nữa. Không còn đám đông la ó trước cổng trường nữa. Trẻ em da trắng lại tới trường, cùng với Ruby và thậm chí cả vài học sinh da đen khác.

Điểm chung trong cuộc vật lộn của những con người vô danh này là họ hành động vì họ cho rằng họ cần làm như vậy, không phải vì có người khác nhìn vào họ, trông chờ vào họ, hay trao nhiệm vụ cho họ. Họ không đại diện cho ai cả, và có lẽ sự kiên cường của họ đến từ điểm này. Những cuộc marathon bướng bỉnh và điên rồ của những con người bé nhỏ, nếu may mắn như trong trường hợp của Ruby thì được nhắc tới trong một chú thích bé tí của lịch sử, nhưng phần lớn xảy ra âm thầm, không ai biết tới.

Nhưng tôi tin rằng không có họ thì cũng không có thay đổi trong xã hội.

Tháng Hai 2014

CÁI TÁT HỮU HÌNH CỦA BÀN TAY VÔ HÌNH



Trong một thời gian dài, Việt Nam tin rằng nhà nước có thể làm được mọi việc. Cho tới tận giữa những năm 1990, người ta đi theo cơ chế kinh tế kế hoạch. Điều đó có nghĩa là hằng năm, người ta phải lên kế hoạch năm đó Việt Nam sẽ phải sản xuất bao nhiêu mét vải, bao nhiêu cái kim, bao nhiêu cái cúc, sẽ phải có bao nhiêu máy khâu để bao nhiêu người thợ may sử dụng trong bao nhiêu nhà máy may mặc, rồi phải chở quần áo bằng bao nhiêu xe tải tới bao nhiêu cửa hàng và bán với giá như thế nào. Một bài toán có độ phức tạp khổng lồ, và như chúng ta đã biết, giấc mơ vĩ đại mang tên kinh tế tập trung đã phá sản, nhưng chỉ sau khi đã kéo đất nước xuống đáy của nghèo đói.

Thay vào đó là sự thông thái và uyển chuyển của nền kinh tế thị trường. Bàn tay vô hình của thị trường, nói theo Adam Smith, sẽ khéo léo điều tiết nhịp nhàng giữa cung và cầu mà nhà nước không cần can thiệp. Nó sẽ thiết lập mức giá cả, dịch chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu, nhân lực, và vốn đầu tư từ chỗ này qua chỗ khác, tất cả để phục vụ cho mục đích tối cao là kẻ bán và người mua gặp nhau. Điều duy nhất mà nhà nước phải bảo đảm để bàn tay của thị trường biểu diễn điệu múa vô hình là tạo ra sự yên tâm cho các bên, bên sản xuất và bên tiêu dùng: tài sản cá nhân được bảo vệ, các hợp đồng được tuân thủ dưới con mắt theo dõi của pháp luật, và thông tin được lưu thông để những người tham gia thị trường có những quyết định mua bán hợp lý.

Không còn nghi ngờ gì nữa, sự chuyển dịch từ kinh tế tập trung sang kinh tế thị trường đã là yếu tố quyết định cho quá trình tăng trưởng kinh tế ngoạn mục của Việt Nam trong hai thập kỷ qua. Trong khi các siêu thị và shopping mall trở thành những đền thờ

tôn vinh chiến thắng của thị trường tự do, thì những thảm họa của các tập đoàn nhà nước trong mấy năm gần đây là những minh chứng vì sao nhà nước nên để sân chơi cho các công ty tư nhân. Một nền kinh tế bị chi phối chủ đạo bởi khu vực nhà nước là một nền kinh tế kém hiệu quả, kém cạnh tranh, kém sáng tạo, trì trệ, và là nơi ảm thấp để tham nhũng nảy nở.

Tuy nhiên, trước khi cổ súy hết mực cho thị trường tự do, chúng ta cần ý thức được về những điểm yếu của nó, những điểm yếu không hề nhỏ - thậm chí đã trở thành vấn nạn cho các quốc gia, đã đạt tới mức khủng hoảng toàn cầu. Khi nào thì điệu múa của bàn tay vô hình trở nên những chuyển động điên rồ làm ta điên đảo? Người đầu tiên viết về những bất cập của thị trường là Francis Bator, với bài *Phân tích sai lầm của thị trường (The anatomy of market failure)* năm 1958, và trong nửa thế kỷ qua, lực lượng tham gia lĩnh vực nghiên cứu này đã trở nên hết sức hùng hậu, với các học giả nổi tiếng như Joseph E. Stiglitz, người được giải thưởng Nobel Kinh tế năm 2001. Chúng ta hãy điểm qua những cái tát của bàn tay vô hình mà chúng ta sẽ nhận được khi nhà nước không đủ khả năng điều tiết và quản lý:

THỊ TRƯỜNG KHÔNG ĐÉM XỈA TỚI MÔI TRƯỜNG

Vì sao? Vì bảo vệ môi trường không đem lại lợi nhuận. Không có công ty nào muốn đứng ra quản lý một công viên quốc gia, đơn giản vì tiền vé vào cửa thu được từ người viếng thăm sẽ không bao giờ trang trải đủ các chi phí. Ngược lại, thị trường chui cho sừng tê giác, cao hổ, ngà voi vẫn thịnh vượng, bởi nó đi theo tiếng gọi của lợi nhuận khổng lồ. Cũng sẽ không có công ty nào tự mình đứng ra làm sạch một dòng sông. Ngược lại, lịch sử đầy những ví dụ các công ty xâm hại môi trường ở mức quốc gia, hay ở mức

toàn cầu: rừng bị đốn trụi, khí carbon được phun lên khí quyển, dầu loang trên biển, ô nhiễm hạt nhân, v.v... Hãy nhìn vào Trung Quốc để thấy cái giá môi trường phải trả cho phát triển kinh tế thị trường như thế nào.

THỊ TRƯỜNG LÃNG QUÊN NGƯỜI NGHÈO

Khách hàng là vua, đúng vậy, nhưng chỉ chừng nào anh ta còn là một khách hàng. Nếu anh ta không có sức mua, anh ta sẽ không tồn tại trong thị trường. Và sẽ không có thị trường cho anh ta. Người dân ở Mù Căng Chải không có ô tô, không có phim ảnh, không có sữa chua, và không có đàn dương cầm. Gần đây các tổ chức phát triển kêu gọi các công ty tư nhân sáng tạo ra những mô hình để có thể làm ăn kinh doanh với hơn một tỉ người dân toàn cầu sống với mức thu nhập dưới 2 USD/ngày, những người tạo ra cái gọi là “đáy của kim tự tháp”, vốn không được thị trường đếm xỉa tới. Kết quả tương đối hạn chế. Ngay cả ở Mỹ, nơi chôn rau cắt rốn của thị trường tự do, người ta bắt đầu cảm thấy không chấp nhận được các chênh lệch giàu nghèo. Không có gì đáng ngạc nhiên, hiện nay 1% những người giàu có nhất nước Mỹ kiểm soát 38% của cải của toàn bộ quốc gia này.

THỊ TRƯỜNG LÀM THA HÓA TRUYỀN THÔNG VÀ BÁO CHÍ

Bản chất của thị trường là chạy theo nhu cầu của đám đông. Đám đông thích đọc, xem, nghe về dâm, giết, hiếp, truyền thông cung cấp dâm, giết, hiếp. Báo chí có chất lượng rất tốn kém, các nhà báo phải điều tra, nghiên cứu nhiều tháng để ra được những phóng sự quan trọng, những bài phân tích sâu sắc, mà lại không có đông đảo người đọc. Ai là người trả cho những chi phí đó, chắc chắn không phải thị trường! Chất lượng không “câu” được “view”. Vấn đề này cũng xảy ra trong những lĩnh vực nghệ thuật khác như

mỹ thuật, sân khấu, âm nhạc cổ điển, hay những hạ tầng văn hóa như thư viện, công viên. Đây là những cái được gọi là “merit goods” - những “mặt hàng” cần được nhà nước trợ giá vì chúng không đem lại lợi nhuận.

THỊ TRƯỜNG CẢN TRỞ SÁNG TẠO

Thoạt nhìn thì đây là một nghịch lý, bởi thị trường vốn được coi là động cơ không mệt mỏi để tung ra những sản phẩm mới, những công nghệ mới, những trải nghiệm mới. Tuy nhiên, trong nhiều lĩnh vực chính nó là thế lực cản trở những thay đổi nền tảng có thể làm lung lay gốc rễ của cả một ngành công nghiệp. Nếu không được nhà nước hỗ trợ, năng lượng gió và mặt trời, công nghệ ô tô điện v.v... sẽ không có nguồn lực để phát triển và cạnh tranh với các công nghệ truyền thống, và sẽ bị bóp nghẹt trong trứng nước. Tương tự, y khoa sẽ không dồn nguồn lực vào để tìm ra thuốc và cách chữa những bệnh hiếm nghèo (rare disease), những bệnh mà người ta cho rằng tiền bán thuốc sẽ không đủ để trang trải chi phí nghiên cứu và sản xuất. Năm 1983, Mỹ đã phải thông qua đạo luật “Orphan Drug Act” để khuyến khích các công ty dược nghiên cứu và thương mại hóa thuốc điều trị các bệnh hiếm nghèo.

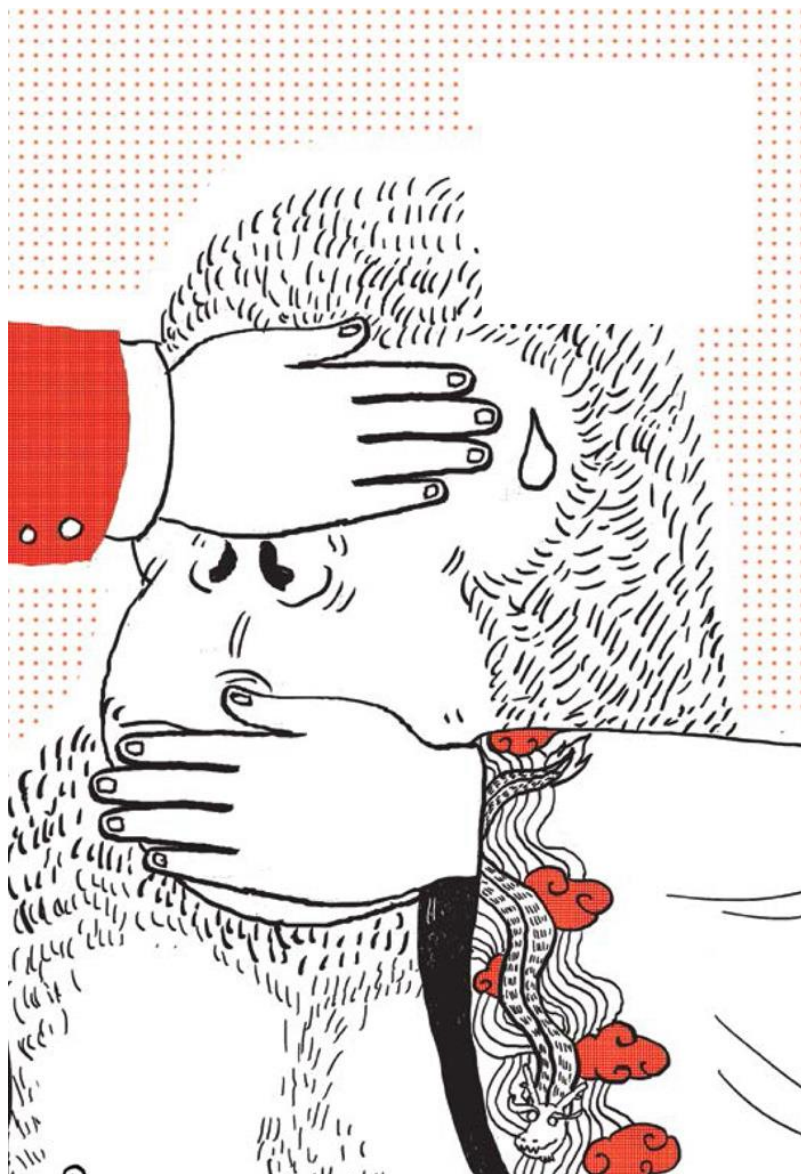
THỊ TRƯỜNG COI TẤT CẢ LÀ HÀNG HÓA

Và cuối cùng, điều gì sẽ xảy ra khi tất cả các lĩnh vực trong đời sống của chúng ta được quy thành hàng hóa để được điều tiết bởi thị trường? Nhiều nhà triết học và xã hội học đang lớn tiếng lo ngại rằng không phải chúng ta đang CÓ một nền kinh tế thị trường, mà chúng ta đang LÀ một nền kinh tế thị trường, nơi mọi thứ đều có thể được bày lên kệ để mua và bán. Trong cuốn *Những thứ tiền không thể mua được: Những hạn chế đạo đức của thị trường* (*What money cant' buy: The moral limits of markets*), giáo

sư Michael Sandel cho ta một tiếng chuông cảnh tỉnh. Liệu chúng ta có nên đi theo thị trường, và chỉ dành cho người bình dân vài mét bãi biển, còn lại dành những chỗ đẹp nhất để các resort phục vụ khách hàng của mình? Điều gì sẽ xảy ra với nhân phẩm con người khi chúng ta thiết lập một thị trường mua bán các bộ phận nội tạng, nơi mà người nghèo sẽ là nguồn cung cấp hàng hóa cho người giàu?

Liệu chúng ta có thể đo được giá trị thị trường của lòng trung thành, sự vị tha, tình yêu, và trách nhiệm?

Tháng Tám 2013



SỰ TRỖI DẬY CỦA TƯ DUY PHONG KIẾN VÀ BẢO THỦ

Phong cảnh văn hóa năm 2014 có gì đặc biệt? Ngoài những sự kiện chấn động và gây tranh cãi, từ ca sĩ Lệ Rơi tới hoa hậu Kỳ Duyên, có một dịch chuyển trong xã hội đáng được lưu ý, đó là sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo thủ. Hình hài của chủ nghĩa bảo thủ này

ra sao, và những ai đứng đằng sau nó? Chúng ta hãy cùng nhau mổ xẻ.

Hồi giữa tháng Mười, trong một chương trình ca nhạc làng nhàng của VTV3, một ban nhạc pop làng nhàng đã làm khán giả phần nộ. Lý do: để phục vụ cho ca khúc về Tây Nguyên của mình, họ đã sử dụng chiếc khăn Piêu vốn được người Thái đội trên đầu như một chiếc khố. Ngay lập tức, cộng đồng mạng dậy sóng. Nhẹ thì người ta lên án ban nhạc cùng với nhà đài là thiếu hiểu biết, vô văn hóa, phản cảm. Nặng thì người ta cho là văn hóa Thái bị chà đạp, miệt thị. Một bài báo trên Tuần Việt Nam cho biết, chiếc khăn Piêu là “kết tinh văn hóa phi vật thể của dân tộc Thái, với những hoa văn tinh tế ‘được đúc kết từ cuộc sống - lao động - sản xuất - đấu tranh sinh tồn của cả tộc người’. Một vật dụng ‘vừa gần gũi vừa thiêng liêng’ với người Thái.” Bài báo cũng khẳng định các chân lý “ai cũng biết thức ăn không thể để trên mặt ghế”, và “không thể ngồi lên một cái gối”, để minh chứng cho sự lỗ bịch khăn khố kia, và tất nhiên, lên tiếng yêu cầu các cơ quan quản lý có các “biện pháp xử lý thỏa đáng”. Chỉ trong hai ngày, status trên Facebook của tác giả bài báo được 400 share, bản thân bài báo trên Vietnamnet nhận được 23 nghìn like. Một số comment trái chiều kiểu “Thoải mái đi, ở các nước khác người ta còn lấy quốc kỳ làm bikini kia kìa” bị chìm ngấm trong biển người phần nộ cũng như các ca thán về sự xuống cấp văn hóa trong xã hội. Các nhà chức trách không để đợi lâu - một tuần sau, VTV3 bị phạt 15 triệu.

Điều mà nhiều người cho là sự phản ứng chính đáng của một cộng đồng thiểu số, dễ tổn thương, với tôi, là một thái độ bảo thủ, cứng nhắc và một suy nghĩ phong kiến. Tư duy phong kiến quy định những tên nào thì không được nhắc tới, màu sắc nào thì ai

được dùng, và các vật thể nhất định thì phải sử dụng ra sao, nếu không muốn bị quy trọng tội là “phạm húy”.

Tưởng đã được vượt qua từ lâu trong xã hội Việt Nam hiện đại và toàn cầu hóa, suy nghĩ phong kiến này nay lại lớn mạnh. Một ví dụ khác là thông tư *Hướng dẫn đặt tên doanh nghiệp phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc*, nôm na là quy định cấm các doanh nghiệp lấy tên danh nhân, được Bộ VH-TT&DL ban hành vào đầu tháng Mười.

Trong trường hợp đầu, tư duy phong kiến cho rằng vị trí mang khăn Piêu trên người của ban nhạc pop kia là không thể chấp nhận (không rõ có ổn không nếu gắn mấy cái khăn Piêu làm thành một cái khăn choàng vai, hay nếu Pierre Cardin lấy họa tiết trên khăn Piêu dùng cho khăn tắm? Liệu trong trường hợp này, sự nổi tiếng của nhà thiết kế có làm cho mục đích sử dụng được chấp nhận?)

Trong trường hợp sau, tư duy phong kiến cho rằng nếu để một quán café mang tên Nguyễn Trãi, nhưng bên trong lại xảy ra toàn các hoạt động cờ bạc, cá cược, ví dụ vậy, thì sẽ mang tiếng tới tài năng và phẩm chất đạo đức của đại nhân sĩ này. Vậy hẳn là các nhà chức trách cũng lấy làm phiền lòng lắm khi con đường mang tên danh nhân này, cũng như nhiều đường phố khác, vẫn không tránh được mùi xú uế, và rác rưởi bắn thủ ở nhiều đoạn, nhưng chẳng nhẽ lại bỏ hết tên riêng đi, và quay ra đánh số các phố giống như Hoa Kỳ làm ở New York, hay Myanmar làm ở Yangon?

Cũng với triết lý này, cuối tháng Mười, trang www.2sao.vn của công ty Vietnamnet bị phạt 55 triệu VND và tước giấy phép ba tháng vì đã đăng bài viết *Nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò* với nhiều hình danh nhân được học sinh vẽ xuyên tạc, lúc thì một

Phan Bội Châu đeo tai nghe to tướng làm DJ, lúc thì Karl Marx và Engels đang ôm nhau nhảy ba lê, hay cùng nhau chụp selfie (phải nói là hai hình này khá thông minh).

Tương tự, cuối năm 2013, quán café Cộng cũng gây ồn ào một đợt bởi vẽ lên tường hình Lê-nin và Karl Marx đội mũ giấy chóp nhọn, tay cầm cốc rượu. Ngoài ra, người ta phản ứng là thực đơn của quán được chế từ cuốn *Lê-nin toàn tập*, mà “chủ quán còn ghi trực tiếp tên đồ uống bằng bút dạ to lên trang sách, tạo nên sự nhem nhuốc làm người đọc thấy sự thiếu tôn trọng một tài sản tri thức có giá trị trên toàn thế giới.” Hồi đó, quan điểm của Sở Văn hóa Hà Nội là phải xử lý quyết liệt, “vì cái này còn liên quan tới cả vấn đề an ninh và chính trị.”

Chúng ta hãy hình dung một thế giới mà trong đó mỗi sản phẩm văn hóa, mỗi phát ngôn, mỗi bức hình, đều phải được thông qua bởi những người có khả năng liên quan, để không ai có nguy cơ bị xúc phạm. Nhân vật nữ chính trong tiểu thuyết thì phải được Hội Phụ nữ kiểm chứng là thể hiện đủ tinh thần hy sinh của phụ nữ Việt. Phim về một đại gia buôn gỗ thì phải được Hiệp hội Gỗ và Lâm sản duyệt kịch bản để bảo đảm không bêu riếu họ. Tiệm nha khoa mang tên Obama (tôi đã nhìn thấy tận mắt ở Hà Nội tiệm này với hình tổng thống Mỹ cười tươi treo trước cửa) thì phải được Lầu Năm Góc chứng nhận chất lượng kỹ thuật làm trắng răng của mình.

Trong thế giới đó, mặc một cái T-shirt có chân dung Che Guevara dính đầy dầu mỡ, chẳng may đi ngang qua đại sứ quán Cuba thì khéo tạo ra một khủng hoảng ngoại giao nhỏ. Đuôi có xăm hình thánh giá mà lang thang bên bờ biển một xóm đạo thì rất có thể bị trưởng thôn giữ lại. Vào dịp Giáng sinh, các trung tâm

thương mại sẽ bị kiện đồng loạt vì các ông già Noel giấy bồi cười tuần lộc được thể hiện ngô nghê như bị mắc hội chứng đao, mà rất có thể đơn kiện đến cả từ các Giáo dân lẫn những người bị đao, ai cũng cho rằng mình bị bêu riếu.

Nghe thì thấy hài hước, nhưng thực ra chuyện này không vui về chút nào. Thái độ bảo thủ này khá nguy hiểm. Ở một mức cao hơn, nó có thể trở thành cực đoan, khủng bố, như những gì đang xảy ra với công ty Sony Pictures và bộ phim *The Interview* họ vừa làm xong, một phim hài liên quan tới Kim Jong-Il, và bị chính quyền Bắc Hàn lên án là “xúc phạm tới danh dự của lãnh đạo” nước họ. Tuần trước, hệ thống mạng của công ty này đã bị đánh sập, vô vàn thông tin mật bị phát tán. Các tin tặc cũng tuyên bố sẽ đe dọa an ninh của các rạp chiếu phim và tính mạng khán giả, cảnh báo “cả thế giới sẽ đắm chìm trong sợ hãi” nếu bộ phim vẫn được công chiếu. Sony phải hủy toàn bộ lịch chiếu. Chính quyền Bắc Triều Tiên phủ nhận liên quan nhưng hoan nghênh vụ tấn công là một “hành động chính nghĩa”.

Tôi hy vọng tài khoản Facebook và thư điện tử của tôi sẽ không bị tấn công, nếu như bài viết này được lên mặt báo. Bởi dẫu sao chúng ta cũng không sống ở Bắc Triều Tiên, nơi chính quyền thường xuyên cầm thước vào nhà dân kiểm tra xem ảnh các lãnh tụ trên tường có bị lệch không. Thay vì các hành động cấm đoán, những quyết định trừng phạt như của vua chúa ngày xưa, chúng ta cần có những thảo luận đa chiều về chất lượng nghệ thuật, và để công chúng là người quyết định cuối cùng số phận của các sản phẩm văn hóa và nghệ thuật. Gu nghệ thuật tồi, như trường hợp của ban nhạc pop trong chương trình VTV3 trên kia, luôn là thảm họa, nhưng không phải là một tội. Thay vì ngăn chặn tự do biểu

đạt và tự do sáng tạo bởi một tư duy phong kiến bám vào hình thức, lẫn lộn giữa cái bên ngoài và giá trị bên trong, tất cả các cộng đồng, dù Thái hay Kinh, dù Phật giáo hay Cao Đài, nên vị tha, bao dung, tự tin, và hài hước hơn. Văn hóa lấy sức mạnh từ những nguồn đó, chứ không phải từ việc lập ra các đội dân quân đi tuần trên mặt báo và truyền hình sẵn sàng rút còi ra thổi phạt.

Tháng Mười hai 2014